

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT**

ĐỖ THỊ HƯỜNG

**MỐI QUAN HỆ PHỐI HỢP GIỮA CƠ QUAN AN NINH ĐIỀU
TRA VÀ VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TRONG ĐIỀU TRA,
XỬ LÝ CÁC VỤ ÁN XÂM PHẠM AN NINH QUỐC GIA**

Chuyên ngành : Luật Hình sự

Mã số : 60 38 40

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học : TS. Phạm Việt Trường

HÀ NỘI - NĂM 2011

MỤC LỤC

	Trang
<i>Trang phụ bì</i>	
<i>Lời cam đoan</i>	
<i>Mục lục</i>	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ MỐI QUAN HỆ PHỐI HỢP GIỮA CƠ QUAN AN NINH ĐIỀU TRA VÀ VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TRONG ĐIỀU TRA, XỬ LÝ CÁC VỤ ÁN XÂM PHẠM AN NINH QUỐC GIA	10
1.1. Khái niệm, tính tất yếu, đặc điểm của mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia	10
1.1.1. Khái niệm	10
1.1.2. Tính tất yếu của mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia	15
1.1.3. Đặc điểm của mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia	18
1.2. Đặc điểm các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia có liên quan đến mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân	27
1.2.1. Đặc điểm hoạt động phạm tội	27
1.2.2. Đặc điểm đối tượng phạm tội	30

	Chương 2: THỰC TRẠNG MỐI QUAN HỆ PHỐI HỢP GIỮA CƠ QUAN AN NINH ĐIỀU TRA VÀ VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TRONG ĐIỀU TRA, XỬ LÝ CÁC VỤ ÁN XÂM PHẠM AN NINH QUỐC GIA TỪ NĂM 2004 ĐẾN NAY	32
2.1.	Tổ chức bộ máy, nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan An ninh điều tra trong Công an nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân	32
2.1.1.	Tổ chức bộ máy, nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan An ninh điều tra trong Công an nhân dân	32
2.1.2.	Tổ chức bộ máy, nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân	36
2.2.	Thực trạng mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia	49
2.2.1.	Quan hệ phối hợp trong khởi tố, điều tra, xử lý vụ án xâm phạm an ninh quốc gia	49
2.2.2.	Nhận xét chung	82
	Chương 3: DỰ BÁO VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ MỐI QUAN HỆ PHỐI HỢP GIỮA CƠ QUAN AN NINH ĐIỀU TRA VÀ VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TRONG ĐIỀU TRA, XỬ LÝ CÁC VỤ ÁN XÂM PHẠM AN NINH QUỐC GIA	85
3.1.	Dự báo	85
3.1.1.	Dự báo tình hình tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia	85
3.1.2.	Yêu cầu nội dung cải cách tư pháp trong hoạt động điều tra, thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra có ảnh hưởng đến mối quan hệ phối hợp	88

3.1.3.	Dự báo về những thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia	92
3.2.	Giải pháp nâng cao hiệu quả mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia	96
3.2.1.	Nâng cao nhận thức và trách nhiệm cho các chủ thể (đặc biệt là đội ngũ Điều tra viên và Kiểm sát viên) về mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia	96
3.2.2.	Tăng cường chỉ đạo quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia	107
3.2.3.	Nâng cao hiệu quả quan hệ phối hợp trong tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác tội phạm và thống nhất quan điểm, chủ trương trong khởi tố vụ án, khởi tố bị can	112
3.2.4.	Phân định rõ trách nhiệm giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong quá trình tiến hành các hoạt động thu thập chứng cứ	116
3.2.5.	Chủ động thực hiện quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong quá trình lựa chọn hình thức xử lý vụ án xâm phạm an ninh quốc gia	117
3.2.6.	Hoàn thiện các quy định của pháp luật có liên quan đến mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia	120
	KẾT LUẬN	126
	TÀI LIỆU THAM KHẢO	129
	PHỤ LỤC	

MỞ ĐẦU

1. Lý do nghiên cứu đề tài

Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân là những cơ quan tiến hành tố tụng hình sự. Quan hệ giữa hai cơ quan này trong khởi tố, điều tra, xử lý các vụ án hình sự nói chung và các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia nói riêng được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự, Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự và ngày càng được củng cố, hoàn thiện trong quá trình xây dựng pháp luật tố tụng hình sự nước ta.

Cơ quan An ninh điều tra là một bộ phận cấu thành trong hệ thống tổ chức của lực lượng Công an nhân dân. Cơ quan An ninh điều tra có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quy định trong Luật Công an nhân dân số 54/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Mặt khác, theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự năm 2004 và theo mục 1.2 của Thông tư số 12/2004/TT-BCA (V19) do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành ngày 23/9/2004 hướng dẫn thi hành một số quy định của Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự năm 2004 trong Công an nhân dân thì Cơ quan An ninh điều tra là một trong những cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền điều tra các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia, các vụ án phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh, các tội phạm được quy định tại các Điều 180, 181, 221, 222, 223, 230, 231, 232, 236, 263, 264, 274 và Điều 275 của Bộ luật Hình sự số 15/1999/QH10 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 21/12/1999 (*được sửa đổi, bổ sung trong Luật số 37/2009/QH12 - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự được Quốc hội thông qua ngày 19/6/2009 - sau đây gọi tắt là Bộ luật Hình sự*). Để thực hiện có hiệu quả chức năng, nhiệm vụ của mình, Cơ quan An

ninh điều tra thường xuyên phải phối hợp với nhiều cơ quan, ban ngành, trong đó mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra với Viện kiểm sát nhân dân là mối quan hệ mang tính đặc trưng và xuyên suốt quá trình điều tra các vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, điều tra.

Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động điều tra theo quy định của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 (*đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25/12/2001 của Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 10 - sau đây gọi tắt là Hiến pháp năm 1992*); Luật số 34/2002/QH10 ngày 02/4/2002 về Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân; Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Theo đó, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, Viện kiểm sát nhân dân cũng luôn luôn đòi hỏi phải thực hiện tốt mối quan hệ phối hợp với Cơ quan An ninh điều tra.

Khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án hình sự là những giai đoạn khác nhau của quá trình tố tụng hình sự nhưng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, trong đó giai đoạn trước là cơ sở, tiền đề, điều kiện cho việc tiến hành các công việc của giai đoạn tiếp theo. Do đó, quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân là quan hệ phát sinh trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, đó là quan hệ phối hợp trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Theo những nguyên tắc đó, Luật Tố tụng hình sự Việt Nam quy định có sự tác động, hỗ trợ và thúc đẩy lẫn nhau trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của từng lực lượng. Nội dung quan hệ phối hợp trong việc giải quyết vụ án hình sự được quy định trong các văn bản pháp luật của Nhà nước và Quy chế nghiệp vụ của từng ngành (*ngành Kiểm sát có Quy chế công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra các vụ án hình sự ban hành kèm theo Quyết định số 07/2008/QĐ-VKSTC ngày 02/01/2008 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao*) [41].

Thực tiễn cho thấy, từ khi được thành lập cho đến nay, Cơ quan An ninh điều tra các cấp đã có quan hệ khá tốt với Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, qua đó thu được nhiều kết quả đáng khích lệ. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, góp phần quan trọng vào quá trình khởi tố, điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia, đảm bảo đúng pháp luật thì vẫn còn một số tồn tại cần khắc phục nhằm góp phần nâng cao hiệu quả quan hệ phối hợp giữa hai cơ quan này, nhất là trong chỉ đạo thực hiện quan hệ, trong việc tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm, trong khởi tố vụ án, khởi tố bị can; trong áp dụng, thay thế, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn; trong việc điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án (*khám xét, thu giữ, tạm giữ, kê biên tài sản, hỏi cung bị can và một số hoạt động thu thập chứng cứ khác ...*); trong việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung, phục hồi điều tra; trong xây dựng, hoàn thiện hồ sơ vụ án, đề nghị xử lý vụ án và các bị can trong vụ án ...

Xét về mặt lý luận, vấn đề quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra với các cơ quan khác có liên quan trong quá trình điều tra, xử lý vụ án xâm phạm an ninh quốc gia, nhất là quan hệ giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân đã được xây dựng gắn với đặc thù công tác của từng ngành, song vẫn có một số vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, không ngừng hoàn thiện theo hướng đi sâu vào các quan hệ cụ thể. Hiện nay, vấn đề quan hệ phối hợp giữa các lực lượng trong quá trình điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia mới chỉ được tiếp cận nghiên cứu mang tính liệt kê những mối quan hệ phối hợp mà chưa đi vào nghiên cứu một cách chuyên sâu về nội dung từng mối quan hệ phối hợp, đặc biệt là mối quan hệ giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân.

Ngoài ra, nghiên cứu những quy định của pháp luật liên quan đến mối quan hệ trong điều tra nói chung và mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân nói riêng cho thấy vẫn còn những bất

cập, khó khăn cho việc thực hiện mối quan hệ phối hợp giữa hai cơ quan này trong quá trình giải quyết vụ án xâm phạm an ninh quốc gia.

Vì vậy, nghiên cứu, xây dựng và không ngừng hoàn thiện cơ chế, nội dung mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia là đòi hỏi mang tính khách quan.

Vì những lý do nói trên, việc nghiên cứu đề tài: "*Mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia*" với tư cách một luận văn Thạc sĩ luật học là một đòi hỏi cần thiết, cấp bách, có ý nghĩa cả về mặt lý luận và thực tiễn.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Nghiên cứu về mối quan hệ giữa Cơ quan điều tra với Cơ quan Công tố, Viện kiểm sát nói chung và mối quan hệ giữa Cơ quan An ninh điều tra với Viện kiểm sát nhân dân nói riêng được hầu hết các quốc gia trên thế giới đặt ra và tiến hành nhằm nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm ở mỗi nước. Tuy nhiên, đối với Việt Nam, những công trình nghiên cứu về vấn đề này của các nước khác chỉ mang tính chất tham khảo do hệ thống pháp luật và cách thức áp dụng pháp luật của các nước đó khác với nước ta.

Ở nước ta, quan hệ giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia đã được nhiều tác giả ở cả hai ngành Công an và Viện kiểm sát quan tâm nghiên cứu. Trong đó, các đề tài có nội dung liên quan nhất bao gồm:

- Sách chuyên khảo "*Mối quan hệ giữa Cơ quan điều tra với các cơ quan tham gia tố tụng hình sự*" của PGS, TS Đỗ Ngọc Quang, do Nhà xuất bản Công an nhân dân xuất bản năm 2004.

- Luận văn Thạc sĩ “*Mối quan hệ giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong tố tụng hình sự Việt Nam*” của tác giả Nguyễn Tiến Sơn, hoàn thành năm 2006 tại Học viện Cảnh sát nhân dân.

- Luận án Tiến sĩ “*Mối quan hệ giữa Cơ quan cảnh sát điều tra với Viện kiểm sát trong điều tra vụ án hình sự*” của nghiên cứu sinh Đào Hữu Dân, hoàn thành năm 2006 tại Học viện Cảnh sát nhân dân.

Nghiên cứu nội dung các công trình trên cho thấy, các công trình này hoặc là đề cập sâu về phương diện pháp luật; hoặc là đề cập đến quan hệ giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát trong điều tra vụ án hình sự (*mà không phải là Cơ quan An ninh điều tra*); hoặc mới dừng lại ở phạm vi và mức độ nghiên cứu nhất định, mà không đặt ra nhiệm vụ nghiên cứu một cách hệ thống, toàn diện, sâu sắc về mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia. Vì vậy, đề tài “*Mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia*” không trùng lặp với bất kỳ đề tài khoa học, luận văn, luận án nào.

3. Mục tiêu và nhiệm vụ của luận văn

3.1. Mục tiêu

- Luận văn làm rõ những vấn đề về lý luận, thực tiễn và cơ sở pháp lý của mối quan hệ giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia.

- Đề xuất những giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia trong thời gian tới.

- Góp phần hoàn thiện lý luận về mối quan hệ phối hợp trong điều tra nói chung và mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện

kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia nói riêng.

3.2. Nhiệm vụ

Từ mục đích được xác định như trên, luận văn tập trung giải quyết những nhiệm vụ sau đây:

- Xây dựng khái niệm, đặc điểm của mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia.

- Phân tích, chỉ rõ cơ sở pháp lý của mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia.

- Làm rõ đặc điểm các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia có ảnh hưởng đến mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia.

- Phân tích, đánh giá thực trạng mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia từ năm 2004 đến nay; chỉ rõ những bài học kinh nghiệm cũng như những tồn tại, thiếu sót của vấn đề này.

- Đưa ra các dự báo, đề xuất và các giải pháp nâng cao hiệu quả mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia trong thời gian tới.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận văn

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu những vấn đề về lý luận và thực tiễn của mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra với Viện kiểm sát nhân dân trong quá trình điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia do Cơ quan An ninh điều tra thụ lý.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Phạm vi về nội dung:* Mối quan hệ (*phối hợp và chế ước*) giữa Cơ quan An ninh điều tra các cấp trong Công an nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp trong quá trình điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia theo tiến trình cải cách tư pháp.

- *Phạm vi về loại án:* Các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia do Cơ quan An ninh điều tra các cấp thụ lý điều tra theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 và Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự năm 2004.

- *Phạm vi về địa bàn:* Nghiên cứu ở Trung ương và một số tỉnh, thành phố trọng điểm trực thuộc Trung ương (*như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng*).

- *Phạm vi về thời gian:* Từ năm 2004 (*khi Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 và Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự năm 2004 có hiệu lực thi hành*) đến nay.

5. Phương pháp tiếp cận vấn đề nghiên cứu

5.1. Phương pháp tiếp cận

Đề tài sử dụng tổng hợp các phương pháp tiếp cận sau:

- Tiếp cận hệ thống, liên ngành;
- Tiếp cận lịch sử và lôgic;
- Tiếp cận định tính, định lượng;
- Tiếp cận cá biệt và so sánh;
- Tiếp cận thực tiễn Việt Nam và nước ngoài.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong quá trình nghiên cứu, các quan điểm của Đảng, Nhà nước, các quy định của ngành Công an, Kiểm sát được sử dụng với ý nghĩa là những căn cứ lý luận và thực tiễn để giải quyết vấn đề.

Các phương pháp cụ thể được sử dụng để nghiên cứu đề tài bao gồm: Phân tích, tổng hợp; thống kê; so sánh; tổng kết kinh nghiệm; chuyên gia; tọa đàm, điều tra xã hội học ...

6. Đóng góp mới của luận văn

Luận văn là công trình đầu tiên nghiên cứu một cách có hệ thống và tương đối toàn diện về mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong quá trình điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia. Giá trị về lý luận và thực tiễn của luận văn được thể hiện thông qua những đóng góp mới của luận văn, bao gồm:

- Luận văn xây dựng khái niệm, chỉ rõ các đặc điểm của mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia.

- Luận văn phân tích, luận giải cơ sở pháp lý của mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia.

- Luận văn phân tích, làm rõ đặc điểm các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia có ảnh hưởng đến mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia.

- Luận văn phân tích, đánh giá thực trạng mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia.

- Luận văn hình thành các chỉ dẫn khoa học về mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia; đưa ra những dự báo và đề xuất các giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả mối quan hệ phối hợp này trong thời gian tới.

Ngoài ý nghĩa góp phần nâng cao hiệu quả mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia, luận văn còn có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo trong các cơ sở đào tạo về luật học.

7. Ý nghĩa thực tiễn của luận văn

Kết quả nghiên cứu của luận văn sẽ góp phần bổ sung lý luận về quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong quá trình điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia.

Những đề xuất, kiến nghị có tính định hướng của đề tài có thể được vận dụng trong thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra với Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia trong thời gian tới.

Luận văn có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các giáo viên, học viên, sinh viên các trường thuộc khối Công an nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và những nhà nghiên cứu của cả hai ngành này.

8. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, mục lục, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung luận văn được cấu trúc thành 03 chương:

Chương 1: Những vấn đề cơ bản về mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia.

Chương 2: Thực trạng mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia từ năm 2004 đến nay.

Chương 3: Dự báo và giải pháp nâng cao hiệu quả mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia.

Chương 1
NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ
MỐI QUAN HỆ PHỐI HỢP GIỮA CƠ QUAN AN NINH ĐIỀU TRA
VÀ VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TRONG ĐIỀU TRA, XỬ LÝ
CÁC VỤ ÁN XÂM PHẠM AN NINH QUỐC GIA

1.1. Khái niệm, tính tất yếu, đặc điểm của mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia

1.1.1. Khái niệm

Theo “*Từ điển tiếng Việt*” của Viện Ngôn ngữ học - Nhà xuất bản Đà Nẵng năm 2002 do tác giả Hoàng Phê chủ biên thì:

“*Quan hệ là sự gắn liền về mặt nào đó giữa hai hay nhiều sự vật khác nhau, khiến sự vật này có biến đổi, thì có thể tác động đến sự vật kia*” [26, tr.799].

“*Phối hợp là cùng hành động hoặc hoạt động hỗ trợ lẫn nhau*” [26, tr.786].

Theo “*Từ điển bách khoa toàn thư Việt Nam*” trên trang website <http://www.bachkhoatoanthu.gov.vn> ngày 21/6/2010 thì:

“*Quan hệ là phạm trù triết học nói lên sự phụ thuộc lẫn nhau của các yếu tố trong một hệ thống nhất định, một trong những hình thức của sự thống nhất của các đối tượng, các thuộc tính của chúng. Quan hệ mang tính chất khách quan và phổ biến. Phạm trù quan hệ liên hệ chặt chẽ với khái niệm quy luật, thể hiện mối liên hệ bản chất của các sự vật, quy luật phát sinh và phát triển của chúng thông qua quan hệ của chúng với các sự vật khác. Khi vạch ra mối quan hệ giữa hai hoặc nhiều đối tượng, nhận thức khoa học dựa vào đặc tính khách quan của các đối tượng đó và vào thông số khách quan của đặc tính từng đối tượng. Nghiên cứu và phân loại những*

vấn đề quan hệ là đối tượng của logic quan hệ - một bộ phận của logic hình thức hiện đại”.

Cơ quan tiến hành tố tụng là các cơ quan nhà nước được giao nhiệm vụ tiến hành những hoạt động trong việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự. Theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 thì các cơ quan tiến hành tố tụng gồm có: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án. Khi tiến hành những hoạt động tố tụng cụ thể, cơ quan tiến hành tố tụng phải thông qua những con người cụ thể. Những người đó gọi là những người tiến hành tố tụng. Với từng cơ quan tiến hành tố tụng thì có người tiến hành tố tụng tương ứng. Mỗi cơ quan này đều có những nhiệm vụ và quyền hạn nhất định trong tố tụng hình sự. Các cơ quan đó có quyền đồng thời có nghĩa vụ:

“Áp dụng mọi biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ những chứng cứ xác định có tội và những chứng cứ xác định vô tội, những tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo” [31, tr.12].

Ngoài ra:

“Trong quá trình tiến hành tố tụng, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án có nhiệm vụ tìm ra những nguyên nhân và điều kiện phạm tội, yêu cầu các cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp khắc phục và ngăn ngừa” [31, tr.20].

Như vậy, pháp luật quy định Cơ quan điều tra là một trong số các cơ quan tiến hành tố tụng, có chức năng điều tra trong tố tụng hình sự. Trong phạm vi chức năng của mình, Cơ quan điều tra có nhiệm vụ tiến hành:

“Điều tra tất cả các tội phạm, áp dụng mọi biện pháp do Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 quy định để xác định tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội, lập hồ sơ đề nghị truy tố, tìm ra nguyên nhân - điều kiện phạm tội và yêu cầu các cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp khắc phục, ngăn ngừa” [39, tr.2].

Thời hạn điều tra được pháp luật quy định tương đối dài, tạo điều kiện cho Cơ quan điều tra tiến hành các hoạt động điều tra, thu thập đầy đủ các chứng cứ của vụ án, làm cơ sở cho hoạt động truy tố và xét xử sau này.

Theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 và Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự năm 2004 thì Cơ quan điều tra được tổ chức trong Công an nhân dân, Quân đội nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Trong Công an nhân dân, Cơ quan điều tra bao gồm: Cơ quan Cảnh sát điều tra, Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Cơ quan An ninh điều tra Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Cơ quan Cảnh sát điều tra các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Viện kiểm sát nhân dân cũng là một trong số các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự. Điều 1 và Điều 2 Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2002 quy định:

“Viện Kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp theo quy định của Hiến pháp và pháp luật” [30, tr.1].

Trong phạm vi chức năng của mình, Viện kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ góp phần bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ tài sản của Nhà nước, của tập thể và các quyền, lợi ích hợp pháp của công dân” [30, tr.1].

Bên cạnh đó, Viện kiểm sát còn có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan hữu quan trong việc phòng ngừa tội phạm và giáo dục pháp luật. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân có vị trí, vai trò đặc biệt trong tố tụng hình sự, không chỉ thực hiện chức năng công tố nhà nước, truy tố, thực hiện việc buộc tội người phạm tội tại Tòa án, mà còn được giao thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự nhằm đảm bảo mọi hành vi phạm tội đều phải được xử lý kịp thời; việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội; phát hiện kịp thời vi phạm

pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng, áp dụng các biện pháp luật định để loại trừ việc vi phạm pháp luật của các cơ quan và cá nhân này. Viện kiểm sát nhân dân có vai trò và thẩm quyền rất lớn trong hoạt động điều tra; phê chuẩn các quyết định bắt, tạm giữ, tạm giam trong giai đoạn điều tra và chịu trách nhiệm về các trường hợp oan, sai trong việc bắt, tạm giữ, tạm giam thuộc phạm vi thẩm quyền phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân.

Do Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân đều là những cơ quan tiến hành tố tụng hình sự, nên quan hệ giữa hai cơ quan là quan hệ pháp luật. Cũng theo “*Từ điển bách khoa toàn thư Việt Nam*” trên trang website <http://www.bachkhoatoanthu.gov.vn> ngày 21/6/2010 thì:

“Quan hệ pháp luật” là quan hệ xã hội có ý nghĩa pháp lý và được các quy phạm pháp luật điều chỉnh. Những người tham gia các quan hệ xã hội đó là những người mang quyền và nghĩa vụ chủ thể. Các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật gồm chủ thể, nội dung và khách thể. Quan hệ pháp luật nảy sinh khi phát sinh các sự kiện pháp lý đã được luật định (hợp đồng, vi phạm pháp luật, văn bản hành chính ...).

Từ những phân tích nêu trên, có thể đưa ra khái niệm: *Quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý vụ án xâm phạm an ninh quốc gia là quan hệ xã hội có ý nghĩa pháp lý nảy sinh khi xảy ra vụ án xâm phạm an ninh quốc gia thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan An ninh điều tra, được các quy phạm pháp luật tố tụng hình sự điều chỉnh; những người tham gia quan hệ này bao gồm Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan An ninh điều tra và Điều tra viên (thuộc Cơ quan An ninh điều tra); Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên (thuộc Viện kiểm sát nhân dân) mang quyền và nghĩa vụ theo luật định trong suốt quá trình giải quyết vụ án xâm phạm an ninh quốc gia.*

Giải quyết vụ án xâm phạm an ninh quốc gia là một quá trình, trong đó có mối quan hệ giữa các giai đoạn: Khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. Nếu xem xét dưới góc độ các chủ thể tiến hành tố tụng hình sự, có thể thấy các mối quan hệ phát sinh giữa Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án khi các cơ quan này thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình trong quá trình giải quyết vụ án xâm phạm an ninh quốc gia. Nếu xem xét dưới góc độ của từng cơ quan tiến hành tố tụng, lại thấy xuất hiện những quan hệ nội tại, bên trong các cơ quan, như trong Cơ quan điều tra có quan hệ giữa Thủ trưởng Cơ quan điều tra với Điều tra viên, giữa các đơn vị (*bộ phận*) của Cơ quan điều tra trong phối hợp điều tra; giữa Cơ quan điều tra cấp trên với Cơ quan điều tra cấp dưới, giữa Cơ quan điều tra với các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra; giữa Cơ quan điều tra với các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác tham gia vào việc giải quyết vụ án hình sự ... Các quan hệ này được hình thành một cách khách quan và tùy theo vị trí, chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan mà có tính chất, đặc điểm khác nhau.

Như vậy, quá trình giải quyết vụ án hình sự đã làm nảy sinh mối quan hệ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, mối quan hệ trong nội bộ các cơ quan tiến hành tố tụng; mối quan hệ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng với những người tham gia tố tụng và với các cơ quan, tổ chức có nghĩa vụ tham gia vào việc giải quyết vụ án hình sự. Trong tổng thể các mối quan hệ đó thì mối quan hệ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng là mối quan hệ xuyên suốt và cơ bản nhất, trên cơ sở thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan tiến hành tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Trong những năm qua, công tác phối hợp trong điều tra xử lý, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia và đấu tranh phòng, chống tội phạm giữa Bộ Công an với Viện kiểm sát nhân dân tối cao nói chung, giữa

Cơ quan An ninh điều tra thuộc Bộ Công an với Viện kiểm sát nhân dân nói riêng đã đạt được nhiều kết quả tích cực.

1.1.2. Tính tất yếu của mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia

Quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân là quan hệ phát sinh trong quá trình giải quyết vụ án hình sự nói chung và giải quyết vụ án xâm phạm an ninh quốc gia nói riêng, mà thực chất là sự phối hợp trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm theo những nguyên tắc do pháp luật tố tụng hình sự quy định, có sự tác động, hỗ trợ và thúc đẩy lẫn nhau trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ. Nội dung hoạt động phối hợp trong việc giải quyết án được quy định trong các văn bản pháp luật của Nhà nước và các Quy chế nghiệp vụ của từng ngành. Phạm vi công tác phối hợp từ khi phát hiện tội phạm đến khi kết thúc điều tra, truy tố, xét xử hoặc quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ việc giải quyết vụ án.

Thực tiễn công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong điều tra, xét xử đối với các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia trong những năm qua cho thấy: Công tác phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân có tác động trực tiếp và rất tích cực đến kết quả giải quyết các vụ án. Vì vậy, việc tổng kết thực tiễn, rút ra những bài học kinh nghiệm trong công tác phối hợp giải quyết án giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân là thực sự cần thiết để qua đó mỗi cơ quan tiến hành tố tụng đề xuất được những giải pháp, thống nhất cùng nhau thực hiện nhằm nâng cao chất lượng công tác điều tra và kiểm sát điều tra, xử lý các vụ án đáp ứng yêu cầu phát hiện, xử lý kịp thời, có hiệu quả đối với các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia, đáp ứng yêu cầu bảo đảm an ninh chính trị, giữ vững trật tự an toàn xã hội.

Tính tất yếu của mối quan hệ giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia phải dựa trên cơ sở vận dụng phép biện chứng duy vật về mối liên hệ phổ biến vào hoạt động tổ tụng hình sự. Theo đó, quan hệ giữa các chủ thể tiến hành tổ tụng vừa có nét chung của quan hệ biện chứng giữa các sự vật, hiện tượng, quá trình của hiện thực khách quan, vừa có nét đặc thù trong tổ tụng hình sự.

Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân có vị trí, chức năng và quyền hạn khác nhau, nhưng cả hai đều có cùng nhiệm vụ là áp dụng mọi biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ; làm rõ chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, những tình tiết khác có liên quan để có cơ sở truy tố bị can trước Tòa án. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân tất yếu sẽ nảy sinh các quan hệ mà việc nhận thức và vận dụng nó có thể ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực đến kết quả giải quyết vụ án. Vì vậy, việc xác định rõ bản chất quan hệ có ý nghĩa quan trọng trong nhận thức và hoạt động của Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Đánh giá bản chất quan hệ giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong quá trình điều tra vụ án xâm phạm an ninh quốc gia cần phải dựa trên tư duy khoa học, bởi lẽ đối tượng nhận thức ở đây là quan hệ được hình thành trong hoạt động điều tra, truy tố người phạm tội thông qua việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan tiến hành tổ tụng, chứ không chỉ đơn thuần là xem xét bản chất hoạt động của Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân. Tất nhiên, khi xem xét bản chất quan hệ không thể không tính đến vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong quá trình điều tra

vụ án. Trên quan điểm cải cách tư pháp đã được thể chế hóa trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 và các văn bản pháp luật tố tụng hình sự khác cho thấy vị trí, vai trò của Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân được đề cao theo hướng nâng cao quyền hạn và trách nhiệm của từng cơ quan, từng Điều tra viên và Kiểm sát viên trong khi thực hiện nhiệm vụ của mình. Tuy Viện kiểm sát nhân dân chưa phải là cơ quan công tố chỉ đạo hoạt động điều tra, nhưng theo tinh thần của cải cách tư pháp thì Viện kiểm sát nhân dân đã tham dự vào quá trình điều tra nhiều hơn, có quyền quyết định cuối cùng trong việc khởi tố, truy tố người phạm tội ra trước Tòa án. Nhưng cũng theo các quy định của pháp luật tố tụng hình sự hiện hành thì chất lượng hoạt động điều tra làm cơ sở cho việc truy tố đúng người, đúng tội lại chủ yếu phụ thuộc vào Cơ quan An ninh điều tra. Vì những lẽ đó, quan hệ giữa Cơ quan An ninh điều tra với Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra vụ án xâm phạm an ninh quốc gia không thể được hiểu là quan hệ “*ngang bằng*” như trong quan hệ giữa các cơ quan hành chính nhà nước, mà phải coi là quan hệ pháp luật tố tụng hình sự; quan hệ giữa các cơ quan có thẩm quyền tố tụng nhằm đảm bảo mọi tội phạm được phát hiện đều phải được khởi tố, điều tra để làm rõ sự thật, làm cơ sở cho việc truy cứu trách nhiệm hình sự đúng người, đúng tội, đúng chính sách, đúng pháp luật; không làm oan người vô tội, không để lọt tội phạm. Mọi quan hệ như vậy nhằm đảm bảo tính khách quan cho quá trình điều tra, làm cho quá trình điều tra đi đúng hướng và phát hiện, khắc phục kịp thời các vi phạm pháp luật có thể xảy ra.

Cũng cần nhận thức rõ rằng, quan hệ giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân không có tính áp đặt, mà tự nó phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật tố tụng hình sự, vượt quá giới hạn trách nhiệm, quyền hạn của mình là dẫn đến vi phạm, làm giảm hiệu quả điều tra, khám phá tội phạm.

Như vậy, có thể đưa ra kết luận: “Mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý vụ án xâm phạm an ninh quốc gia là quan hệ pháp luật tổ tụng hình sự trong tổ chức và tiến hành các hoạt động điều tra nhằm xác định tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội một cách nhanh chóng, khách quan, toàn diện, chính xác, đúng pháp luật”.

1.1.3. Đặc điểm của mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia

Quan hệ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự được biểu hiện như là hình thức và cách thức thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan thông qua hoạt động cụ thể của những người được Nhà nước trao cho quyền năng pháp lý để tiến hành các hoạt động tố tụng, nhằm giải quyết vụ án hình sự một cách đúng đắn, khách quan và đúng pháp luật.

Khác với quan hệ trong hoạt động hành chính nhà nước mà đặc trưng là quan hệ chấp hành và điều hành, quan hệ trong tố tụng hình sự chịu sự chi phối bởi phương pháp điều chỉnh của ngành luật tố tụng hình sự. Theo đó, các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình được tiến hành các hoạt động tố tụng hình sự trong khuôn khổ của pháp luật nhưng tương đối độc lập. Đến lượt mình, các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự phối hợp hoạt động (*trong sự ràng buộc*), cùng có nhiệm vụ chung là làm rõ sự thật vụ án nhằm đảm bảo việc tuân thủ pháp luật một cách chặt chẽ. Trong hoạt động tố tụng hình sự, các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng phải đảm bảo những nguyên tắc tố tụng hình sự như: Nguyên tắc đảm bảo pháp chế, đảm bảo quyền dân chủ trong hoạt động tố tụng, đảm bảo cho công tác xét xử ...

Quan hệ của các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự được pháp luật quy định rất chặt chẽ, theo một trình tự và những thủ tục nghiêm ngặt. Cụ thể là: Mỗi cơ quan tiến hành tố tụng (*thông qua người có thẩm quyền hay người có chức danh tư pháp*) có nhiệm vụ và quyền hạn để thực hiện nhiệm vụ giải quyết vụ án hình sự ở từng giai đoạn tố tụng hình sự (*khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự*). Mỗi giai đoạn tố tụng hình sự có nhiệm vụ riêng, theo đó, có tổ chức (*bộ máy*) hay chủ thể tiến hành tố tụng riêng, quyết định tới từng giai đoạn tố tụng là văn bản tố tụng phù hợp. Cụ thể hóa nội dung này có thể thấy: Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan An ninh điều tra kết thúc điều tra vụ án bằng bản kết luận điều tra, quyết định đề nghị truy tố hoặc quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra; trong giai đoạn truy tố, Viện kiểm sát nhân dân dựa vào kết luận điều tra của Cơ quan An ninh điều tra và qua thực hiện kiểm sát điều tra để quyết định truy tố bị can trước Tòa án (*Viện kiểm sát nhân dân làm bản cáo trạng*); trong giai đoạn xét xử, Tòa án dựa vào kết quả của Cơ quan An ninh điều tra và cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân để quyết định đưa vụ án, bị can ra xét xử công khai và kết quả hoạt động xét xử là bản án, quyết định của Tòa án. Như vậy, quá trình tố tụng hình sự là sự kế tục liên tiếp kết quả hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng (*Cơ quan An ninh điều tra, Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân*) trong mối quan hệ rất chặt chẽ.

Từ bản chất, có thể chỉ ra các đặc điểm cơ bản của quan hệ giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân như sau:

Về phạm vi: Quan hệ giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trực tiếp phát sinh từ khi tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, khởi tố vụ án đến khi kết thúc điều tra vụ án, hoàn thành bản kết luận điều tra và đề nghị truy tố người phạm tội.

Theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự hiện hành, việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm là trách nhiệm của Cơ quan An ninh điều tra. Bắt đầu từ đây, trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân cũng được phát sinh, cơ quan này phải kiểm tra việc xác minh và việc xử lý các thông tin về tội phạm của Cơ quan An ninh điều tra. Quyết định khởi tố hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự của Cơ quan An ninh điều tra được Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát chặt chẽ. Việc xem xét tính có căn cứ và hợp pháp trong quyết định khởi tố của Cơ quan An ninh điều tra là bắt đầu quá trình thực hành quyền kiểm sát và quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân. Toàn bộ hoạt động của Cơ quan An ninh điều tra từ việc khởi tố bị can, áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn; thực hiện việc khám xét, hỏi cung bị can, lấy lời khai, đối chất, nhận dạng, thực nghiệm điều tra; tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra, kết thúc điều tra, lập hồ sơ đề nghị truy tố người phạm tội đều gắn với trách nhiệm thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra của Viện kiểm sát nhân dân.

Về tính chất: Quan hệ giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân vừa mang tính phối hợp, vừa mang tính chế ước:

Tính phối hợp thể hiện: Quan hệ giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân được hình thành một cách tất yếu thông qua việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan trong giai đoạn khởi tố, điều tra vụ án xâm phạm an ninh quốc gia. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan đã được pháp luật quy định, có thể thấy trách nhiệm phối hợp của Cơ quan An ninh điều tra trong quan hệ với Viện kiểm sát nhân dân bao gồm: Cơ quan An ninh điều tra phải thông báo kịp thời và đầy đủ về tình hình tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm cho Viện kiểm sát nhân dân để cơ quan này kiểm sát việc thẩm tra, xác minh và xử lý các thông tin về tội phạm; trong quá trình điều tra, Cơ quan An ninh điều tra phải thông

báo cho Viện kiểm sát nhân dân về tiến độ giải quyết vụ án, các vấn đề mới nảy sinh trong quá trình điều tra để Viện kiểm sát nhân dân phối hợp giải quyết; các yêu cầu, quyết định của Viện kiểm sát nhân dân trong quá trình điều tra vụ án xâm phạm an ninh quốc gia phải được thực hiện nghiêm chỉnh, đồng thời Cơ quan An ninh điều tra phải tạo những điều kiện thuận lợi cho Viện kiểm sát nhân dân khi thực hiện nhiệm vụ kiểm sát điều tra.

Trách nhiệm phối hợp của Viện kiểm sát nhân dân trong quan hệ phối hợp với Cơ quan An ninh điều tra bao gồm: Khi thực hiện nhiệm vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, Viện kiểm sát nhân dân chủ động đề ra yêu cầu điều tra toàn diện và đầy đủ; thông qua các hoạt động kiểm sát trực tiếp hoặc gián tiếp, phát hiện và yêu cầu Cơ quan An ninh điều tra khắc phục những thiếu sót nhằm đảm bảo cho hoạt động điều tra được tiến hành một cách khách quan và hợp pháp; trực tiếp áp dụng những biện pháp do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định nhằm phát hiện tội phạm; ngăn chặn kịp thời việc bỏ lọt tội phạm, làm oan người vô tội.

Ngoài ra, quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân còn được thể hiện trong việc xác định tội phạm và người phạm tội; đánh giá chứng cứ; xác định tính chất vụ án; phương hướng điều tra ... Đặc biệt, trong các vụ án hình sự trọng điểm, vụ án có nhiều tình tiết phức tạp, vụ án xâm phạm an ninh quốc gia thì việc phối hợp ngay từ đầu giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân có ý nghĩa rất quan trọng trong việc nâng cao chất lượng điều tra vụ án thuộc loại này.

Cũng cần lưu ý rằng, sự phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân không phải là làm thay nhiệm vụ, quyền hạn của nhau, mà quá trình giải quyết vụ án phải tuân theo những quy định của pháp luật tố tụng hình sự về phạm vi, trách nhiệm và quyền hạn của từng cơ quan. Chẳng hạn, cùng có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự, nhưng trách nhiệm

khởi tố vụ án hình sự chủ yếu do Cơ quan An ninh điều tra thực hiện, Viện kiểm sát nhân dân chỉ khởi tố vụ án xâm phạm an ninh quốc gia khi Viện kiểm sát nhân dân hủy bỏ quyết định không khởi tố vụ án hình sự của Cơ quan An ninh điều tra (Điều 109 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003) [31, tr.86] - đây chính là giới hạn tuyệt đối của sự phối hợp, lạm dụng quan hệ phối hợp hoặc tuyệt đối hóa chức năng, nhiệm vụ của mình đều là những khuynh hướng cần tránh trong thực tiễn điều tra vụ án hình sự nói chung và vụ án xâm phạm an ninh quốc gia nói riêng.

Tính chế ước thể hiện: Quan hệ giữa Viện kiểm sát nhân dân và Cơ quan An ninh điều tra trong tố tụng hình sự là quan hệ chế ước. Bản chất của quan hệ chế ước là xuất phát từ chức năng của Viện kiểm sát nhân dân thông qua việc thực hành quyền công tố nhằm đảm bảo mọi hành vi phạm tội đều phải được phát hiện kịp thời, việc khởi tố, điều tra đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 với những điểm mới được bổ sung tại các Điều 23, 36, 37, 109, 112, 113 ... cho thấy việc xác định ngày càng rõ chức năng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân. Theo đó, Viện kiểm sát nhân dân giữ vai trò chủ đạo, quyết định trong các hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự; chịu trách nhiệm về tính phối hợp và hiệu quả của các hoạt động điều tra. Như vậy, quan hệ chế ước giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân không phải là sự “*chế ước lẫn nhau*” giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân, mà chỉ có một chiều - đó là sự chế ước của Viện kiểm sát nhân dân đối với các hoạt động của Cơ quan An ninh điều tra.

Theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, quyền chế ước của Viện kiểm sát nhân dân đối với hoạt động của Cơ quan An ninh điều tra bao gồm:

Viện kiểm sát nhân dân thực hiện quyền kiểm sát toàn bộ hoạt động điều tra của Cơ quan An ninh điều tra; từ khi tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, đến khi vụ án được khởi tố, điều tra, kết thúc điều tra, hoàn thành bản kết luận điều tra và đề nghị truy tố người phạm tội. Viện kiểm sát nhân dân có quyền yêu cầu đối với Cơ quan An ninh điều tra khi thấy việc điều tra chưa toàn diện, đầy đủ hoặc có vi phạm pháp luật; quyền phê chuẩn, không phê chuẩn hoặc hủy bỏ các quyết định trái pháp luật của Cơ quan An ninh điều tra (*đây là sự biểu hiện tập trung quyền chế ước của Viện kiểm sát nhân dân đối với các hoạt động của Cơ quan An ninh điều tra trong hoạt động điều tra vụ án hình sự*). Cơ quan An ninh điều tra có trách nhiệm phải thực hiện các yêu cầu của Viện kiểm sát nhân dân.

Trong thực tế, quyền chế ước của Viện kiểm sát nhân dân đối với Cơ quan An ninh điều tra phải được xem xét trong mối quan hệ khi thực hiện nhiệm vụ điều tra vụ án hình sự. Khác với chức năng của các cơ quan công tố ở một số nước (*Công tố viên chỉ đạo trực tiếp hoạt động điều tra, quyết định khởi tố và truy tố người phạm tội trước Tòa án*), pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện tại xác định Cơ quan Điều tra nói chung và Cơ quan An ninh điều tra nói riêng là cơ quan tư pháp độc lập, được quyền chủ động tiến hành điều tra và áp dụng các biện pháp điều tra theo quy định của pháp luật; Viện kiểm sát nhân dân mặc dù có vị trí rất quan trọng, nhưng không làm thay thế quyền điều tra của Cơ quan An ninh điều tra. Vì vậy, để đảm bảo quyền chế ước hoạt động điều tra, Viện kiểm sát nhân dân phải thường xuyên nắm chắc quá trình, kết quả điều tra thông qua việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình để thiết lập và duy trì quan hệ với Cơ quan An ninh điều tra.

Phối hợp và chế ước trong quan hệ giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân là quan hệ biện chứng, chặt chẽ, không loại trừ nhau mà bổ sung cho nhau. Vì vậy, hoạt động điều tra của Cơ quan An ninh điều

tra với thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra của Viện kiểm sát nhân dân không gây cản trở, hạn chế lẫn nhau mà đều nhằm thực hiện mục đích chung là giải quyết đúng đắn vụ án hình sự.

Về cơ chế thực hiện: Quan hệ giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra vụ án hình sự được thực hiện thông qua hoạt động cụ thể, trực tiếp của những người có chức danh tư pháp trong Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân, nói cách khác là thông qua các cá nhân được Nhà nước trao cho các quyền năng tố tụng.

Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, lần đầu tiên đã cụ thể hóa trách nhiệm của những người tiến hành tố tụng trong Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân, trong đó có phân biệt chức năng quản lý hoạt động tố tụng với chức năng tiến hành tố tụng của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan An ninh điều tra và Điều tra viên; của Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên. Một số văn bản pháp luật tố tụng hình sự khác đã quy định tiêu chuẩn đối với các chức danh trên nhằm đảm bảo việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan theo đúng yêu cầu của pháp luật. Thực tiễn điều tra các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia cho thấy, hiệu quả thực hiện quan hệ giữa Cơ quan An ninh điều tra với Viện kiểm sát nhân dân tùy thuộc vào sự chỉ đạo, điều hành của Thủ trưởng Cơ quan An ninh điều tra và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân các cấp; vào việc hình thành cơ chế của sự phối hợp và chất lượng đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên. Kinh nghiệm thực tiễn cũng chỉ ra rằng, những vướng mắc trong quan hệ nhiều khi không phải do thiếu quy định, mà do vướng mắc trong quan hệ cá nhân, trong nhận thức thiếu đầy đủ của Điều tra viên và Kiểm sát viên.

Nội dung của mối quan hệ này thể hiện tính chất pháp lý giữa ba chức năng cơ bản của tố tụng hình sự, đó là: Công tố, bào chữa và xét xử với mô

hình tố tụng tranh tụng đang trong quá trình cải cách tư pháp theo tinh thần Nghị quyết số 08-NQ/TW và Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Mỗi quan hệ chế ước đó thể hiện qua các hoạt động cụ thể sau:

- *Trong tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm:* Mỗi quan hệ chế ước thể hiện sự giám sát và kiểm tra đối với Cơ quan An ninh điều tra trong hoạt động tố giác, tin báo về tội phạm. Theo quy định tại Điều 103 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 thì Cơ quan An ninh điều tra khi tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, nếu xét thấy có dấu hiệu tội phạm thì phải khởi tố vụ án hình sự và điều tra làm rõ. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, Viện kiểm sát nhân dân yêu cầu Cơ quan An ninh điều tra xem xét giải quyết và trả lời đơn tố giác, tin báo về tội phạm.

Sự chế ước trong hoạt động này thể hiện quyền năng yêu cầu Cơ quan an ninh điều tra phải thực hiện việc xem xét, đánh giá tính chất mức độ và xác minh thông tin liên quan đến những nội dung đơn tố giác, tin báo về tội phạm, nếu có dấu hiệu về hình sự thì yêu cầu khởi tố vụ án hình sự và Viện kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ kiểm sát việc giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm.

- *Trong khởi tố vụ án và khởi tố bị can:* Mỗi quan hệ chế ước được thể hiện tại Điều 109 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định về quyền hạn và trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân trong khởi tố vụ án hình sự.

Trách nhiệm của Cơ quan An ninh điều tra trong việc thực hiện các yêu cầu và quyết định của Viện kiểm sát nhân dân được quy định tại Điều 114 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Những quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự đã nêu rõ quyền năng pháp lý được Nhà nước giao cho Viện kiểm sát nhân dân là kiểm sát hoạt động điều tra của Cơ quan An ninh điều tra trong lĩnh vực điều tra tội phạm; mặc dù đến nay có nhiều ý kiến nên thu gọn đầu mỗi Cơ quan điều tra nói

chung (*Cơ quan An ninh điều tra nói riêng*) và gắn điều tra với công tố nhưng thực tế cho thấy hoạt động điều tra đã phần nào gắn với công tố.

Theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì khi Cơ quan An ninh điều tra ra quyết định khởi tố vụ án, trong thời hạn 24 giờ, quyết định khởi tố vụ án hình sự đó phải được gửi đến Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp để kiểm sát việc khởi tố. Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát việc khởi tố vụ án hình sự đó, nếu xét thấy quyết định khởi tố vụ án hình sự không có căn cứ thì ra quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố của Cơ quan An ninh điều tra hoặc trong trường hợp Cơ quan An ninh điều tra có quyết định không khởi tố vụ án hình sự mà Viện kiểm sát nhân dân xét thấy có căn cứ thì ra quyết định hủy bỏ quyết định không khởi tố vụ án hình sự của Cơ quan An ninh điều tra và yêu cầu Cơ quan An ninh điều tra khởi tố vụ án hình sự, hoặc Viện kiểm sát nhân dân tự mình khởi tố vụ án hình sự và yêu cầu Cơ quan An ninh điều tra điều tra làm rõ (*Điều 109 Bộ luật Tố tụng hình sự*) [31, tr.86].

- *Trong việc phê chuẩn các lệnh, các quyết định của Cơ quan An ninh điều tra:* Mọi quan hệ chế ước được thể hiện thông qua các hoạt động tố tụng giữa Cơ quan An ninh điều tra với Viện kiểm sát nhân dân và được quy định tại một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự, đó là các quyết định của Cơ quan An ninh điều tra liên quan đến việc bắt khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam, gia hạn tạm giam, gia hạn thời hạn điều tra ... trong các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia đều phải được sự phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân. Các quyết định của Cơ quan An ninh điều tra là các quyết định pháp lý. Nhưng quyết định phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân là quyết định pháp lý cuối cùng; bản chất của vấn đề này là việc xem xét lại, kiểm tra, đánh giá tính đúng đắn và tính hợp pháp của các quyết định của Cơ quan An ninh điều tra.

- *Trong giải quyết một số vấn đề liên quan đến thẩm quyền điều tra, chuyển vụ án và giải quyết tranh chấp trong hoạt động điều tra:* Pháp luật tố

tung hình sự quy định chức năng, thẩm quyền của từng cơ quan cụ thể, song với việc quy định các trường hợp tranh chấp thẩm quyền giải quyết, nhập, tách vụ án ... đều chỉ do Viện kiểm sát nhân dân quyết định, chứng tỏ Viện kiểm sát nhân dân giữ một vai trò hết sức quan trọng trong giai đoạn điều tra vụ án.

- *Đặc biệt, tính chế ước được thể hiện thông qua việc có truy tố hay không truy tố:* Đường lối giải quyết vụ án cho đúng pháp luật. Mặc dù kết luận điều tra đã đề nghị truy tố, Viện kiểm sát nhân dân nghiên cứu toàn bộ hồ sơ vụ án nếu thấy chưa đầy đủ chứng cứ hoặc hoàn toàn không đủ cơ sở để buộc tội thì có quyền trả hồ sơ để yêu cầu điều tra bổ sung.

1.2. Đặc điểm các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia có liên quan đến mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân

Qua khảo sát 207 vụ án điển hình do Cơ quan An ninh điều tra trên toàn quốc đã thụ lý điều tra trong thời gian từ năm 2004 đến nay, có thể đưa ra một số đặc điểm có liên quan, chi phối, ảnh hưởng đến quan hệ giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong quá trình điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia như sau:

1.2.1. Đặc điểm hoạt động phạm tội

Khảo sát thực tế cho thấy, mặc dù số lượng các vụ án không nhiều nhưng đa số đều phức tạp, liên quan trực tiếp đến các vấn đề về chính trị, đối ngoại của đất nước. Hành vi của các đối tượng trong những vụ án này thường xâm phạm đến sự tồn tại và vững mạnh của chính quyền nhân dân, đến an ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh nội bộ các cơ quan Đảng, Nhà nước; thể hiện sự phản kháng, chống đối của giai cấp đã bị lật đổ, các thế lực thù địch đối với nước ta. Hoạt động của bọn phạm tội diễn ra với nhiều phương thức, thủ đoạn khác nhau, từ triệt để lợi dụng các vấn đề “*tự do*”, “*dân chủ*”,

“*nhân quyền*”, “*dân tộc*”, “*tôn giáo*”; lợi dụng các điều kiện đổi mới, mở cửa; lợi dụng những sơ hở, thiếu sót của nước ta trong công tác quản lý kinh tế - xã hội để phạm tội đến cấu kết, móc nối, kêu gọi sự tài trợ, can thiệp của các thế lực thù địch nước ngoài ... Do đó, quá trình điều tra, Cơ quan An ninh điều tra thường đối diện với nhiều sự can thiệp mạnh mẽ của các thế lực thù địch và bọn phản động ở trong và ngoài nước.

Mặc dù đã có sự điều chỉnh về mặt sách lược và quan hệ ngoại giao đối với nước ta, song âm mưu cơ bản, lâu dài của không ít các thế lực thù địch vẫn là tìm mọi cách xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản và chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Họ cho rằng việc trừng trị các đối tượng phạm tội ở Việt Nam là đàn áp tư tưởng, vi phạm nhân quyền. Tráng trọng hơn, Mỹ còn ra các đạo luật về nhân quyền ở Việt Nam; Nghị viện Châu Âu đã nhiều lần ra các nghị quyết về vấn đề nhân quyền ở Việt Nam với nội dung thể hiện sự không đồng tình với việc Việt Nam xử lý những người có hành vi xâm phạm an ninh quốc gia. Điều đó đòi hỏi việc điều tra của Cơ quan An ninh điều tra không chỉ nhằm làm rõ hành vi của những cá nhân vi phạm pháp luật hình sự, mà còn bao gồm cả việc đấu tranh chống lại sự chống phá, can thiệp của các thế lực thù địch, bảo vệ chủ quyền, lợi ích quốc gia và định hướng xã hội chủ nghĩa.

Bên cạnh đó, các thế lực chống đối và tổ chức phản động lưu vong người Việt ở nước ngoài cũng đang ráo riết chống phá ta. Những sơ hở trong quá trình điều tra, xử lý tội phạm đều bị chúng thổi phồng, xuyên tạc và lợi dụng để can thiệp vào quá trình điều tra. Một số bản kết luận điều tra, cáo trạng truy tố các đối tượng phạm tội do Cơ quan điều tra thụ lý được chúng đưa lên mạng internet và tổ chức “*phân tích*”, “*bình luận*”, “*bào chữa*” với ý đồ chứng minh rằng ở Việt Nam không có công lý, dân chủ ở Việt Nam bị chà đạp. Lý luận của chúng đề cập đến nhiều phương diện, từ tính hợp lý của

pháp luật đến việc định tội danh và vấn đề áp dụng pháp luật trong quá trình điều tra.

Từ những đặc điểm nêu trên đòi hỏi trong quá trình điều tra, các Cơ quan An ninh điều tra phải phối hợp chặt chẽ với Viện kiểm sát nhân dân các cấp trong việc áp dụng pháp luật sao cho khôn khéo, tránh rập khuôn, máy móc. Việc định tội danh để điều tra, truy tố, xét xử một mặt phải đảm bảo yêu cầu trừng trị tội phạm và pháp chế xã hội chủ nghĩa; mặt khác phải góp phần phục vụ yêu cầu đối ngoại, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của dư luận quốc tế, hạn chế đến mức thấp nhất những sơ hở, thiếu sót, không để các thế lực thù địch có thể lợi dụng, xuyên tạc, vu cáo Việt Nam.

Tóm lại, hoạt động của tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia trong thời gian qua diễn ra phức tạp cả về số lượng, tính chất, đối tượng phạm tội: Nổi lên là hoạt động của một số đối tượng trí thức trẻ, lợi dụng vấn đề dân chủ, nhân quyền để tuyên truyền, xuyên tạc, vu khống, bôi nhọ lãnh đạo Đảng, Nhà nước, đòi “*đa nguyên, đa đảng*”, đòi xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng; hoạt động của một số đối tượng lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo tuyên truyền, kích động tư tưởng dân tộc hẹp hòi, kích động biểu tình, bạo loạn chính trị, đòi ly khai, chống phá việc thực hiện các chính sách kinh tế, xã hội của Đảng, Nhà nước. Một số đối tượng cơ hội chính trị liên kết với số đối tượng cực đoan trong một số tổ chức tôn giáo, tổ chức phản động lưu vong ở nước ngoài hoạt động ngày càng trắng trợn, công khai, thách thức chính quyền, tìm mọi cách phát triển “*phong trào dân chủ*”, hình thành các “*nhóm*”, “*khối*”, “*liên minh*” với mưu đồ ra đời các tổ chức chính trị đối lập, soạn thảo, phát tán nhiều tài liệu phản động, trả lời phỏng vấn đài, báo nước ngoài, vu cáo Việt Nam; lôi kéo, tập hợp lực lượng nhằm vào các đối tượng có tư tưởng bất mãn hoặc mơ hồ về chính trị, nhận thức hạn chế ... ; kích động, phát tán “*cương lĩnh điều lệ Đảng*” để tuyên truyền cho “*phong trào dân chủ*”. Một số đối

tượng trong nước được sự hậu thuẫn của các thế lực thù địch và bọn phản động người Việt lưu vong như các tổ chức “*Việt Tân*”, “*Đảng dân chủ Việt Nam*”. Chúng triệt để lợi dụng các vấn đề nhạy cảm về chính trị, các chính sách về kinh tế, tài chính, y tế, giáo dục, các vụ khiếu kiện ... để ráo riết thực hiện các hành vi như soạn thảo, tàng trữ, treo khẩu hiệu, phát tán tài liệu trên mạng Internet, kêu gọi tham gia tổ chức, tập hợp lực lượng để tuyên truyền chống Nhà nước Việt Nam hoặc hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân. Bên cạnh đó, các hoạt động xâm nhập, khủng bố, phá hoại chính sách đoàn kết và phá rối an ninh ... vẫn diễn biến phức tạp.

1.2.2. Đặc điểm đối tượng phạm tội

Qua khảo sát 505 đối tượng điển hình do Cơ quan An ninh điều tra trên toàn quốc đã thụ lý điều tra trong thời gian từ năm 2004 đến nay cho thấy đối tượng phạm tội có thành phần rất đa dạng, đặc biệt là có nhiều đối tượng có trình độ cao, có hiểu biết sâu rộng về các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhưng do những nguyên nhân khác nhau (*như do lợi ích, địa vị của họ trước đây bị chính quyền cách mạng tước bỏ; do bất mãn; do bị thế lực nước ngoài kích động, mua chuộc; do sự tha hóa, biến chất ...*) dẫn đến hành động phạm tội. Trong số đó, một số đối tượng được các thế lực thù địch đặc biệt quan tâm và thường lợi dụng vấn đề “*dân chủ*”, “*nhân quyền*” để can thiệp, đòi hỏi khi khởi tố, bắt giữ, tiến hành các biện pháp điều tra, Cơ quan An ninh điều tra phải phối hợp chặt chẽ với Viện kiểm sát nhân dân để có kế hoạch ứng phó với các hình thức can thiệp, chống phá của các thế lực thù địch.

Do được sự tiếp tay, giúp đỡ của các thế lực thù địch nên hoạt động chống phá của các đối tượng này thường rất tinh vi, xảo quyệt và thường trở nên rất nguy hiểm. Chúng biết tận dụng tối đa những sơ hở, thiếu sót của ta; hoạt động có bài bản nên dễ lôi kéo, lừa mỵ, thu hút được nhiều người; bên cạnh việc chuẩn bị kỹ cho kế hoạch hoạt động chống phá, chúng còn chuẩn bị

rất kỹ những phương án ứng phó khi bị phát hiện, bắt giữ ... đòi hỏi Cơ quan An ninh điều tra phải phối hợp chặt chẽ với Viện kiểm sát nhân dân trong việc thu thập, củng cố, đánh giá chứng cứ, làm rõ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội để tạo cơ sở cho việc cá thể hóa trách nhiệm hình sự và hình phạt, đảm bảo xử lý đúng người, đúng tội, thể hiện được tính nghiêm minh của pháp luật.

Kết luận Chương 1

Chương 1 của luận văn trình bày những vấn đề cơ bản về mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia.

Trước hết, luận văn đề cập đến khái niệm, tính tất yếu và đặc điểm của mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia; tiếp đó tập trung phân tích đặc điểm các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia có liên quan đến mối quan hệ phối hợp giữa Viện kiểm sát nhân dân và Cơ quan An ninh điều tra thông qua làm rõ đặc điểm hoạt động phạm tội và đặc điểm đối tượng phạm tội trong các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia.

Những vấn đề được trình bày ở Chương 1 là cơ sở lý luận và phương pháp luận để định hướng việc khảo sát thực trạng mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia ở Chương 2; đồng thời cũng là cơ sở lý luận để đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện quan hệ này được đề cập ở Chương 3.

Chương 2

THỰC TRẠNG MỐI QUAN HỆ PHỐI HỢP GIỮA CƠ QUAN AN NINH ĐIỀU TRA VÀ VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TRONG ĐIỀU TRA, XỬ LÝ CÁC VỤ ÁN XÂM PHẠM AN NINH QUỐC GIA TỪ NĂM 2004 ĐẾN NAY

2.1. Tổ chức bộ máy, nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan An ninh điều tra trong Công an nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân

2.1.1. Tổ chức bộ máy, nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan An ninh điều tra trong Công an nhân dân

2.1.1.1. Về tổ chức bộ máy

Theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự năm 2004 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2006 và năm 2009*), Thông tư số 12/2004/TT-BCA (V19) ngày 23/9/2004 của Bộ Công an hướng dẫn thi hành một số quy định của Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự và Chỉ thị số 13/2004/CT-BCA (V11) ngày 22/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn việc tổ chức triển khai thực hiện Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự năm 2004 trong lực lượng Công an nhân dân thì tổ chức bộ máy của Cơ quan An ninh điều tra trong Công an nhân dân được chia làm hai cấp: Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an và Cơ quan An ninh điều tra Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 10 Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự quy định về tổ chức của Cơ quan An ninh điều tra trong Công an nhân dân như sau:

“1. Tổ chức của Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an gồm có các phòng điều tra, phòng nghiệp vụ và Văn phòng Cơ quan An ninh điều tra. 2. Tổ chức của Cơ quan An ninh điều tra Công an cấp tỉnh gồm có các đội

điều tra, đối nghiệp vụ và bộ máy giúp việc Cơ quan An ninh điều tra” [39, tr.5].

2.1.1.2. Về nhiệm vụ, quyền hạn

Điều 12 Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự quy định về thẩm quyền điều tra của Cơ quan An ninh điều tra trong Công an nhân dân:

“1. Cơ quan An ninh điều tra Công an cấp tỉnh điều tra các vụ án hình sự về các tội phạm quy định tại Chương XI, Chương XXIV và các tội phạm quy định tại các Điều 180, 181, 221, 222, 223, 230, 231, 232, 236, 263, 264, 274 và Điều 275 của Bộ luật Hình sự khi các tội phạm đó thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. 2. Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an điều tra các vụ án hình sự về những tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan An ninh điều tra Công an cấp tỉnh quy định tại khoản 1 Điều này nhưng xét thấy cần trực tiếp điều tra” [39, tr.7].

Mục 1.2 Thông tư số 12/2004/TT-BCA (V19) của Bộ trưởng Bộ Công an ngày 23 tháng 9 năm 2004 hướng dẫn thi hành một số quy định của Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự năm 2004 trong công an nhân dân quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của các Cơ quan An ninh điều tra như sau:

“1.2.1. Nhiệm vụ, quyền hạn điều tra tội phạm của Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an. Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

- Tiến hành điều tra các vụ án hình sự về những tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan An ninh điều tra Công an cấp tỉnh được quy định tại Điều 12 Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự năm 2004, áp dụng mọi biện pháp do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định để xác định tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội, lập hồ sơ, đề nghị truy tố; tìm ra nguyên nhân, điều kiện phạm tội và yêu cầu

các cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp khắc phục, ngăn ngừa.

- Giúp Bộ trưởng Bộ Công an kiểm tra, hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ điều tra đối với các Cơ quan An ninh điều tra cấp tỉnh; hướng dẫn các cơ quan khác của lực lượng An ninh nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thực hiện thẩm quyền điều tra theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự.

- Nghiên cứu, tổng hợp tình hình tội phạm và công tác điều tra, xử lý các tội phạm quy định tại Chương XI, Chương XXIV và các tội phạm quy định tại các Điều 180, 181, 221, 222, 223, 230, 231, 232, 236, 263, 264, 274 và Điều 275 của Bộ luật Hình sự; thực hiện công tác thống kê tội phạm theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức nghiên cứu sơ kết, tổng kết công tác điều tra, xử lý tội phạm về các tội phạm quy định tại Chương XI, Chương XXIV và các tội phạm quy định tại các Điều 180, 181, 221, 222, 223, 230, 231, 232, 236, 263, 264, 274 và Điều 275 của Bộ luật Hình sự.

- Quản lý các trại tạm giam thuộc Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an.

1.2.2 Nhiệm vụ, quyền hạn điều tra tội phạm của Cơ quan An ninh điều tra Công an cấp tỉnh. Cơ quan An ninh điều tra Công an cấp tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

- Tiến hành điều tra các vụ án hình sự về các tội phạm quy định tại Chương XI, Chương XXIV và các tội phạm quy định tại các Điều 180, 181, 221, 222, 223, 230, 231, 232, 236, 263, 264, 274 và Điều 275 của Bộ luật Hình sự khi các tội phạm đó thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, áp dụng mọi biện pháp do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định để xác định tội phạm và người đã thực hiện hành vi phạm tội, lập hồ sơ, đề nghị truy tố; tìm ra nguyên nhân, điều kiện phạm tội và yêu cầu các cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp khắc phục, ngăn ngừa.

- Giúp Giám đốc Công an cấp tỉnh hướng dẫn các cơ quan khác của lực lượng An ninh nhân dân thuộc Công an cấp tỉnh được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thực hiện thẩm quyền điều tra theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự và của Bộ Công an.

- Nghiên cứu, tổng hợp tình hình tội phạm và công tác điều tra, xử lý các tội phạm quy định tại Chương XI, Chương XXIV và các tội phạm quy định tại các Điều 180, 181, 221, 222, 223, 230, 231, 232, 236, 263, 264, 274 và Điều 275 của Bộ luật Hình sự; thực hiện công tác thống kê tội phạm theo quy định của pháp luật trên địa bàn cấp tỉnh.

- Tổ chức nghiên cứu sơ kết, tổng kết công tác điều tra, xử lý tội phạm về các tội phạm quy định tại Chương XI, Chương XXIV và các tội phạm quy định tại các Điều 180, 181, 221, 222, 223, 230, 231, 232, 236, 263, 264, 274 và Điều 275 của Bộ luật Hình sự trên địa bàn cấp tỉnh” [16, tr.10].

Với mô hình tổ chức bộ máy như trên, Cơ quan An ninh điều tra có điều kiện chuyên sâu để tiến hành điều tra các vụ án thuộc thẩm quyền. Nhìn chung, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng, Điều tra viên của Cơ quan An ninh điều tra đều đã nhận thức đúng và thực tế những năm qua, Cơ quan An ninh điều tra đã kịp thời phát hiện, điều tra, khám phá nhiều vụ án xâm phạm an ninh quốc gia, nhiều vụ án phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh và nhiều vụ án về các tội khác như: Tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả; Tội phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia; Tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vật liệu nổ; Tội cố ý làm lộ bí mật nhà nước; Tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu bí mật nhà nước; Tội vô ý làm lộ bí mật nhà nước, tội làm mất tài liệu bí mật nhà nước ...

Tuy nhiên, theo các quy định của pháp luật nêu trên, cũng dẫn đến

những khó khăn như: Thẩm quyền điều tra 13 tội không phải tội xâm phạm an ninh quốc gia (*mục III về các tội phạm khác trong Phụ lục*) chỉ được Cơ quan An ninh điều tra tiến hành khi thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Thực tế cho thấy, ngay tại thời điểm điều tra vụ án rất khó xác định mức hình phạt đối với từng tội phạm và vì vậy, sẽ rất khó khăn cho việc xác định thẩm quyền điều tra vụ án thuộc Cơ quan An ninh điều tra hay thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra (*ở cấp quận/huyện chỉ có Cơ quan Cảnh sát điều tra*). Đây là những khó khăn, vướng mắc từ chính thực tiễn điều tra, xử lý vụ án xâm phạm an ninh quốc gia nói chung và quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân nói riêng. Thực tiễn đòi hỏi phải hoàn thiện các quy định của pháp luật theo hướng phân định thẩm quyền điều tra cho các Cơ quan Điều tra không phụ thuộc vào thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân.

2.1.2. Tổ chức bộ máy, nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân

2.1.2.1. Về tổ chức bộ máy

Hiện nay, căn cứ vào quy định của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2002, Quyết định số 01/2003/QĐ-VKSTC-TCCB ngày 19/01/2003 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định bộ máy làm việc của Viện kiểm sát nhân dân tối cao thì hệ thống cơ quan Viện kiểm sát nhân dân được tổ chức theo đơn vị hành chính, gồm có: Viện kiểm sát nhân dân tối cao, các Viện kiểm sát nhân dân địa phương gồm Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (*gọi tắt là Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh*); các Viện kiểm sát nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (*gọi tắt là Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện*); các Viện kiểm sát quân sự gồm Viện kiểm sát quân sự Trung ương, Viện kiểm sát quân sự quân khu và tương đương (*gọi tắt là Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu*) và Viện kiểm sát quân sự khu vực. Hệ thống tổ chức của Viện kiểm sát nhân dân (*không tính các*

Viện kiểm sát quân sự) trên phạm vi toàn quốc có 742 Viện kiểm sát, gồm: Viện kiểm sát nhân dân tối cao, 63 Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh và 678 Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện.

- Cơ cấu tổ chức của Viện kiểm sát nhân dân tối cao gồm có: Ủy ban kiểm sát; Vụ Thực hành quyền công tố và Kiểm sát điều tra án hình sự về trật tự xã hội (*Vụ 1*); Vụ Thực hành quyền công tố và Kiểm sát điều tra án hình sự về trật tự xã hội (*Vụ 1A*); Vụ Thực hành quyền công tố và Kiểm sát điều tra án tham nhũng (*Vụ 1B*); Vụ Thực hành quyền công tố và Kiểm sát điều tra án ma túy (*Vụ 1C*); Vụ Thực hành quyền công tố và Kiểm sát điều tra án an ninh (*Vụ 2*); Vụ Thực hành quyền công tố và Kiểm sát xét xử hình sự (*Vụ 3*); Vụ Kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù (*Vụ 4*); Vụ Kiểm sát việc giải quyết các vụ án dân sự (*Vụ 5*); Cục Điều tra (*Cục 6*); Vụ Khiếu tố (*Vụ 7*); Viện Khoa học kiểm sát (*Vụ 8*); Vụ Tổ chức cán bộ (*Vụ 9*); Vụ Kiểm sát thi hành án (*Vụ 10*); Vụ Kế hoạch - Tài chính (*Vụ 11*); Vụ Kiểm sát việc giải quyết các vụ án hành chính - kinh tế - lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật (*Vụ 12*); các Viện Thực hành quyền công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm (*hiện tại có 13 đơn vị là: Viện Thực hành quyền công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng - VPT2; Viện Thực hành quyền công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại thành phố Hồ Chí Minh - VPT3; Viện Kiểm sát quân sự Trung ương; Văn phòng; Vụ Hợp tác quốc tế; Cục Thống kê tội phạm; Ban Thanh tra; Tạp chí Kiểm sát; Báo Bảo vệ pháp luật và Trường Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm sát ...*).

- Cơ cấu tổ chức của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh gồm có: Ủy ban kiểm sát và các phòng nghiệp vụ. Việc tổ chức các phòng nghiệp vụ ở Viện kiểm sát nhân dân 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là không giống nhau, nhưng về cơ bản có phòng (*hoặc bộ phận*) sau: Phòng Thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra và kiểm sát xét xử sơ thẩm án hình sự; Phòng Thực

hành quyền công tố, kiểm sát điều tra và kiểm sát xét xử sơ thẩm án an ninh và án ma túy; Phòng Thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm án hình sự; Phòng Kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù; Phòng Kiểm sát việc giải quyết các vụ án dân sự; Phòng Kiểm sát việc giải quyết các vụ án hành chính - kinh tế - lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật; Phòng Kiểm sát thi hành án; Phòng Khiếu tố; Phòng Thống kê tội phạm; Phòng Tổ chức cán bộ; Văn phòng tổng hợp.

- *Cơ cấu tổ chức của Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện* gồm 03 bộ phận công tác: Bộ phận thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra; kiểm sát xét xử các vụ án hình sự và kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam; bộ phận kiểm sát việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình, hành chính, kinh tế, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật, kiểm sát thi hành án; văn phòng tổng hợp; thống kê tội phạm và khiếu tố.

- *Về tổ chức bộ máy của Vụ Thực hành quyền công tố và Kiểm sát điều tra án an ninh:*

Ngày 19/9/2007, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã ra Quyết định số 966/2001/QĐ-VKSTC ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Vụ Thực hành quyền công tố và Kiểm sát điều tra án an ninh (Vụ 2), theo đó tổ chức bộ máy của Vụ 2 bao gồm:

+ Các tổ nghiệp vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án do Vụ trưởng phân công; theo dõi, quản lý, hướng dẫn, chỉ đạo và kiểm tra nghiệp vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm án an ninh của Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (*gọi tắt là các Tổ Nghiệp vụ*). Số lượng và cơ cấu các tổ nghiệp vụ do Vụ trưởng quyết định.

+ Tổ văn phòng: Mỗi tổ nghiệp vụ do một Phó Vụ trưởng trực tiếp phụ trách, quản lý, điều hành. Tổ văn phòng do Vụ trưởng trực tiếp phụ trách.

Thực hiện quy định về tổ chức bộ máy của Vụ 2 như trên, trước năm 2008, Vụ 2 được chia thành 03 tổ: Tổ Thực hành quyền công tố và Kiểm sát điều tra án an ninh; Tổ Hướng dẫn kiểm sát điều tra án địa phương; Tổ Văn phòng. Tuy nhiên, hiện nay, Vụ 2 đã thu gọn đầu mối xuống còn 02 tổ: Tổ Kiểm sát điều tra thực hành quyền công tố và hướng dẫn kiểm sát điều tra án địa phương do một đồng chí Phó Vụ trưởng trực tiếp làm Tổ trưởng phụ trách; Tổ Văn phòng do một đồng chí Phó Vụ trưởng làm Tổ trưởng phụ trách, có chức năng, nhiệm vụ tổng kết định kỳ hàng năm và theo dõi chuyên đề.

Đối với cấp tỉnh theo ngành dọc, về cơ bản chỉ có thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và một số thành phố lớn khác mới có Phòng Thực hành quyền công tố và Kiểm sát điều tra án an ninh (*Phòng 2*); còn lại không theo chuyên ngành mà tùy từng địa phương, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quyết định. Một số tỉnh vẫn ghép chung việc kiểm sát án an ninh, án ma túy, án kinh tế vào một phòng riêng.

Về biên chế cán bộ:

Theo quy định tại Nghị quyết số 717/2004/NQ-UBTVQH11 ngày 18/6/2004 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XI thì tổng biên chế của Viện kiểm sát nhân dân các cấp là 11.847 người, bao gồm: Viện kiểm sát nhân dân tối cao 698 người (*trong đó có 170 Kiểm sát viên*); Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương 4.176 người (*trong đó có 2.407 Kiểm sát viên cấp tỉnh*), Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có 6.973 người (*trong đó có 5.015 Kiểm sát viên cấp huyện*).

Thực hiện Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã chỉ đạo Viện kiểm sát nhân dân các cấp thực hiện đúng quy trình tuyển dụng cán bộ, công chức, bổ nhiệm Kiểm sát viên các cấp. Tính đến ngày 30/06/2009, toàn ngành Kiểm sát nhân dân có 11.503 biên chế (trong đó Viện kiểm sát nhân dân tối cao có 717 người, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh có 3.850 người và Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện có 6.916 người).

Về số lượng Kiểm sát viên và Điều tra viên của Viện kiểm sát nhân dân các cấp, hiện nay Viện kiểm sát nhân dân các cấp có 11.503 cán bộ, công chức; trong đó có 10.428 Kiểm sát viên, công chức làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ kiểm sát (bao gồm 166 Kiểm sát viên và Điều tra viên cao cấp thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, 2.311 Kiểm sát viên cấp tỉnh, 4.411 Kiểm sát viên cấp huyện), còn lại là công chức nghiệp vụ kiểm sát. Về trình độ chuyên môn nghiệp vụ và lý luận chính trị, trong số 10.428 Kiểm sát viên, công chức nghiệp vụ kiểm sát, có 8.754 người đạt trình độ Cử nhân Luật trở lên (trong đó có 21 Tiến sĩ, 109 Thạc sĩ (chiếm 1,2%); 892 người đạt trình độ Cao đẳng kiểm sát (chiếm 8,5%); 1.608 người đạt trình độ cử nhân hoặc cao cấp chính trị (chiếm 15,5%); 5.170 người đạt trình độ trung cấp chính trị (chiếm 50%).

Về thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra án an ninh (Vụ 2) hiện có 18 người, trong đó có 01 Vụ trưởng, 03 Phó Vụ trưởng; Tổ Kiểm sát điều tra thực hành quyền công tố và hướng dẫn kiểm sát điều tra án địa phương có 13 cán bộ do 01 (một) đồng chí Phó Vụ trưởng làm Tổ trưởng; Tổ Văn phòng có 04 cán bộ do 01 (một) đồng chí Phó Vụ trưởng làm Tổ trưởng. Đối với các phòng hoặc bộ phận thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra án an ninh ở Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh, do việc tổ chức không thống nhất giữa các địa phương nên rất khó có số liệu chính xác về các Kiểm sát viên trực tiếp làm nhiệm vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án xâm

phạm an ninh quốc gia. Tuy nhiên, qua khảo sát ở một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì số lượng cán bộ biên chế trong các phòng hoặc bộ phận thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra án an ninh và các loại án khác do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh giao trung bình khoảng 10 Kiểm sát viên.

Viện kiểm sát nhân dân các cấp thực hiện việc tuyển dụng, phân bổ biên chế và tuyển chọn, bổ nhiệm Kiểm sát viên các cấp theo quy định của Đảng, Nhà nước và của Ngành. Nguồn tuyển chọn là Cử nhân Luật được đào tạo tại các trường Đại học chuyên ngành trong cả nước hoặc trường Cao đẳng kiểm sát. Hiện nay, so với tổng biên chế được Ủy ban thường vụ Quốc hội giao năm 2004 - 2005 thì toàn ngành Kiểm sát còn thiếu 561 người, trong đó Viện kiểm sát nhân dân tối cao thiếu 10 người, các Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh thiếu 436 người, các Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện thiếu 115 người; số lượng Kiểm sát viên, Điều tra viên các cấp thiếu 711 người. Trong khi đó, lĩnh vực thụ lý, giải quyết án hình sự, dân sự trong toàn ngành đang tăng cao; mặc dù đã có rất nhiều cố gắng, nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, cải tiến, đổi mới phương pháp giải quyết công việc, điều động, tăng cường cán bộ ... song với số lượng biên chế hiện có, ngành Kiểm sát vẫn chưa đáp ứng triệt để yêu cầu giải quyết công việc. Do vậy, cần nghiên cứu, bổ sung biên chế cho công tác kiểm sát các hoạt động tư pháp.

Để đáp ứng yêu cầu của Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, ngày 24/8/2009, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã có Tờ trình số 189 về việc bổ sung biên chế và số lượng Kiểm sát viên, Điều tra viên Viện kiểm sát nhân dân các cấp năm 2009, theo đó Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, bổ sung cho toàn ngành Kiểm sát 346 biên chế và 4.291 Kiểm sát viên, Điều tra viên các cấp năm 2009-2010. Riêng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội cuối năm 2009 đã bổ sung được 33 biên

ché và đến cuối năm 2010 đã tăng thêm 70 biên chế. Việc tăng số lượng biên chế, Kiểm sát viên, Điều tra viên trong toàn Ngành được tính toán cụ thể trên cơ sở số vụ việc thụ lý, giải quyết án hình sự, dân sự ... hàng năm của từng địa phương nhằm tạo điều kiện cho các đơn vị tăng cường công tác kiểm sát các hoạt động tư pháp, tăng cường nhân lực để giảm tải áp lực công việc ...

2.1.2.2. *Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân*

Thẩm quyền thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật đối với hoạt động điều tra các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia của Cơ quan An ninh điều tra:

Trước khi Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự có hiệu lực, việc phân định thẩm quyền giữa các đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các Phòng kiểm sát điều tra thuộc Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh đều căn cứ vào Quy chế 01 năm 1995 và Quyết định số 54 năm 2000 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Theo đó, Vụ Kiểm sát điều tra án an ninh thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các phòng Kiểm sát điều tra án an ninh thuộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được giao kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra cũng chủ yếu là các tội xâm phạm an ninh quốc gia, các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh. Ngoài ra, Quy chế 01 năm 1995 còn giao cho Vụ Kiểm sát điều tra án an ninh (*hoặc Phòng Kiểm sát điều tra án an ninh*) kiểm sát điều tra đối với loại “*tội Buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới*” (Điều 97 Bộ luật Hình sự năm 1985) nếu vụ án do Cơ quan An ninh điều tra khởi tố, điều tra. Quyết định số 54 năm 2000 giao cho Vụ Kiểm sát điều tra án an ninh và các Phòng Kiểm sát điều tra án an ninh cấp tỉnh kiểm sát điều tra các vụ án thuộc loại tội phạm về ma túy vì ở thời điểm này, Vụ Kiểm sát điều tra án an ninh đảm nhiệm cả nhiệm vụ kiểm sát điều tra án ma túy. Đến cuối tháng 9 năm 2006, Viện trưởng Viện kiểm sát

nhân dân tối cao quyết định chia tách và thành lập thêm Vụ Thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra án ma túy (*Vụ 1C như hiện nay*).

Sau khi Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự năm 2004 chính thức có hiệu lực, theo Quyết định số 01/2003/QĐ-VKSTC-TCCB ngày 19/02/2003 quy định bộ máy làm việc của Viện kiểm sát nhân dân tối cao thì Vụ Thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra án an ninh giúp Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao tổ chức thực hiện nhiệm vụ thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra những vụ án do Cơ quan An ninh điều tra của Bộ Công an trực tiếp điều tra; theo dõi, quản lý, hướng dẫn, chỉ đạo và kiểm tra đối với Viện kiểm sát nhân dân địa phương về nghiệp vụ thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm những vụ án hình sự về các tội phạm mà Vụ được phân công làm nhiệm vụ kiểm sát điều tra.

Tuy nhiên, cho đến thời điểm này, Viện kiểm sát nhân dân tối cao chưa chính thức có văn bản phân công nhiệm vụ thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra các vụ án hình sự của Cơ quan điều tra cho các đơn vị nghiệp vụ có liên quan trong ngành Kiểm sát để thay thế Quyết định số 54/2000/QĐ-TCCB ngày 05/5/2000. Vì vậy, mặc dù pháp luật đã thay đổi nhưng về mặt nguyên tắc, ngành Kiểm sát vẫn thực hiện sự phân công theo quy trình cũ (*theo Quyết định số 54/2000/QĐ-TCCB*).

Do có sự bất cập trong thực tiễn áp dụng pháp luật của Viện kiểm sát nhân dân như đã nêu trên nên hiện nay, các Viện kiểm sát nhân dân địa phương thực hiện thẩm quyền kiểm sát điều tra không thống nhất, cụ thể là:

- Xu hướng chung ở phần lớn các Viện kiểm sát nhân dân địa phương là căn cứ Quyết định số 01/2003/QĐ-VKSTC-V9 và Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự năm 2004 để giao nhiệm vụ cho Phòng Kiểm sát điều tra án an ninh (*hoặc Bộ phận Kiểm sát điều tra án an ninh*) thực hiện việc thực hành

quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm loại án xâm phạm an ninh quốc gia và các tội phạm được quy định ở một số điều của Bộ luật Hình sự (*Điều 180, 181, 221, 222, 223, 230, 231, 232, 236, 263, 264 và Điều 275*), như Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, Bạc Liêu, Vũng Tàu, Tiền Giang ...

- Một số Viện kiểm sát nhân dân các địa phương khác vẫn căn cứ Quyết định số 54/2000/QĐ-TCCB ngày 05/5/2000 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao để giao nhiệm vụ cho Phòng Kiểm sát điều tra án an ninh (*hoặc Bộ phận Kiểm sát điều tra án an ninh*) thụ lý giải quyết các vụ án được quy định ở chương các tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia; còn các tội quy định ở các chương khác giao cho Phòng Thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra án kinh tế, trật tự xã hội vì cho rằng Viện kiểm sát nhân dân tối cao vẫn chưa có quy định mới thay thế cho Quyết định số 54/2000/QĐ-TCCB ngày 05/5/2000, như Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh Quảng Ninh, Hải Phòng, Bình Phước ...

Gần đây, một số các Viện kiểm sát nhân dân địa phương lại kiến nghị giao cho Phòng (*hoặc bộ phận*) Thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm án an ninh thụ lý, kiểm sát điều tra tất cả các vụ án do Cơ quan An ninh điều tra trực tiếp điều tra theo đúng quy định của Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự năm 2004.

Sự bất cập trong việc phân công và thực hiện nhiệm vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm án hình sự như trên là một thực tế đang diễn ra ở các Viện kiểm sát nhân dân địa phương trong cả nước; điều đó làm cho việc theo dõi, quản lý tình hình giải quyết án; hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra công tác nghiệp vụ; chuyển vụ án đến Viện kiểm sát nhân dân địa phương để ủy quyền thực hành quyền công tố và kiểm sát xét

xử sơ thẩm không theo đúng Quy chế hoạt động của các đơn vị nghiệp vụ thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Đồng thời, làm cho công tác báo cáo, thỉnh thị của địa phương không thống nhất đầu mối.

Để đảm bảo thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao; tránh sự chông chéo khi giải quyết công việc của các đơn vị thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Phòng Thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm ở Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, ngày 14/01/2008, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã ban hành Quyết định số 04/2008/QĐ-TCCB về việc giao nhiệm vụ cho các đơn vị thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử án an ninh. Theo quy định tại điểm 5 Điều 1 của Quyết định này thì các đơn vị: Vụ 2 và các Phòng (*hoặc bộ phận*) Thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm án an ninh Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra những vụ án hình sự do Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trực tiếp điều tra.

Sau khi Quyết định số 04/2008/QĐ-TCCB được ban hành, đã có nhiều Viện kiểm sát nhân dân địa phương triển khai, tổ chức thực hiện thẩm quyền thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự theo quy định, bảo đảm áp dụng pháp luật thống nhất, tạo thuận lợi cho công tác theo dõi, hướng dẫn, chỉ đạo giải quyết án trong toàn ngành Kiểm sát.

Tóm lại, theo quy định của Hiến pháp, Viện kiểm sát nhân dân có chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tư pháp, góp phần đảm bảo cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất. Trong những năm qua, Viện kiểm sát nhân dân các cấp đã tập

trung thực hiện có hiệu quả chức năng, nhiệm vụ của mình, tích cực đấu tranh phòng chống tội phạm, góp phần bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ tài sản của nhà nước, của tập thể, bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, tự do, danh dự và nhân phẩm của công dân. Từ sau khi ngành kiểm sát nhân dân được thành lập (*ngày 26 tháng 7 năm 1960*) nhiệm vụ kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các loại tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia cũng như các tội phạm hình sự khác được giao cho đơn vị kiểm sát điều tra hình sự (*thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân các địa phương*) thực hiện. Cho đến ngày 23/10/1981, Vụ Kiểm sát điều tra án an ninh trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao được thành lập thì công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia lại được giao cho đơn vị này thực hiện.

Việc tổ chức thực hiện thẩm quyền thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân căn cứ vào các quy định pháp luật về thẩm quyền điều tra của Cơ quan An ninh điều tra và nhiệm vụ, chức trách của các đơn vị nghiệp vụ tương ứng của Viện kiểm sát nhân dân, theo quy định của Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân và các quy định về thẩm quyền điều tra qua các thời kỳ đã được cụ thể hóa trong các Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự. Ở mỗi thời kỳ, thẩm quyền thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia được giao cho các đơn vị nghiệp vụ trong ngành Kiểm sát nhân dân thực hiện cũng khác nhau tùy thuộc vào quá trình xây dựng hoàn thiện pháp luật về hình sự, tố tụng hình sự, về bộ máy tổ chức và công tác thực hiện chức năng nhiệm vụ của Viện kiểm sát nhân dân.

Theo Quyết định số 04/2008/QĐ-TCCB ngày 14/01/2008 của Viện

trường Viện kiểm sát nhân dân tối cao (*tại điểm 5, Điều 1*) thì các đơn vị thuộc Vụ Thực hành quyền công tố và Kiểm sát điều tra án an ninh (*Vụ 2*) và các Phòng (*hoặc bộ phận*) thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm án an ninh Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra những vụ án hình sự do Cơ quan An ninh điều tra - Bộ Công an, Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trực tiếp điều tra. Căn cứ quy định tại Điều 12 Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự năm 2004 thì Cơ quan An ninh điều tra - Bộ Công an và Cơ quan An ninh điều tra cấp tỉnh có thẩm quyền điều tra các vụ án hình sự về các tội phạm quy định tại Chương XI (*các tội xâm phạm an ninh quốc gia*), Chương XXIV (*các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh*) và các tội phạm quy định tại các Điều 180, 181 (*Chương XVI - các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế*), các Điều 221, 222, 223, 230, 231, 232, 236 (*Chương XIX - các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng*), các Điều 263, 264, 274 và Điều 275 (*Chương XX - các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính*). So với các quy định tại Điều 11 Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự trước đây (*năm 1989*), Pháp lệnh Tổ chức điều tra hiện hành (*năm 2004*) đã mở rộng thẩm quyền điều tra của Cơ quan An ninh điều tra đối với nhiều loại tội phạm thuộc các chương khác của Bộ luật Hình sự ngoài các tội xâm phạm an ninh quốc gia, các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh.

Trên thực tế trong nhiều năm nay, Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an và Cơ quan An ninh điều tra - Công an các địa phương ngoài thẩm quyền điều tra các vụ án thuộc các loại tội phạm quy định tại Điều 12 Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự năm 2004 còn được giao trực tiếp điều tra một số vụ án thuộc các tội phạm: Vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới (*Điều 154*); Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu

quả nghiêm trọng (*Điều 165*), Vi phạm các quy định về quản lý chất phóng xạ (*Điều 237*), Gây rối trật tự công cộng (*Điều 245*), Giả mạo cấp bậc, chức vụ (*Điều 265*), Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (*Điều 267*), Vi phạm các quy định về xuất bản, phát hành sách báo, đĩa âm thanh, băng âm thanh, đĩa hình, băng hình hoặc các loại ấn phẩm khác (*Điều 271*); Tham ô tài sản (*Điều 278*); Nhận hối lộ (*Điều 279*); Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ (*Điều 281*), Cố ý làm lộ bí mật công tác (*Điều 286*); Lợi dụng các quyền tự do, dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân (*Điều 258*).

Việc giao thẩm quyền cho Vụ 2 và các Phòng (*hoặc bộ phận*) thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm án an ninh của các Viện kiểm sát nhân dân địa phương kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra các vụ án hình sự do Cơ quan An ninh điều tra trực tiếp điều tra là phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và thực tiễn công tác điều tra, truy tố, xét xử hiện nay. Thực tế hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạm và áp dụng pháp luật hình sự, tố tụng hình sự cho thấy việc thực hiện thẩm quyền điều tra và kiểm sát điều tra dựa trên tiêu chí các loại tội phạm theo lĩnh vực, nhưng căn bản nhất vẫn là dựa trên tiêu chí về chức trách, nhiệm vụ và sự cần thiết tham gia của chủ thể tiến hành hoạt động điều tra. Trên tinh thần đó, cần có sự thống nhất nhận thức về nhiệm vụ và thẩm quyền điều tra và kiểm sát điều tra đối với các vụ án do Cơ quan An ninh điều tra thụ lý bao gồm các vụ án thuộc các loại tội phạm được quy định tại Điều 12 Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự năm 2004 và cả những vụ án thuộc các loại tội khác mà Cơ quan An ninh điều tra được giao trực tiếp thực hiện công tác điều tra.

Sau khi Quyết định số 04/2008/QĐ-TCCB của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao được ban hành đã có nhiều Viện kiểm sát nhân dân địa

phương triển khai, tổ chức thực hiện thẩm quyền thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự theo quy định, đảm bảo áp dụng pháp luật thống nhất, tạo thuận lợi cho công tác theo dõi, hướng dẫn, chỉ đạo giải quyết án trong toàn ngành.

2.2. Thực trạng mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia từ năm 2004 đến nay

2.2.1. Quan hệ phối hợp trong khởi tố, điều tra, xử lý vụ án xâm phạm an ninh quốc gia

2.2.1.1. Quan hệ phối hợp trong khởi tố vụ án, khởi tố bị can

- *Trong khởi tố vụ án xâm phạm an ninh quốc gia:*

Khởi tố vụ án về tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia là một sự kiện pháp lý mở đầu quá trình tố tụng hình sự. Trong giai đoạn này, Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân cùng có nhiệm vụ xác định có hay không có sự việc phạm tội xảy ra.

Sau các hoạt động xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ ban đầu về nguồn tin báo tội phạm, nếu phát hiện có dấu hiệu tội phạm thì Cơ quan An ninh điều tra phải ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự; nếu không có dấu hiệu tội phạm thì phải ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Điều 109 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 quy định trình tự, thủ tục rất chặt chẽ: Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi ký Quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định khởi tố của Cơ quan An ninh điều tra phải được gửi đến Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp để kiểm sát việc khởi tố; nếu thấy quyết định khởi tố của Cơ quan An ninh điều tra không có căn cứ thì Viện kiểm sát nhân dân ra Quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố đó; nếu quyết định không khởi tố của Cơ quan An ninh điều tra không có căn cứ thì Viện kiểm sát hủy bỏ quyết định đó và

ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, yêu cầu Cơ quan An ninh điều tra tiến hành điều tra.

Qua khảo sát cho thấy, để việc khởi tố, kiểm sát việc khởi tố tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân đã tiến hành kiểm tra, xác minh các tài liệu, chứng cứ về tội phạm đã xảy ra trên thực tế; đồng thời đã xác định rõ các cấu thành tội phạm trong lý luận Luật Hình sự, những tội phạm đã được quy định trong Bộ luật Hình sự, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về trường hợp khởi tố theo yêu cầu của người bị hại (*Điều 105*) [31, tr.83], những căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự (*Điều 107*) [31, tr.85] để quyết định.

Nhằm tạo điều kiện cho Viện kiểm sát nhân dân thực hiện chức năng kiểm sát việc khởi tố vụ án hình sự, Cơ quan An ninh điều tra đã gửi kịp thời và đầy đủ quyết định khởi tố vụ án hình sự hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự, cùng toàn bộ hồ sơ, tài liệu có liên quan đã thu thập được đến Viện kiểm sát nhân dân. Khi nhận được quyết định khởi tố, Viện kiểm sát nhân dân đã đăng ký vào Sổ Thụ lý các vụ án hình sự của cơ quan mình để kiểm sát việc khởi tố và theo dõi tiến độ điều tra vụ án hình sự của Cơ quan An ninh điều tra. Sau khi nghiên cứu hồ sơ, tài liệu, nhìn chung Viện kiểm sát nhân dân đã có quan điểm rõ ràng là đồng ý hay không đồng ý với quyết định của Cơ quan An ninh điều tra. Hoạt động kiểm sát việc khởi tố đòi hỏi Viện kiểm sát nhân dân phải kiểm tra tính có căn cứ và hợp pháp cả về hình thức và nội dung của quyết định khởi tố.

Yêu cầu đặt ra là sự việc xảy ra bị khởi tố phải là sự việc phạm tội; việc khởi tố phải theo đúng tội danh mà hành vi phạm tội đã thực hiện. Điều này tạo cơ sở cho hoạt động điều tra, truy tố và xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, công tác kiểm sát việc khởi tố có ý nghĩa rất quan trọng, nó đảm bảo loại trừ ngay từ đầu các vi phạm, thiếu sót của Cơ quan An ninh điều

tra để cơ quan này sớm có biện pháp khắc phục, tránh xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người liên quan, hạn chế hao tổn về thời gian và công sức của các cơ quan tiến hành tố tụng tiếp theo.

Trường hợp hành vi đã thực hiện không cấu thành tội phạm (*mà chỉ là vi phạm hành chính ...*), nhưng Cơ quan An ninh điều tra lại tiến hành khởi tố, giải quyết theo trình tự tố tụng hình sự thì Viện kiểm sát nhân dân đã kịp thời ra quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố của Cơ quan An ninh điều tra để tránh dẫn đến làm oan, gây thiệt hại cho người bị khởi tố.

Trường hợp hành vi đã thực hiện là tội phạm nhưng Cơ quan An ninh điều tra lại tiến hành xử lý vi phạm hành chính hoặc ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự thì Viện kiểm sát nhân dân đã ra quyết định hủy bỏ các quyết định trái pháp luật của Cơ quan An ninh điều tra, đồng thời ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, yêu cầu Cơ quan An ninh điều tra tiến hành điều tra theo trình tự mà Bộ luật Tố tụng hình sự quy định để tránh bỏ lọt tội phạm.

- *Trong khởi tố bị can:*

Điều 126 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 quy định: “*Khi có đủ căn cứ để xác định một người đã thực hiện hành vi phạm tội thì Cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố bị can*” [31, tr.103].

Khởi tố bị can là việc cơ quan có thẩm quyền quyết định khởi tố về hình sự đối với một người đã thực hiện hành vi phạm tội, là cơ sở pháp lý mở đầu việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với họ. Nếu trong quá trình điều tra, Cơ quan An ninh điều tra có căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị can không phạm vào tội đã bị khởi tố hoặc còn hành vi phạm tội khác thì ra quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can (*Điều 127*) [31, tr.105]. Qua khảo sát cho thấy, trong mọi trường hợp, trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi ra các quyết định trên, Cơ quan An ninh điều tra đều gửi quyết định khởi tố bị can, quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can cùng các tài

liệu có liên quan đến vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp để Viện kiểm sát nhân dân xét phê chuẩn. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định của Cơ quan An ninh điều tra, Viện kiểm sát nhân dân đã quyết định phê chuẩn hoặc quyết định hủy bỏ quyết định của Cơ quan An ninh điều tra.

Trách nhiệm của Kiểm sát viên là phải kiểm tra tính có căn cứ và hợp pháp của quyết định khởi tố, quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can để báo cáo Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân trước khi quyết định việc phê chuẩn hoặc không phê chuẩn các quyết định của Cơ quan An ninh điều tra. Nếu xét thấy quyết định khởi tố bị can của Cơ quan An ninh điều tra chưa đủ căn cứ thì tùy từng trường hợp, Kiểm sát viên có thể yêu cầu điều tra bổ sung để làm rõ căn cứ của việc khởi tố hoặc kiến nghị lãnh đạo có thẩm quyền xem xét quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố của Cơ quan An ninh điều tra (*nếu đó là quyết định trái pháp luật*).

Trong quá trình kiểm sát điều tra, khi thấy có lý do cần thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can thì Viện kiểm sát nhân dân yêu cầu Cơ quan An ninh điều tra thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can.

Qua những quy định trên, có thể thấy hoạt động khởi tố bị can của Cơ quan An ninh điều tra và quá trình kiểm sát điều tra của Viện kiểm sát nhân dân là hai quá trình bổ sung cho nhau trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan.

Nhìn chung, để có căn cứ khởi tố vụ án, khởi tố bị can, Cơ quan An ninh điều tra đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ; chủ động trao đổi, bàn bạc với Viện kiểm sát nhân dân về việc có khởi tố hay không khởi tố vụ án hình sự. Viện kiểm sát nhân dân sau khi phân loại, đánh giá, nghiên cứu hồ sơ, tài liệu về vụ việc, xác định có dấu hiệu tội phạm thì thống nhất với Cơ quan An ninh điều tra để ra quyết định khởi tố vụ án hình sự.

Theo quy định của pháp luật, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, xác định người phạm tội vi phạm vào điều luật nào thì các cơ quan có thẩm quyền khởi tố vụ án, khởi tố bị can theo tội danh được quy định trong điều luật đó, phạm bao nhiêu tội thì khởi tố bấy nhiêu tội. Tuy nhiên, các vụ án do Cơ quan An ninh điều tra thụ lý phần lớn là các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia, đặc biệt là các vụ án mà các thế lực thù địch thường lợi dụng vấn đề “*dân chủ*”, “*nhân quyền*”, “*tự do tín ngưỡng*” ... để can thiệp, chống phá, thì việc Cơ quan An ninh điều tra ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can có những nét đặc trưng riêng, bởi các loại án này có nhiều phức tạp, liên quan đến chủ quyền, an ninh quốc gia, công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ đổi mới đất nước.

Khảo sát cho thấy, thời gian qua, Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân đã phối hợp nghiên cứu, quán triệt sâu sắc và vận dụng linh hoạt việc khởi tố các vụ án, khởi tố bị can để công tác điều tra các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia đi đúng hướng, đảm bảo cho việc truy tố, xét xử tiếp theo được chặt chẽ, chính xác, phù hợp với pháp luật và thông lệ quốc tế, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật Việt Nam.

Quan hệ giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong giai đoạn này còn được thể hiện ở chỗ: Mặc dù Bộ luật Tố tụng hình sự không quy định rõ, nhưng trong trường hợp phát hiện tội phạm cần phải tiến hành điều tra, nếu Cơ quan An ninh điều tra chưa khởi tố vụ án thì Viện kiểm sát nhân dân đã yêu cầu Cơ quan An ninh điều tra khởi tố hoặc Viện kiểm sát nhân dân ra quyết định khởi tố vụ án và yêu cầu Cơ quan An ninh điều tra tiến hành điều tra. Đối với các sự việc phạm tội được phát hiện thông qua các nguồn tin khác mà Cơ quan An ninh điều tra chưa nắm được thì Viện kiểm sát nhân dân đã thông báo kịp thời cho Cơ quan An ninh điều tra biết để tổ chức tiến hành điều tra vụ án. Hoạt động này thể hiện ý thức trách nhiệm rất cao

của Viện kiểm sát nhân dân trong việc giúp Cơ quan An ninh điều tra nhanh chóng phát hiện tội phạm, giải quyết kịp thời, không bỏ lọt người, bỏ sót tội.

Trước khi khởi tố bị can trong vụ án, Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân thường trao đổi với nhau về căn cứ khởi tố, về tội danh của người bị khởi tố. Với vai trò kiểm sát các hoạt động điều tra, Viện kiểm sát đã cử Kiểm sát viên thực hiện nhiệm vụ kiểm sát ngay từ khi vụ án được khởi tố. Nếu Viện kiểm sát thấy việc khởi tố bị can của Cơ quan An ninh điều tra là không có căn cứ hoặc không đúng pháp luật thì trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định khởi tố, Viện kiểm sát nhân dân đã trao đổi, yêu cầu Cơ quan An ninh điều tra làm lại quyết định khởi tố hoặc ra quyết định hủy quyết định khởi tố bị can. Nếu Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân không thống nhất quan điểm thì mỗi bên có trách nhiệm chủ động báo cáo lên cấp trên để chỉ đạo giải quyết. Trường hợp Viện kiểm sát nhân dân thấy cần phải khởi tố thêm bị can trong vụ án thì trao đổi với Cơ quan An ninh điều tra để Cơ quan An ninh điều tra quyết định khởi tố thêm bị can. Đặc biệt, trong trường hợp cần thiết, Viện kiểm sát nhân dân tự mình ra quyết định khởi tố bị can và chuyển quyết định này cho Cơ quan An ninh điều tra để tiến hành điều tra.

2.2.1.2. Quan hệ phối hợp trong áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn

Các biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự là những biện pháp mang tính cưỡng chế do các cơ quan hoặc người có thẩm quyền được Bộ luật Tố tụng hình sự quy định áp dụng, nhằm kịp thời ngăn chặn tội phạm, ngăn chặn bị can, bị cáo trốn tránh, gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án; ngăn chặn bị can hoặc bị cáo tiếp tục phạm tội.

Theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì các biện pháp ngăn chặn bao gồm: Bắt, tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lãnh, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để đảm bảo.

Việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn nêu trên thường “*đụng chạm*” đến các quyền cơ bản của công dân nên Bộ luật Tố tụng hình sự quy định rất chặt chẽ về căn cứ, điều kiện áp dụng và trình tự, thủ tục tiến hành các biện pháp này, thể hiện tập trung mối quan hệ mang tính chế ước giữa Viện kiểm sát nhân dân và Cơ quan An ninh điều tra.

- Đối với biện pháp bắt người trong trường hợp khẩn cấp, phạm tội quả tang hoặc người đang bị truy nã:

+ *Bắt người trong trường hợp khẩn cấp*: Để kịp thời ngăn chặn tội phạm, phục vụ kịp thời yêu cầu điều tra, Điều 81 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 quy định:

“Những trường hợp sau đây được bắt khẩn cấp:

a. Khi có căn cứ để cho rằng người đó đang chuẩn bị thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;

b. Khi người bị hại hoặc người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm chính mắt trông thấy và xác nhận đúng là người đã thực hiện tội phạm mà xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn;

c. Khi thấy có dấu vết của tội phạm ở người hoặc tại chỗ ở của người bị nghi thực hiện tội phạm và xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó bỏ trốn hoặc tiêu hủy chứng cứ” [31, tr.65].

Theo Điều 81 Bộ luật Tố tụng hình sự thì những người có quyền ra lệnh bắt người ở các trường hợp trên trong Cơ quan An ninh điều tra là Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan An ninh điều tra các cấp. Lệnh bắt khẩn cấp không cần phê chuẩn trước của Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, nhưng sau khi bắt, Cơ quan An ninh điều tra phải báo ngay cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp bằng văn bản, kèm theo các tài liệu có liên quan đến việc bắt khẩn cấp để xét phê chuẩn. Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi nhận được đề nghị xét phê chuẩn và các tài liệu có liên quan đến việc bắt khẩn cấp, Viện kiểm sát nhân dân phải ra quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn. Nếu

Viện kiểm sát nhân dân quyết định không phê chuẩn thì người ra lệnh bắt phải trả tự do ngay cho người bị bắt.

Quy chế công tác kiểm sát điều tra cũng nêu rõ: Kiểm sát viên phải kiểm sát việc bắt người trong trường hợp khẩn cấp và yêu cầu Cơ quan điều tra phải báo ngay cho Viện kiểm sát nhân dân bằng văn bản để Viện kiểm sát nhân dân xét phê chuẩn; phải kiểm sát chặt chẽ căn cứ bắt khẩn cấp. Trong trường hợp cần thiết, phải kiểm tra trực tiếp các căn cứ bắt khẩn cấp. Nếu xét thấy không đủ căn cứ thì báo cáo lãnh đạo có thẩm quyền ra quyết định không phê chuẩn và yêu cầu Cơ quan An ninh điều tra (*hoặc trực tiếp ra quyết định*) trả tự do ngay cho người bị bắt.

Pháp luật quy định sau khi bắt khẩn cấp, Cơ quan An ninh điều tra phải báo ngay cho Viện kiểm sát nhân dân là để Viện kiểm sát nhân dân thẩm định quyết định của Cơ quan An ninh điều tra có đúng luật hay không, đồng thời đảm bảo cho việc bắt người được thận trọng, chính xác, tránh việc lạm dụng dẫn đến bắt bừa, bắt ẩu.

Thực tế, đối với việc bắt người trong trường hợp khẩn cấp, Cơ quan An ninh điều tra đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự là việc bắt người trong trường hợp này phải được báo ngay cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp bằng văn bản, kèm theo tài liệu có liên quan đến việc bắt để xét phê chuẩn. Hồ sơ mà Cơ quan An ninh điều tra đề nghị Viện kiểm sát nhân dân phê chuẩn lệnh bắt người trong trường hợp này thường bao gồm các tài liệu như: Công văn đề nghị Viện kiểm sát nhân dân phê chuẩn lệnh bắt khẩn cấp; lệnh bắt khẩn cấp; các tài liệu có liên quan làm căn cứ cho việc quyết định bắt khẩn cấp; tài liệu về nhân thân người bị bắt; lời khai của đối tượng bị bắt khẩn cấp; bản kê các tài liệu có trong hồ sơ và từng trang tài liệu được đóng dấu bút lục của Cơ quan An ninh điều tra.

Qua khảo sát cho thấy, các đối tượng mà Cơ quan An ninh điều tra áp dụng biện pháp bắt khẩn cấp đều được Viện kiểm sát nhân dân phê chuẩn, không có trường hợp nào Viện kiểm sát nhân dân phải ra quyết định không phê chuẩn. Đồng thời, phần lớn các trường hợp này đều được Cơ quan An ninh điều tra khởi tố bị can và chuyển sang tạm giam. Tuy nhiên, vẫn còn có hạn chế là trong thực tế vẫn có trường hợp Cơ quan An ninh điều tra chậm gửi hồ sơ để Viện kiểm sát nhân dân phê chuẩn; hoặc có lúc, có nơi còn lạm dụng bắt khẩn cấp mà không áp dụng biện pháp bắt bị can để tạm giam (*như vụ Lê Nguyên Sang và Đỗ Công Thành, vụ Lê Quốc Quân, Nguyễn Quốc Quân ...*).

+ *Trong trường hợp bắt người phạm tội quả tang*: Cơ quan An ninh điều tra khi tiếp nhận người bị bắt phải tiến hành ngay việc lấy lời khai người bị bắt, sơ bộ xác định tính chất tội phạm đã được phản ánh trong Biên bản phạm tội quả tang, nhân thân người bị bắt để trong thời hạn 24 giờ phải quyết định tạm giữ hoặc trả tự do cho người bị bắt. Hoạt động kiểm sát điều tra của Viện kiểm sát nhân dân trong trường hợp này, chủ yếu là trên cơ sở kiểm tra tính chất, mức độ sự việc phạm tội để xem xét tính có căn cứ của các quyết định của Cơ quan An ninh điều tra.

+ *Trong trường hợp bắt người đang bị truy nã*: Hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân chủ yếu là yêu cầu Cơ quan An ninh điều tra sau khi lấy lời khai phải thông báo ngay cho cơ quan đã ra lệnh truy nã và giải ngay người đó đến trại tạm giam nơi gần nhất.

- Đối với biện pháp tạm giữ:

Tạm giữ là biện pháp ngăn chặn được áp dụng để ngăn chặn và tước bỏ hoặc hạn chế một số quyền công dân trong thời gian ngắn đối với người bị bắt trong trường hợp khẩn cấp, phạm tội quả tang; người phạm tội tự thú, đầu thú; người bị bắt theo quyết định truy nã nhằm tạo điều kiện cho Cơ quan An ninh

điều tra xác minh những tài liệu, chứng cứ chứng minh về hành vi phạm tội, căn cứ lai lịch, nhân thân của người này để quyết định việc có khởi tố bị can hay không.

Khoản 3 Điều 86 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định:

“Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi ra quyết định tạm giữ, quyết định tạm giữ phải được gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp. Nếu xét thấy việc tạm giữ không có căn cứ hoặc không cần thiết thì Viện kiểm sát ra quyết định hủy bỏ quyết định tạm giữ và người ra quyết định tạm giữ phải trả tự do ngay cho người bị tạm giữ” [31, tr.69].

Đối với trường hợp người bị tạm giữ do phạm tội quả tang, ít nghiêm trọng, không cần thiết phải tạm giữ, tạm giam, thì Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân có thể cùng bàn bạc để áp dụng biện pháp ngăn chặn khác ít nghiêm khắc hơn, phù hợp hơn.

Trong trường hợp cần gia hạn tạm giữ thì việc phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp là hoàn toàn cần thiết vì nó đảm bảo cho việc tuân thủ một cách nghiêm ngặt các quy định của pháp luật tố tụng hình sự, tránh được những việc làm tùy tiện từ phía Cơ quan An ninh điều tra. Qua công tác kiểm sát điều tra, Viện kiểm sát nhân dân đã phát hiện và thông báo kịp thời cho Cơ quan An ninh điều tra một số trường hợp lệnh tạm giữ sắp hết hạn nhưng Cơ quan An ninh điều tra vẫn chưa làm thủ tục gia hạn hay áp dụng hình thức xử lý khác đối với người bị tạm giữ.

- Đối với biện pháp bắt bị can để tạm giam, tạm giam và gia hạn tạm giam:

+ *Trong trường hợp bắt bị can để tạm giam:* Cơ quan An ninh điều tra phải chuyển lệnh bắt bị can để tạm giam cùng các tài liệu có liên quan và công văn đề nghị phê chuẩn lệnh bắt giam bị can đến Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp trước khi tiến hành bắt. Trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân là

khi Cơ quan An ninh điều tra đề nghị bắt tạm giam bị can, trong thời hạn 03 ngày kể từ khi nhận được đề nghị xét phê chuẩn của Cơ quan An ninh điều tra, Kiểm sát viên phải nghiên cứu hồ sơ vụ án một cách thận trọng, trực tiếp kiểm tra chứng cứ, đối chiếu với các quy định tại Điều 80 Bộ luật Tố tụng hình sự để làm rõ đối tượng, điều kiện tạm giam trước khi báo cáo Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân ra quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn. Trường hợp bị can có đủ các điều kiện quy định tại Điều 88 Bộ luật Tố tụng hình sự và xét thấy cần thiết phải tạm giam bị can, nhưng Cơ quan An ninh điều tra không bắt bị can để tạm giam thì Kiểm sát viên báo cáo Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân yêu cầu Cơ quan An ninh điều tra ra lệnh bắt bị can để tạm giam. Trường hợp Cơ quan An ninh điều tra xin phê chuẩn lệnh bắt bị can để tạm giam, nếu thấy chưa đủ căn cứ để xét phê chuẩn thì yêu cầu Cơ quan An ninh điều tra bổ sung tài liệu, chứng cứ; khi đã đủ căn cứ để tạm giam theo luật định thì phê chuẩn.

Như vậy, những căn cứ đề nghị xét phê chuẩn lệnh bắt bị can để tạm giam của Cơ quan An ninh điều tra cũng như căn cứ để Viện kiểm sát nhân dân quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn đều trên cơ sở quy định tại Điều 80 và Điều 88 Bộ luật Tố tụng hình sự. Cụ thể là phải có đủ tài liệu, chứng cứ để xác định bị can đã phạm vào một trong các trường hợp sau:

“+ Bị can phạm tội đặc biệt nghiêm trọng; phạm tội rất nghiêm trọng;

+ Bị can phạm tội nghiêm trọng, phạm tội ít nghiêm trọng mà Bộ luật hình sự quy định hình phạt tù trên hai năm và có căn cứ cho rằng người đó có thể trốn hoặc cản trở việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc có thể tiếp tục phạm tội;

+ Đối với bị can là phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, là người già yếu, người bị bệnh nặng mà có nơi cư trú rõ ràng

thì không tạm giam mà áp dụng các biện pháp ngăn chặn khác, trừ những trường hợp: Bị can trốn và bị bắt theo lệnh truy nã, bị can được áp dụng các biện pháp ngăn chặn khác nhưng tiếp tục phạm tội hoặc cố ý gây cản trở nghiêm trọng đến việc điều tra, truy tố, xét xử; bị can phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia và có đủ căn cứ cho rằng nếu không tạm giam họ thì sẽ gây nguy hại đến an ninh quốc gia” [31, tr.71).

+ *Về gia hạn tạm giam:* Do đây là biện pháp ngăn chặn rất nghiêm khắc nên Bộ luật Tố tụng hình sự quy định điều kiện và trình tự, thủ tục áp dụng rất chặt chẽ. Theo quy định tại Điều 120 Bộ luật Tố tụng hình sự [31, tr.97] thì thời hạn tạm giam và gia hạn tạm giam để điều tra được quy định đối với từng loại tội ít nghiêm trọng, nghiêm trọng, rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng; căn cứ để gia hạn tạm giam phải dựa trên cơ sở vụ án có nhiều tình tiết phức tạp, cần có thời gian dài hơn cho việc điều tra, đồng thời không có căn cứ để thay đổi biện pháp hủy bỏ biện pháp tạm giam. Thực hiện quy định về gia hạn tạm giam, Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân phải có sự phối hợp chặt chẽ trên cơ sở nhiệm vụ, quyền hạn luật định; trước khi hết hạn tạm giam 10 ngày, Cơ quan An ninh điều tra phải có văn bản đề nghị Viện kiểm sát nhân dân gia hạn tạm giam, Viện kiểm sát nhân dân trong phạm vi quyền hạn của mình, trên cơ sở nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ và điều kiện gia hạn tạm giam, có thể quyết định gia hạn tạm giam hoặc quyết định hủy bỏ việc tạm giam để trả tự do cho người bị tạm giam hoặc xét cần thì áp dụng biện pháp ngăn chặn khác.

Thực tiễn áp dụng biện pháp bắt bị can để tạm giam, tạm giam, gia hạn tạm giam của Cơ quan An ninh điều tra cho thấy, do đây là một biện pháp ngăn chặn rất nghiêm khắc nên Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân đều rất thận trọng khi quyết định. Phân tích các số liệu bắt, giam, giữ của Cơ quan An ninh điều tra các cấp từ năm 2004 đến nay cho thấy tỷ lệ

bắt bị can để tạm giam, tạm giam trong tổng số người bị bắt theo quy định của pháp luật đều ở mức độ thấp. Cụ thể là:

Năm 2004:	09/62	trường hợp	(chiếm khoảng 14,5%)
Năm 2005:	11/48	trường hợp	(chiếm khoảng 22,9%)
Năm 2006:	35/100	trường hợp	(chiếm khoảng 33,0%)
Năm 2007:	27/111	trường hợp	(chiếm khoảng 24,3%)
Năm 2008:	13/54	trường hợp	(chiếm khoảng 24,1%)
Năm 2009:	15/60	trường hợp	(chiếm khoảng 25,0%)

(Nguồn: Báo cáo tổng kết của Viện kiểm sát nhân dân tối cao)

Thông thường, khi cần phải bắt bị can để tạm giam, Điều tra viên được giao thụ lý điều tra vụ án đã chủ động trao đổi với Kiểm sát viên về tình hình vụ án, những chứng cứ đã thu thập được ... để thực hiện quan hệ cho có hiệu quả.

Hồ sơ đề nghị phê chuẩn lệnh bắt bị can để tạm giam, lệnh tạm giam mà Cơ quan An ninh điều tra gửi đến Viện kiểm sát nhân dân thường bao gồm: Công văn đề nghị xét phê chuẩn lệnh bắt bị can để tạm giam (*trong đó phản ánh diễn biến hành vi phạm tội của đối tượng, nhân thân của đối tượng, quan điểm của Cơ quan An ninh điều tra*), lệnh bắt bị can để tạm giam, lệnh tạm giam. Đối với các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia thì trong công văn đề nghị phê chuẩn lệnh bắt bị can để tạm giam hay lệnh tạm giam, Cơ quan An ninh điều tra đều nêu những chủ trương của các cấp có thẩm quyền trong việc xử lý đối tượng.

Cơ quan An ninh điều tra đã chủ động trao đổi những thông tin, tài liệu cần thiết liên quan đến nhân thân, hành vi phạm tội của đối tượng cũng như những tình hình có liên quan đến việc áp dụng biện pháp tạm giam đối với đối

tượng cho Viện kiểm sát nhân dân để Viện kiểm sát nhân dân có cơ sở xem xét và ra quyết định phê chuẩn lệnh bắt tạm giam bị can, lệnh tạm giam hay phê chuẩn việc gia hạn tạm giam bị can. Hai bên luôn trao đổi, bàn bạc để thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật tố tụng hình sự, cùng họp bàn cân nhắc toàn diện giữa yêu cầu pháp luật với yêu cầu điều tra tình hình chính trị trong nước và quốc tế có liên quan để đi đến quyết định tạm giam đối tượng, nhất là những đối tượng mà các thế lực thù địch đặc biệt quan tâm.

Đa số các trường hợp khi có công văn đề nghị của Cơ quan An ninh điều tra chuyển sang, Viện kiểm sát nhân dân đã thực hiện việc phê chuẩn lệnh bắt tạm giam bị can, lệnh tạm giam hay gia hạn tạm giam bị can theo đúng quy định của pháp luật. Có trường hợp, Cơ quan An ninh điều tra đã phối hợp với Trại tạm giam tạo điều kiện để Kiểm sát viên thực hiện tốt nhiệm vụ của mình như tạo điều kiện để Kiểm sát viên gặp gỡ, tiếp xúc với đối tượng, mời Kiểm sát viên chứng kiến những tình huống phức tạp do đối tượng gây ra trong quá trình tạm giam (*như tuyệt thực, đòi hỏi các yêu sách giam giữ ...*).

Khảo sát thực tiễn cho thấy, một số trường hợp, Viện kiểm sát nhân dân từ chối không phê chuẩn lệnh bắt bị can để tạm giam hay lệnh tạm giam bị can của Cơ quan An ninh điều tra. Đó là những trường hợp bị can tuổi vị thành niên, phạm tội lần đầu, chấp hành tốt các yêu cầu của Cơ quan An ninh điều tra; hay có trường hợp chứng cứ để tạm giam còn thiếu và yếu, không có điều kiện xác minh lý lịch bị can (*vì bị can có địa chỉ cư trú ở nước ngoài mà Cơ quan điều tra không thể thẩm tra, làm rõ*). Qua công tác kiểm tra, giám sát, Viện kiểm sát nhân dân đã phát hiện một số thiếu sót của Cơ quan An ninh điều tra trong việc tổ chức giam giữ đối tượng, như: quá hạn tạm giam, thiếu chặt chẽ trong việc lập và quản lý hồ sơ tạm giam, sai sót trong các thủ

tạm giam ... từ đó, yêu cầu Cơ quan An ninh điều tra rút kinh nghiệm và khắc phục sai sót.

Cũng qua khảo sát cho thấy, quan hệ giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân còn có một số tồn tại như:

+ Trong một số trường hợp, giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân còn có quan điểm, ý kiến chưa thống nhất về sự cần thiết phải tạm giam, về tội danh để tạm giam đối với bị can. Chẳng hạn, trong vụ án Lê Trí Tuệ phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” xảy ra tại quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng năm 2006: Tuệ đã có hành vi tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đồng thời còn có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người lao động. Để có cơ sở điều tra về hành vi phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia của Tuệ, Công an thành phố Hải Phòng đã đề nghị Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng phê chuẩn quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và lệnh bắt tạm giam Tuệ về hành vi lừa đảo. Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng đã yêu cầu bổ sung chứng cứ về hành vi lừa đảo của Tuệ và Cơ quan điều tra đã thực hiện xong yêu cầu này từ cuối tháng 11/2006, nhưng phải đến 06 tháng sau, Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng mới phê chuẩn lệnh bắt tạm giam, mặc dù không phải bổ sung thêm chứng cứ sau khi đã trải qua nhiều cuộc họp cả ở Trung ương và địa phương. Hậu quả là Tuệ đã bỏ trốn ra nước ngoài và có những hoạt động chống phá Việt Nam.

+ Một số trường hợp, việc xét phê chuẩn quyết định tạm giam của Viện kiểm sát còn kéo dài, chưa tuân thủ thời hạn luật định. Chẳng hạn, trong vụ Nguyễn Mạnh Tiến phạm tội lưu hành tiền giả (*năm 2005*), Cơ quan An ninh điều tra Công an thành phố Hà Nội ra quyết định khởi tố, lệnh bắt tạm giam bị can nhưng mãi gần 02 tuần sau Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội mới

phê chuẩn, bị can là người tỉnh khác về Hà Nội nên đã bỏ trốn, gây khó khăn cho việc truy bắt.

+ Một số trường hợp, Viện kiểm sát nhân dân không trả lời bằng văn bản khi không phê chuẩn các quyết định của Cơ quan An ninh điều tra hoặc có quan điểm không rõ ràng, gây khó khăn cho hoạt động điều tra của Cơ quan An ninh điều tra.

Việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn khác (*như biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lãnh, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để đảm bảo*) là sự thể hiện chính sách nhân đạo, tính giáo dục và phòng ngừa của pháp luật đối với những người phạm tội trong giai đoạn giải quyết vụ án; đồng thời làm giảm bớt số người bị tạm giam, tạm giữ trong các trại tạm giam, nhà tạm giữ hiện nay, nhưng vẫn đảm bảo cho việc điều tra, truy tố, xét xử được thuận lợi. Trong phạm vi chức năng của mình, Viện kiểm sát nhân dân luôn kiểm sát lý do, căn cứ mà Cơ quan An ninh điều tra đã áp dụng các biện pháp ngăn chặn nói trên.

- Đối với việc thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn:

Trình tự, thủ tục thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn của Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân được quy định tại Điều 94 và một số quy định khác của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003.

Khảo sát quá trình điều tra các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia từ năm 2004 đến nay cho thấy, việc thay thế các biện pháp ngăn chặn thường được Cơ quan An ninh điều tra áp dụng như sau:

- Thay thế biện pháp bắt bằng biện pháp tạm giữ, tạm giam. Đây là trường hợp chiếm tỷ lệ khá cao trong các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia.

- Thay thế biện pháp tạm giữ, tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Những trường hợp thay thế này do yêu cầu của công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm của Cơ quan An ninh điều tra, khi xét thấy không cần

thiết phải tạm giữ, tạm giam bị can như: Bị can đã khai báo trung thực, mong muốn lập công chuộc tội; Cơ quan An ninh điều tra có thể sử dụng các biện pháp khác nhau để quản lý, khống chế, vô hiệu hóa hoạt động của bị can ...

- Thay thế biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú bằng biện pháp tạm giữ, tạm giam trong trường hợp bị can vốn bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hoặc trong quá trình điều tra, bị can được thay thế biện pháp ngăn chặn từ biện pháp tạm giam sang biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, song vẫn không chịu từ bỏ hoạt động phạm tội, công khai thách thức chính quyền, vu cáo Cơ quan An ninh điều tra. Thay thế biện pháp ngăn chặn trong những trường hợp này nhằm tỏ thái độ nghiêm khắc của cơ quan bảo vệ pháp luật trước hành vi phạm tội của đối tượng, đồng thời tạo những điều kiện thuận lợi cho quá trình điều tra.

Nghiên cứu các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về vấn đề này cho thấy:

Khi vụ án bị đình chỉ thì mọi biện pháp ngăn chặn đã được áp dụng đều phải được hủy bỏ (*khoản 1 Điều 94*) [31, tr.76].

Những biện pháp ngăn chặn do Cơ quan An ninh điều tra áp dụng mà không có căn cứ thì Viện kiểm sát nhân dân có quyền hủy bỏ (*khoản 4 Điều 81, khoản 3 Điều 86, khoản 3 Điều 88 Bộ luật Tố tụng hình sự*) [31, tr.65, tr.69, tr.71].

Cơ quan An ninh điều tra, Viện kiểm sát nhân dân hủy bỏ biện pháp ngăn chặn khi thấy không còn cần thiết hoặc có thể thay thế bằng một biện pháp ngăn chặn khác (*khoản 2 Điều 94*) [31, tr.76].

Quan hệ giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong việc thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn thể hiện rõ sự phối hợp và quyền năng chế ước của Viện kiểm sát nhân dân. Trong quá trình điều tra, Cơ

quan An ninh điều tra có quyền chủ động thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn khi thấy có căn cứ xác đáng và cần thiết. Đối với những biện pháp ngăn chặn do Viện kiểm sát nhân dân phê chuẩn thì khi thay đổi hoặc hủy bỏ, Cơ quan An ninh điều tra phải có văn bản đề nghị Viện kiểm sát nhân dân quyết định. Trong quá trình kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn của Cơ quan An ninh điều tra, nếu thấy việc áp dụng của Cơ quan An ninh điều tra không đúng thì Viện kiểm sát nhân dân có quyền đề nghị Cơ quan An ninh điều tra hủy bỏ hoặc thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác phù hợp hơn.

Tuy nhiên, khảo sát cũng cho thấy, một số trường hợp Cơ quan An ninh điều tra hủy bỏ biện pháp ngăn chặn nhưng không thông báo kịp thời cho Viện kiểm sát nhân dân. Chẳng hạn, qua công tác kiểm sát điều tra vụ án “Nguyễn Hữu Chánh cùng đồng bọn hoạt động khủng bố”, Viện kiểm sát nhân dân đã phát hiện một số đối tượng mặc dù đã bị Cơ quan An ninh điều tra ra quyết định khởi tố bị can và ra lệnh tạm giam, song trong khi chờ phê chuẩn lệnh tạm giam của Viện kiểm sát nhân dân, Cơ quan An ninh điều tra đã trả tự do cho số bị can này. Hoặc có trường hợp, Cơ quan An ninh điều tra đã trao đổi với Viện kiểm sát nhân dân sẽ đình chỉ điều tra vụ án, đình chỉ điều tra bị can, cho bị can được tại ngoại, nhưng khi chưa có quyết định trả tự do cho bị can của Viện kiểm sát nhân dân như Cơ quan An ninh điều tra đã trích xuất bị can ra ngoài, nên khi quyết định được mang đến Trại Tạm giam thì đã không còn có bị can để ký nhận.

Như vậy, những biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự là những biện pháp mang tính cưỡng chế cần thiết do những cơ quan hay người có thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự áp dụng nhằm kịp thời ngăn chặn tội phạm, không để tội phạm tiếp tục xảy ra, không để người phạm

tội chạy trốn, gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự.

Tóm lại, việc áp dụng, thay thế hay hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn ảnh hưởng nhiều đến các quyền cơ bản của công dân cũng như công tác điều tra làm rõ vụ án nên Bộ luật Tố tụng hình sự quy định rất cụ thể, chặt chẽ về căn cứ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền áp dụng các biện pháp này. Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan An ninh điều tra là chủ thể chính áp dụng các biện pháp ngăn chặn và Viện kiểm sát nhân dân với tư cách tố tụng của mình là chủ thể kiểm tra, giám sát và phối hợp. Trong việc thực hiện các biện pháp ngăn chặn, mối quan hệ giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân luôn thể hiện tính phối hợp và chế ước rõ rệt.

2.2.1.3. Quan hệ phối hợp trong áp dụng các biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ

Tiếp theo sau giai đoạn khởi tố là giai đoạn điều tra vụ án hình sự nhằm xác định sự thật của vụ án thông qua các biện pháp thu thập chứng cứ chứng minh tội phạm; xác định chính xác tội danh mà người phạm tội đã thực hiện với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, làm cơ sở cho việc truy cứu trách nhiệm hình sự; xác định trách nhiệm bồi thường và những biện pháp đảm bảo bồi thường do người phạm tội gây ra; làm rõ những nguyên nhân, điều kiện phạm tội ...

Trong giai đoạn này, Cơ quan An ninh điều tra phải tiến hành các biện pháp theo luật định để phát hiện, kiểm tra, đánh giá và sử dụng chứng cứ nhằm làm rõ toàn bộ vụ án. Do đó, sẽ phát sinh quan hệ tố tụng hình sự với Viện kiểm sát nhân dân trong một số hoạt động chủ yếu sau đây:

+ Khám nghiệm hiện trường:

Do tầm quan trọng và để đảm bảo tính kịp thời cho việc phát hiện, ghi nhận, thu lượm, bảo quản dấu vết, tài liệu, hoạt động khám nghiệm hiện trường có thể được tiến hành trước khi khởi tố vụ án hình sự. Mặc dù vậy, nó

vẫn coi là hoạt động tố tụng hình sự. Các dấu vết, tài liệu, vật chứng thu được từ khám nghiệm hiện trường là những nguồn chứng cứ rất quan trọng để xác định phương hướng điều tra, truy tìm thủ phạm, cũng như việc chứng minh tội phạm và người phạm tội trong điều tra vụ án hình sự.

Qua khảo sát cho thấy, quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong hoạt động này thường được thể hiện ở chỗ: Cơ quan An ninh điều tra phải thông báo kịp thời và đầy đủ sự việc đã xảy ra cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp trước khi tiến hành khám nghiệm hiện trường để Viện kiểm sát nhân dân tham gia ý kiến và chủ động trong công tác kiểm sát hoạt động khám nghiệm. Viện kiểm sát nhân dân có trách nhiệm phân công Kiểm sát viên kiểm sát hoạt động khám nghiệm.

Theo *Quy chế công tác kiểm sát điều tra*, đối với những vụ án gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng hoặc phức tạp thì Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện; Trưởng, Phó Trưởng phòng Kiểm sát điều tra cấp tỉnh trở lên phải trực tiếp tham gia kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường.

Trên cơ sở kết quả khám nghiệm hiện trường, nếu có dấu hiệu tội phạm mà Cơ quan An ninh điều tra không khởi tố vụ án để điều tra thì Viện kiểm sát nhân dân yêu cầu Cơ quan An ninh điều tra khởi tố hoặc tự mình khởi tố vụ án, giao cho Cơ quan An ninh điều tra tiến hành điều tra.

+ *Khám xét, thu giữ, tạm giữ, bảo quản và xử lý vật chứng:*

Khám xét là hoạt động điều tra nhằm phát hiện, thu thập dấu vết tội phạm, vật chứng, đồ vật, tài liệu có liên quan đến vụ án hoặc phát hiện người đang bị truy nã. Có thể khám người, chỗ ở, chỗ làm việc, địa điểm, đồ vật, thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm.

Khám xét cũng là biện pháp điều tra “*đụng chạm*” nhiều đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể, danh dự, nhân phẩm, uy tín ... của công dân, nên

phải hết sức thận trọng, tuân thủ nghiêm ngặt những quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Theo đó, hoạt động khám xét được chia làm hai trường hợp:

- Khám xét “*bình thường*” thì lệnh khám xét của Cơ quan An ninh điều tra phải có sự phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp trước khi thi hành (*Điều 141 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003*) [31, tr.116].

- Khám xét trong trường hợp không thể trì hoãn “*khám xét khẩn cấp*” thì không cần có sự phê chuẩn trước của Viện kiểm sát nhân dân (*khoản 2, Điều 141 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003*) [31, tr.116], nhưng sau khi khám xét xong, trong thời hạn 24 giờ, Cơ quan An ninh điều tra phải thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp về hoạt động khám xét đã tiến hành.

Nhằm đảm bảo cho hoạt động khám xét của Cơ quan An ninh điều tra đúng các quy định của pháp luật, trong trường hợp Cơ quan An ninh điều tra đề nghị phê chuẩn lệnh khám người, chỗ ở, chỗ làm việc, đồ vật, thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm thì Kiểm sát viên phải khẩn trương nghiên cứu, xem xét thận trọng yêu cầu của Cơ quan An ninh điều tra để đề xuất với lãnh đạo có thẩm quyền quyết định việc phê chuẩn hay không phê chuẩn. Khi Cơ quan An ninh điều tra tiến hành xong việc khám xét, thu giữ, tạm giữ, kê biên tài sản, vật chứng thì Kiểm sát viên phải nghiên cứu các lệnh, các biên bản khám xét để kiểm tra tính hợp pháp; theo dõi và kiểm tra việc bảo quản tài sản, vật chứng; giải quyết kịp thời những vấn đề có liên quan đến vật chứng, tài sản thu giữ ...

Nhìn chung, do nhận thức khám xét là một biện pháp mang tính cưỡng chế nghiêm khắc, liên quan đến các quyền cơ bản của công dân nên khi xét quyết định khám xét cũng như khi tổ chức hoạt động khám xét, các Cơ quan An ninh điều tra luôn thận trọng, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố

tụng hình sự; đồng thời chủ động phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân để đảm bảo việc áp dụng biện pháp khám xét có đủ căn cứ, đúng pháp luật và đạt được mục đích đề ra.

Ngược lại, Viện kiểm sát nhân dân cũng luôn giám sát chặt chẽ hoạt động khám xét của Cơ quan An ninh điều tra thông qua việc nghiên cứu các tài liệu liên quan đến khám xét và kiểm sát trực tiếp hoạt động khám xét. Với những vụ án có liên quan đến yêu cầu chính trị, đối ngoại thì Cơ quan An ninh điều tra cùng với Viện kiểm sát nhân dân tính toán, cân nhắc tính hiệu quả của hoạt động khám xét để đi đến quyết định có khám xét hay không, hay sử dụng biện pháp khác có hiệu quả hơn; phân công Kiểm sát viên có kinh nghiệm trực tiếp giám sát hoạt động khám xét của Cơ quan An ninh điều tra.

Có trường hợp xét thấy cần thiết, Kiểm sát viên đã trực tiếp tham gia cuộc khám xét để vừa đảm bảo và củng cố giá trị pháp lý cho hoạt động khám xét, vừa nhằm tác động mạnh đến đối tượng bị khám xét. Chẳng hạn, trong vụ án truy xét Nguyễn Thế Minh có hành vi tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (*năm 2007*), Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã tham gia vào cuộc khám xét nhà đối tượng Minh. Khi nhìn thấy có đại diện của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố tham gia, Minh đã tỏ ra hốt hoảng, lo sợ, chuyển thái độ từ tiêu cực sang tích cực, hợp tác với hoạt động khám xét của Cơ quan An ninh điều tra.

Tuy nhiên, có trường hợp Kiểm sát viên tham gia cuộc khám xét ký niêm phong vào tài liệu thu giữ, tạm giữ của đối tượng. Khi Cơ quan An ninh điều tra cần mở niêm phong thì không có mặt của Kiểm sát viên này được vì Kiểm sát viên đó đã được phân công đi công tác nước ngoài. Chỉ sau khi Kiểm sát viên này về, việc mở niêm phong mới được thực hiện. Điều đó cũng ảnh hưởng nhất định đến thời hạn điều tra vụ án.

+ *Hỏi cung, lấy lời khai:*

Đây là biện pháp điều tra công khai, trực diện với bị can nhằm phát hiện, thu thập, củng cố chứng cứ làm rõ hành vi phạm tội của bị can và đồng bọn. Thực tiễn cho thấy, hỏi cung bị can là biện pháp điều tra phổ biến, quan trọng, thường được tiến hành trong điều tra mọi loại tội phạm; việc hỏi cung bị can không chỉ nhằm củng cố chứng cứ đã thu thập được mà còn để khai thác, thu thập những chứng cứ khác có ý nghĩa chứng minh toàn bộ vụ án.

Để việc hỏi cung đảm bảo khách quan, toàn diện, Bộ luật Tố tụng hình sự đã quy định trình tự, thủ tục và yêu cầu cụ thể tại các Điều 49, 72, 126, 127, 131 và Điều 132. Thực hiện các quy định trên, quan hệ giữa Điều tra viên và Kiểm sát viên được diễn ra trong cả việc xây dựng kế hoạch và tiến hành hỏi cung bị can. *Quy chế công tác kiểm sát điều tra* nêu rõ: Kiểm sát viên phải chủ động bàn kế hoạch và đề ra yêu cầu hỏi cung bị can với Cơ quan An ninh điều tra, đồng thời kiểm sát quá trình hỏi cung bị can của Điều tra viên. Nếu thấy chưa đạt yêu cầu thì tiếp tục nêu yêu cầu cho Cơ quan An ninh điều tra, đảm bảo việc hỏi cung bị can được đầy đủ, khách quan (*tức là phải thu thập, đánh giá cả chứng cứ buộc tội và chứng cứ xác định vô tội - chứng cứ gỡ tội*).

Yêu cầu cơ bản của việc hỏi cung bị can là phải làm sáng tỏ những yếu tố cấu thành tội phạm đã khởi tố. Những mâu thuẫn trong lời khai của bị can phải được phân tích, tổng hợp, kết luận một cách khách quan. Khi bị can nhận tội cũng phải đối chiếu với các chứng cứ khác để có cơ sở thực tế đánh giá mức độ chính xác trong lời khai của bị can.

Những hoạt động chủ yếu của Kiểm sát viên là phải theo dõi tiến độ giải quyết vụ án, chủ động phối hợp với Điều tra viên được phân công thụ lý án; nghiên cứu các biên bản hỏi cung bị can; khi cần thiết phải tham gia kiểm sát trực tiếp cuộc hỏi cung hoặc trực tiếp hỏi cung bị can; giúp Điều tra viên

khắc phục những thiếu sót trong quá trình hỏi cung cũng như đảm bảo các yêu cầu của việc giải quyết vụ án hình sự.

Do các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia mà các Cơ quan An ninh điều tra thụ lý là các vụ án có tính chất phức tạp, bị can lại ngoan cố, luôn tìm cách từ chối khai báo hoặc khai báo gian dối, quanh co, nhỏ giọt, thậm chí phản cung ... Vì vậy, trong thực tế, Cơ quan An ninh điều tra đã thực hiện quan hệ tổ tụng hình sự với Viện kiểm sát nhân dân để hoạt động hỏi cung được khách quan, tạo điều kiện thuận lợi cho việc điều tra làm rõ hành vi phạm tội của bị can.

Thông thường, quan hệ tổ tụng hình sự giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân được thể hiện ở việc hai cơ quan cùng lập kế hoạch hỏi cung bị can trong một số trường hợp cần thiết; trao đổi những nội dung cần được làm rõ trước khi tiến hành hỏi cung; phối hợp giải quyết một số tình huống trong hỏi cung như bị can không khai báo, đòi hỏi các yêu sách về giam giữ, về người bào chữa, đòi được thăm thân nhân ...

Để đảm bảo cho việc hỏi cung bị can được khách quan, toàn diện, đúng trình tự, thủ tục Luật Tổ tụng hình sự đã quy định, Viện kiểm sát nhân dân cũng đã thực hiện tốt chức năng kiểm sát việc hỏi cung do Cơ quan An ninh điều tra tiến hành, thông qua các hình thức như: Nghiên cứu các biên bản hỏi cung bị can có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan An ninh điều tra cung cấp; cử Kiểm sát viên tham gia giám sát trực tiếp cuộc hỏi cung; tiến hành phúc cung khi thấy cần thiết ... Thông qua các hoạt động giám sát này mà Viện kiểm sát nhân dân có thể phát hiện ra những nội dung còn thiếu hay mâu thuẫn chưa được Điều tra viên làm rõ có liên quan đến vấn đề cần chứng minh. Chẳng hạn, với các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia thì Viện kiểm sát nhân dân thường yêu cầu Cơ quan An ninh điều tra làm rõ về động cơ, mục đích phạm

tội; quá trình chống đối chính quyền của đối tượng; những biện pháp mà các cơ quan, tổ chức, chính quyền đã áp dụng đối với bị can trước khi bị bắt, điều tra để có thêm căn cứ đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của đối tượng ...

Tuy nhiên, hoạt động kiểm sát điều tra của Viện kiểm sát nhân dân cũng còn bộc lộ tồn tại như: Hoạt động kiểm sát (*như tham gia giám sát trực tiếp cuộc hỏi cung, tiến hành phúc cung ...*) chủ yếu diễn ra ở giai đoạn chuẩn bị kết thúc điều tra, khi Cơ quan An ninh điều tra đã mang hồ sơ vụ án hình sự sang Viện kiểm sát nhân dân để đề nghị truy tố. Do vậy, khi nảy sinh vấn đề mới cần được điều tra làm rõ, Kiểm sát viên phải yêu cầu Điều tra viên điều tra bổ sung, tạo cho Điều tra viên tâm lý không thoải mái, việc tiến hành điều tra vào thời điểm này cũng gặp những khó khăn nhất định.

+ *Nhận dạng; thực nghiệm điều tra, trung cầu giám định*

Theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, đối với các biện pháp điều tra như nhận dạng, thực nghiệm điều tra, trung cầu giám định thì trách nhiệm của Kiểm sát viên là xem xét lý do, phương pháp, nội dung và kết quả các biện pháp đã thực hiện nhằm đảm bảo tính khách quan trong hoạt động tố tụng hình sự.

Tuy nhiên, quan hệ tố tụng hình sự giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân cũng có lúc chưa được thường xuyên vì có trường hợp Kiểm sát viên cho rằng Điều tra viên của Cơ quan An ninh điều tra làm đúng luật nên việc giám sát chưa sâu sắc; hoặc trong khi trực tiếp tiến hành các hoạt động thu thập chứng cứ, có lúc Viện kiểm sát nhân dân không cử đủ người tham gia, nhất là đối với các hoạt động điều tra tiến hành ngoài giờ hành chính.

2.2.1.4. Quan hệ phối hợp trong công tác thụ lý kiểm sát điều tra và thực hiện các yêu cầu khi trả hồ sơ điều tra bổ sung

- Trong công tác thụ lý kiểm sát điều tra:

Quá trình thụ lý điều tra và kiểm sát điều tra vụ án, việc xem xét quyết định và phê chuẩn các quyết định khởi tố bị can, áp dụng các biện pháp ngăn chặn, xác định tội danh, nhất là đối với các loại tội xâm phạm an ninh quốc gia ngay từ đầu đã phải rất thận trọng và chú ý để đảm bảo việc điều tra vụ án đúng quy định của pháp luật, đồng thời phải đặc biệt quan tâm đến bối cảnh của tình hình thế giới và trong nước để tính toán về thời điểm đưa vụ án ra xử lý, không để các phần tử cơ hội chính trị cũng như các thế lực thù địch lợi dụng xuyên tạc chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Quán triệt phương châm cương quyết xử lý nghiêm các đối tượng chủ mưu, cầm đầu, chống đối cực đoan, thách thức pháp luật, khoan hồng, miễn trách nhiệm hình sự, xử lý bằng các biện pháp hành chính đối với các đối tượng bị lôi kéo, thành khẩn nhận tội, ăn năn hối cải. Ví dụ trong vụ Nguyễn Hữu Chánh đình chỉ 04 bị can, vụ Nguyễn Quốc Quân đình chỉ 02 bị can (*quốc tịch Pháp và quốc tịch Mỹ*) hoặc các vụ Lê Quốc Quân phạm tội hoạt động lật đổ chính quyền nhân dân, vụ Vũ Trung Tuyền, vụ Nguyễn Thành Tạo phạm tội khủng bố đều được xem xét miễn trách nhiệm hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân đã có sự phối hợp chặt chẽ với Cơ quan An ninh điều tra khi tiến hành một số hoạt động điều tra như: hỏi cung bị can, lấy lời khai người có liên quan, giám sát việc đóng, mở niêm phong tài liệu, nghiên cứu áp dụng các biện pháp ngăn chặn, kịp thời phát hiện và khắc phục những thiếu sót về chứng cứ, về thủ tục tố tụng, yêu cầu bổ sung, củng cố chứng cứ, đảm bảo việc điều tra đúng hướng, khách quan, toàn diện. Đối với các Điều tra viên cũng có sự phối hợp chặt chẽ với Kiểm sát viên trong việc trao đổi thông tin, cung cấp các tài liệu, chứng cứ phục vụ cho việc xét phê

chuẩn các quyết định tố tụng như: phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, gia hạn tạm giữ, tạm giam, tạo thuận lợi cho công tác điều tra, truy tố và xét xử vụ án có căn cứ, đúng thời hạn luật định, không để xảy ra oan sai hoặc bỏ lọt tội phạm và người phạm tội. Đối với các vụ án trọng điểm, các vụ án có tính thời sự chính trị, được dư luận quan tâm, Cơ quan An ninh điều tra đã chú trọng cử các Điều tra viên có năng lực tốt và trách nhiệm cao thụ lý điều tra, Viện kiểm sát nhân dân cũng lựa chọn Kiểm sát viên có kinh nghiệm công tác, trình độ chuyên môn và bản lĩnh nghề nghiệp thụ lý án, chủ động tiếp cận hồ sơ ngay từ đầu để nắm bắt tình hình, nghiên cứu kỹ các tài liệu hồ sơ vụ án, trên cơ sở đó có kế hoạch chuẩn bị cho công tác truy tố, xét xử sau khi kết thúc điều tra vụ án.

Đối với các vụ án trọng điểm, nhạy cảm, ngoài việc cử các Điều tra viên, Kiểm sát viên có trình độ, năng lực tốt trực tiếp thụ lý giải quyết, các cơ quan tiến hành tố tụng đã có sự quan tâm, chú ý trao đổi thông tin kịp thời, tổ chức các cuộc họp bàn thống nhất về kế hoạch và tiến độ điều tra vụ án, thống nhất quan điểm báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo liên ngành. Thông qua cơ chế phối hợp đó, ngay từ đầu Viện kiểm sát nhân dân đã có điều kiện thuận lợi để tiến hành công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra, chủ động đề xuất các chủ trương và biện pháp giải quyết vụ án. Nói chung, trong quá trình giải quyết các vụ án này, ngay từ đầu các cơ quan tiến hành tố tụng đã có sự phối hợp, bàn bạc thống nhất quan điểm về khởi tố vụ án, khởi tố bị can, xác định tội danh, việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn, không máy móc áp dụng các quy định của pháp luật một cách đơn thuần, không để các thế lực thù địch lợi dụng sơ hở, sai sót để xuyên tạc, chống phá.

Sau đây, xin đơn cử một số vụ án cụ thể:

Vụ Nguyễn Quốc Quân cùng các bị can khác (*trong tổ chức phản động*

“*Việt Tân*”) phạm tội khủng bố. Quá trình thụ lý điều tra, truy tố vụ án này có sự quan tâm, theo dõi và tác động, can thiệp mạnh của nước ngoài. Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân đã phối hợp tổ chức nghiên cứu xác định tội danh, phân hóa đối tượng để đảm bảo yêu cầu công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước, đảm bảo việc truy tố, xét xử đúng pháp luật.

Vụ Nguyễn Xuân Thu, Đinh Hoàng Thắng và vụ Nguyễn Văn Lục phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia, tính chất rất nghiêm trọng, đối tượng thuộc diện đặc biệt, hai vụ đều có các bị can là cán bộ, đảng viên công tác tại một số cơ quan thuộc lĩnh vực quan hệ quốc tế. Cơ quan An ninh điều tra - Bộ Công an và Vụ 2 - Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã có sự phối hợp chặt chẽ việc khởi tố điều tra và đề nghị xử lý vụ án.

Các vụ án La Văn Sĩ (*ở Lạng Sơn*) phạm tội gián điệp; các vụ lợi dụng tôn giáo, dân tộc gây rối, phá hoại chính sách đoàn kết xảy ra ở Hà Nội, An Giang, một số tỉnh Tây Nguyên ..., vụ Phạm Bá Hải, Nguyễn Xuân Nghĩa, Phạm Văn Trội phạm tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được các ngành tổ tụng Trung ương và địa phương quan tâm chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ và tập trung đẩy nhanh tiến độ công tác điều tra, truy tố, xét xử. Một số vụ đã hoàn thành hồ sơ, Cáo trạng và ủy quyền các địa phương tổ chức xét xử kịp thời phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị địa phương như ở Hà Nội; thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng.

Vụ án Lê Công Định, Trần Huỳnh Duy Thức, Lê Thăng Long và Nguyễn Tiến Trung phạm tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân. Đây là vụ án xâm phạm an ninh quốc gia rất nghiêm trọng, có sự tiếp tay của các thế lực thù địch bên ngoài, hành vi phạm tội của các bị can mang tính chất chống đối quyết liệt, với nhiều thủ đoạn hoạt động tuyên truyền, lôi kéo tập hợp lực lượng, gây hoài nghi, chia rẽ nội bộ, đòi thay đổi chế độ, chọn thời cơ hoạt động lật đổ chính quyền nhân dân. Lãnh đạo Cơ quan An ninh điều tra và

Viện kiểm sát nhân dân ở Trung ương và thành phố Hồ Chí Minh phối hợp điều tra, hoàn thành hồ sơ để chuyển truy tố và đã đưa vụ án ra xét xử. Nhìn chung, công tác tổ chức điều tra, áp dụng các quy định pháp luật để xử lý vụ án và việc quán triệt thực hiện các yêu cầu về đảm bảo an ninh chính trị, công tác đối nội, đối ngoại trong quá trình giải quyết vụ án đang được phối hợp thực hiện nghiêm túc.

Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử các vụ án, Viện kiểm sát nhân dân các cấp đã chú trọng phát hiện những sơ hở, thiếu sót, vi phạm pháp luật trong công tác quản lý Nhà nước của các Bộ, ngành để kiến nghị yêu cầu khắc phục kịp thời.

- *Thực hiện các yêu cầu khi trả hồ sơ điều tra bổ sung:*

Điều tra bổ sung là một chế định được Bộ luật Tố tụng hình sự quy định do các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện nhằm đảm bảo việc điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự khách quan, toàn diện, đúng pháp luật. Đây là một biện pháp tố tụng mà pháp luật cho phép các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng thực hiện. Nhưng nếu việc trả hồ sơ không đúng pháp luật hoặc việc trả đi trả lại nhiều lần, làm kéo dài thời hạn giải quyết vụ án ... thậm chí có vấn đề không thể khắc phục được, dẫn đến phải đình chỉ vụ án, đình chỉ bị can do không phạm tội hoặc bị Tòa án tuyên bị cáo không phạm tội ... thì việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung phải được nghiên cứu để xác định trách nhiệm cụ thể của các chủ thể tiến hành tố tụng. Việc điều tra, thu thập chứng cứ và lập hồ sơ vụ án do các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện, còn việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung là việc phát hiện hồ sơ thiếu sót, vi phạm phải khắc phục, bổ sung. Do vậy, cần phải xác định những “lỗi” đó do công đoạn tố tụng nào thực hiện, để phân định trách nhiệm cụ thể, từ đó mới giải

quyết được căn nguyên của những thiếu sót, tồn tại trong quá trình tiến hành tố tụng hình sự.

Do vậy, việc phân định trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung là một vấn đề hết sức quan trọng và cần thiết, nhằm góp phần quan trọng nâng cao chất lượng công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự; đồng thời hạn chế đến mức thấp nhất việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung giữa các cơ quan tiến hành tố tụng.

Từ những quy định của pháp luật và khái quát thực tiễn thì trách nhiệm giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung được phân định dựa trên các nguyên tắc sau đây:

+ Cơ quan An ninh điều tra có trách nhiệm khi không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ, kịp thời yêu cầu điều tra bổ sung hoặc quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Viện kiểm sát nhân dân dẫn đến vụ án phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung đối với những vấn đề mà Viện kiểm sát nhân dân đã yêu cầu điều tra; không cung cấp đầy đủ, kịp thời chứng cứ, tài liệu liên quan trong quá trình điều tra vụ án làm cho Viện kiểm sát nhân dân không nắm được nội dung vụ án để kịp thời đề ra yêu cầu điều tra dẫn đến việc Viện kiểm sát nhân dân hoặc Tòa án nhân dân phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung đối với vụ án.

+ Viện kiểm sát nhân dân có trách nhiệm nếu trong quá trình thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra đối với vụ án mà không đề ra yêu cầu điều tra hoặc không phát hiện những vấn đề có thể phát hiện dẫn đến sau đó vụ án phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung; hoặc bị Tòa án quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung, quyết định trả hồ sơ không có căn cứ pháp luật và Cơ quan An ninh điều tra có văn bản giữ nguyên kết luận điều tra, sau đó Viện kiểm sát nhân dân quyết định truy tố như đề nghị của Cơ quan An ninh điều tra.

Như vậy, các trường hợp Viện kiểm sát nhân dân trả hồ sơ để Cơ quan An ninh điều tra tiến hành điều tra bổ sung gồm các trường hợp: còn thiếu những chứng cứ quan trọng đối với vụ án mà Viện kiểm sát nhân dân không thể tự mình bổ sung được; có căn cứ để khởi tố bị can về một tội phạm khác hoặc có người đồng phạm khác; có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Thực tiễn, hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự những năm qua cho thấy, các cơ quan tiến hành tố tụng đã tạo được sự chuyển biến tích cực trong việc giải quyết vụ án hình sự, bảo đảm việc xử lý vụ án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, thực tế cũng cho thấy, mặc dù đã có nhiều cố gắng, nhưng tình trạng án trả lại để điều tra bổ sung vẫn còn chiếm tỷ lệ nhất định trong tổng số vụ án thụ lý hàng năm.

Nghiên cứu các vụ án do Viện kiểm sát nhân dân trả điều tra bổ sung cho thấy, lý do để trả hồ sơ điều tra bổ sung chủ yếu rơi vào trường hợp thứ nhất: còn thiếu những chứng cứ quan trọng trong vụ án mà Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân không tự mình bổ sung được, ví dụ như: xác định năng lực hành vi, tuổi chịu trách nhiệm hình sự của người thực hiện hành vi phạm tội; những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; việc xác định vai trò, động cơ, mục đích gây án của người thực hiện hành vi phạm tội; các vấn đề về xác định trách nhiệm dân sự, bồi thường thiệt hại ...

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung, trong đó có nguyên nhân thiếu sự phối hợp giữa Điều tra viên và Kiểm sát viên. Cụ thể là trong quá trình điều tra, Điều tra viên chưa thu thập đầy đủ chứng cứ cần thiết để chứng minh tội phạm, chứng cứ đã thu thập được không đảm bảo thủ tục tố tụng, chưa tạo điều kiện để Kiểm sát viên nắm chắc nội dung vụ án; mặt khác, do Kiểm sát viên chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm, quyền hạn của mình nên không đề ra được các yêu cầu điều tra, không phát hiện được những sai sót trong quá trình thu thập chứng cứ cũng như việc tuân thủ trình tự, thủ tục tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra, hoặc có tâm lý ỷ lại vào chứng cứ

do Cơ quan An ninh điều tra thu thập mà chưa chú trọng đúng mức đến việc kiểm tra lại chứng cứ đó.

2.2.1.5. *Quan hệ phối hợp trong xử lý vụ án*

Theo báo cáo của Viện kiểm sát nhân dân tối cao từ năm 2004 đến nay (*ngành Kiểm sát lấy số liệu làm cơ sở báo cáo năm từ tháng 12 năm trước đến hết tháng 11 năm sau*) cho thấy:

Năm 2004, Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân các cấp có thẩm quyền thụ lý 30 vụ/62 bị can. Kết quả đã kết thúc điều tra, xử lý 26 vụ/50 bị can (*chiếm 86,6% số vụ và 80,6% số bị can thụ lý*). Trong đó đề nghị truy tố 23 vụ/40 bị can (*chiếm 88,5% tổng số vụ và 80% số bị can đã kết thúc điều tra*); đình chỉ điều tra 02 vụ/06 bị can, tạm đình chỉ điều tra 01 vụ/04 bị can. Chuyển sang năm 2005 điều tra tiếp 04 vụ/12 bị can.

Năm 2005, Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân các cấp có thẩm quyền thụ lý 24 vụ/48 bị can. Kết quả đã kết thúc điều tra, xử lý 15 vụ/29 bị can (*chiếm 62,5% số vụ và 60,4% số bị can thụ lý*). Trong đó đề nghị truy tố 12 vụ/25 bị can (*chiếm 80% tổng số vụ và 86,2% số bị can đã kết thúc điều tra*); đình chỉ điều tra 01 vụ/02 bị can, tạm đình chỉ điều tra 02 vụ/02 bị can. Chuyển sang năm 2006 điều tra tiếp 09 vụ/19 bị can.

Năm 2006, Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân các cấp có thẩm quyền thụ lý 31 vụ/100 bị can. Kết quả đã kết thúc điều tra, xử lý 16 vụ/86 bị can (*chiếm 51,6% số vụ và 86% số bị can thụ lý*). Trong đó đề nghị truy tố 13 vụ/62 bị can (*chiếm 81,2% tổng số vụ và 72,1% số bị can đã kết thúc điều tra*); đình chỉ điều tra 02 vụ/15 bị can, tạm đình chỉ điều tra 01 vụ/09 bị can. Chuyển sang năm 2007 điều tra tiếp 15 vụ/46 bị can.

Năm 2007, Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân các cấp có thẩm quyền thụ lý 42 vụ/111 bị can. Kết quả đã kết thúc điều tra, xử lý 29 vụ/89 bị can (*chiếm 69% số vụ và 80% số bị can thụ lý*). Trong đó đề nghị truy tố 19 vụ/61 bị can (*chiếm 65,5% số vụ và 68,5% số bị can đã kết thúc điều tra*); đình chỉ điều tra 09 vụ/17 bị can, tạm đình chỉ điều tra 01 vụ/11 bị

can. Chuyển sang năm 2008 điều tra tiếp 13 vụ/22 bị can.

Năm 2008, Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân các cấp có thẩm quyền thụ lý 28 vụ/54 bị can. Kết quả đã kết thúc điều tra, xử lý 21 vụ/41 bị can (*chiếm 75% so với tổng số án thụ lý*). Trong đó đề nghị truy tố 18 vụ/29 bị can (*chiếm 85,7% số vụ và 75,9% số bị can đã kết thúc điều tra*); đình chỉ điều tra 01 vụ/07 bị can, tạm đình chỉ điều tra 01 vụ/05 bị can. Chuyển sang năm 2009 điều tra tiếp 07 vụ/13 bị can.

Năm 2009, Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân các cấp có thẩm quyền thụ lý 27 vụ/60 bị can. Kết quả đã kết thúc điều tra, xử lý 20 vụ/38 bị can (*chiếm 74,1% số vụ và 63,3% số bị can thụ lý*). Trong đó đề nghị truy tố 17 vụ/25 bị can (*chiếm 85,% số vụ và 65,8% số bị can đã kết thúc điều tra*); đình chỉ điều tra 01 vụ/05 bị can, tạm đình chỉ điều tra 02 vụ/08 bị can. Chuyển sang năm 2010 điều tra tiếp 07 vụ/22 bị can.

Năm 2010, Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân các cấp có thẩm quyền thụ lý 25 vụ/70 bị can. Kết quả đã kết thúc điều tra, xử lý 22 vụ/62 bị can (*chiếm 88% số vụ và 88,6% số bị can thụ lý*). Trong đó đề nghị truy tố 19 vụ/47 bị can (*chiếm 86,4% số vụ và 75,8% số bị can đã kết thúc điều tra*); đình chỉ điều tra 01 vụ/07 bị can, tạm đình chỉ điều tra 02 vụ/08 bị can. Chuyển sang năm 2011 điều tra tiếp 03 vụ/08 bị can.

Nhìn chung, trong công tác điều tra, xử lý các vụ án, Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân đã chú ý thu thập, củng cố chứng cứ; lựa chọn quy phạm pháp luật hình sự; lập, củng cố hồ sơ vụ án hình sự chặt chẽ; việc áp dụng các hình thức xử lý vụ án và các bị can trong vụ án đảm bảo chính xác; đã đề cao được tính nghiêm minh của pháp luật, qua đó đã thực hiện đúng phương châm: trấn áp tội phạm, phân hóa kẻ thù, vạch trần tội phạm; đồng thời tranh thủ được dư luận trong và ngoài nước, ngăn chặn không để các thế lực thù địch can thiệp, lấy việc bảo vệ an ninh quốc gia và ổn định chính trị làm mục tiêu cao nhất.

Đặc biệt, đối với những vụ vi phạm pháp luật liên quan đến việc thực

hiện chính sách tôn giáo, chính sách dân tộc, quyền tự do dân chủ như đã xảy ra ở các tỉnh thuộc vùng Tây Nam Bộ, Tây Nguyên, Hà Nội, Quảng Bình, Thừa Thiên Huế thì Vụ 2 - Viện kiểm sát nhân dân tối cao chủ động liên hệ, yêu cầu địa phương báo cáo để tổng hợp tình hình và tham mưu đề xuất lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân tối cao có sự chỉ đạo ngay từ đầu.

Nhìn chung, thành tích về việc lựa chọn hợp lý các hình thức xử lý vụ án và đối tượng phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia thời gian qua của Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân ở Trung ương và địa phương đã có tác dụng răn đe, ngăn chặn có hiệu quả các hoạt động chống đối của các thế lực thù địch ngay khi còn manh nha, không để chúng công khai thành lập các đảng chính trị đối lập ở trong nước và hoạt động bạo loạn, lật đổ chính quyền nhân dân, góp phần quan trọng vào việc giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, phục vụ tích cực cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng hệ thống chính trị và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân, bảo đảm sự bền vững của chế độ xã hội chủ nghĩa. Đội ngũ cán bộ làm nhiệm vụ chuyên trách có nhiều cố gắng trong việc xử lý các vụ án chính trị, luôn trung thành với Tổ quốc, giữ vững phẩm chất chính trị, có tinh thần trách nhiệm, hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao.

2.2.2. Nhận xét chung

Nghiên cứu một cách tổng quát về quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân thời gian qua trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia đã tương đối chặt chẽ, nhịp nhàng, đạt kết quả tốt, góp phần tích cực ngăn chặn được âm mưu và hoạt động chống phá Nhà nước của các đối tượng cơ hội chính trị, chống đối trong nước và các thế lực thù địch bên ngoài. Thể hiện:

- Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân đều thống nhất quán triệt sự chỉ đạo của Đảng và Nhà nước trong điều tra, xử lý tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia trong tình hình mới. Kiên quyết đấu tranh, trấn áp

nhưng đồng thời chú ý tính toán sách lược linh hoạt, mềm dẻo trong sử dụng biện pháp pháp luật để khi đưa các vụ án, bị can ra truy tố, xét xử đảm bảo yêu cầu chính trị, đối ngoại. Vụ Nguyễn Hữu Chánh - Nguyễn Thương Cúc, Nguyễn Văn Lý; vụ Lê Nguyên Sang và Đỗ Công Thành, vụ Nguyễn Văn Đài và Lê Thị Công Nhân, vụ Lê Quốc Quân, Nguyễn Quốc Quân, vụ Trần Huỳnh Duy Thức, Lê Công Định, Vũ Văn Hùng, Nguyễn Xuân Nghĩa, Trần Ánh Kim ... đều được Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân tính toán kỹ khi khởi tố, bắt giữ, giam, đưa ra truy tố đảm bảo đạt kết quả tốt nhất, trấn áp được tội phạm, vạch mặt các thế lực thù địch bên ngoài, ổn định tình hình chính trị ở trong nước và địa phương.

- Sự phối hợp chặt chẽ giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân được thực hiện kịp thời ngay từ đầu khi vụ án phát sinh. Khi Cơ quan An ninh điều tra khởi tố điều tra vụ án, đã có sự phối hợp của Viện kiểm sát nhân dân để họp bàn chủ trương giải quyết, thống nhất xác định tội danh của các đối tượng hay thay đổi tội danh khởi tố một cách kịp thời cho đúng với bản chất của tội phạm; các Kiểm sát viên tham gia hỏi cung, phúc cung, sớm nghiên cứu hồ sơ vụ án để góp ý vào kết luận điều tra, xây dựng cáo trạng phục vụ việc truy tố, xét xử được kịp thời. Hồ sơ, tài liệu, chứng cứ được Viện kiểm sát nhân dân phối hợp thẩm định, kiểm tra chặt chẽ cho đúng quy định của pháp luật. Các vụ án Nguyễn Văn Lý, Nguyễn Văn Đài - Lê Thị Công Nhân, Nguyễn Quốc Quân, Đỗ Công Thành ... đã được kết thúc điều tra nhanh để chuyển sang Viện kiểm sát nhân dân truy tố và Tòa án nhân dân xét xử kịp thời, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

- Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân đã tranh thủ được sự chỉ đạo của lãnh đạo các cấp có thẩm quyền (*như ở Thừa Thiên Huế, thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh ...*) nên các hoạt động điều tra, xử lý được thực hiện nhanh, có hiệu quả, đảm bảo chính xác, đúng pháp luật. Hai ngành cũng đã kịp thời tham mưu, đề xuất và giải quyết kịp thời những vướng mắc, khó khăn trong quá trình tố tụng.

- Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân đã phối hợp chặt chẽ, thống nhất trong việc giải quyết xét đặc xá, tha tù trước thời hạn cho một số đối tượng (*như Nguyễn Vũ Bình, Phan Văn Bàn, Phạm Hồng Sơn, Trần Khải Thanh Thủy ...*). Kết quả đã góp phần tích cực cho Đảng và Nhà nước ta thực hiện được thành công đường lối chính trị và chính sách ngoại giao mềm dẻo trên trường quốc tế.

Kết luận Chương 2

Chương 2 của luận văn trình bày thực trạng mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia từ năm 2004 đến nay.

Trước hết, luận văn trình bày về tổ chức bộ máy, nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan An ninh điều tra trong Công an nhân dân và của cơ quan thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra án xâm phạm an ninh quốc gia (*Viện kiểm sát nhân dân*).

Tiếp đó, luận văn tập trung phân tích thực trạng mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia từ năm 2004 đến nay bằng việc nêu ra nhận xét khái quát về thực trạng mối quan hệ phối hợp của hai hệ thống cơ quan trong thời gian qua, đồng thời nêu rõ thực trạng mối quan hệ phối hợp của hai hệ thống cơ quan trong các khâu từ việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can; áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn; áp dụng các biện pháp thu thập chứng cứ (*khám nghiệm hiện trường; khám xét, thu giữ, tạm giữ, bảo quản và xử lý vật chứng*); công tác thụ lý kiểm sát điều tra và việc thực hiện các yêu cầu trả hồ sơ điều tra bổ sung của Viện kiểm sát nhân dân và trong việc xử lý vụ án.

Những vấn đề được đề cập trong chương này là cơ sở thực tiễn cho những giải pháp và kiến nghị được trình bày ở Chương 3 của luận văn.

Chương 3

DỰ BÁO VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ MỐI QUAN HỆ PHỐI HỢP GIỮA CƠ QUAN AN NINH ĐIỀU TRA VÀ VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TRONG ĐIỀU TRA, XỬ LÝ CÁC VỤ ÁN XÂM PHẠM AN NINH QUỐC GIA

3.1. Dự báo

3.1.1. Dự báo tình hình tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia

Thời gian tới, tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia ở nước ta vẫn có thể diễn biến phức tạp với phương thức, thủ đoạn ngày càng tinh vi, xảo quyệt, cụ thể là:

+ Các thế lực thù địch tiếp tục thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình”, triệt để lợi dụng các vấn đề “dân chủ”, “nhân quyền”, “tự do”, “dân tộc”, “tôn giáo” để chống phá cách mạng Việt Nam:

Xuất phát từ âm mưu, mục tiêu chiến lược của các thế lực thù địch đối với Việt Nam; từ thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia trong thời gian vừa qua, có thể khẳng định đây sẽ là phương thức, thủ đoạn hoạt động mang tính phổ biến mà các thế lực thù địch sẽ sử dụng để chống phá cách mạng Việt Nam trong thời gian tới.

Với “chính sách ngoại giao nhân quyền”, Mỹ và các thế lực thù địch sẽ tìm cách thổi phồng “vấn đề nhân quyền” ở Việt Nam, coi Việt Nam là một trong những nước có vi phạm nhân quyền; gây sức ép với cộng đồng quốc tế, yêu cầu cử đoàn vào kiểm tra, xem xét việc thực hiện nhân quyền ở Việt Nam; tiếp tục nêu vấn đề “tự do ngôn luận”, “tự do báo chí” khiếu tu sản, vu cáo Việt Nam đàn áp người bất đồng chính kiến, thổi phồng và xuyên tạc những vụ việc phức tạp ở nông thôn.

Các thế lực thù địch sẽ không từ bỏ ý đồ nuôi dưỡng, kích động những phần tử có hận thù, bất mãn với Đảng và Nhà nước Việt Nam ở trong và ngoài nước để tăng cường các hoạt động phá hoại nền an ninh chính trị ở Việt Nam. Tiếp tục lợi dụng vấn đề “*tự do*”, “*dân chủ*”, “*nhân quyền*” với các chiêu bài: Tự do về chính trị; dân chủ trong tuyển cử; tự do ngôn luận; tự do báo chí; tự do tôn giáo ... để thành lập các tổ chức chính trị phản động nhằm tập hợp lực lượng, lôi kéo quần chúng tham gia các đảng phái với các danh xưng mang màu sắc “*dân chủ*”, “*nhân quyền*”, tạo lực lượng chính trị đối lập với Đảng Cộng sản Việt Nam thông qua việc lập hội, tổ chức các cuộc hội thảo, hoạt động dưới hình thức ôn hòa, không manh động vũ trang, từng bước tiến tới “*công khai hóa*”, “*quốc tế hóa*” và “*tập hợp hóa*” các tổ chức chính trị phản động này. Chúng sẽ thay đổi phương thức, thủ đoạn hoạt động từ “*bạo động*” sang chủ yếu là “*bất bạo động*”; từ lén lút, bí mật sang “*bán công khai*”, “*hợp pháp hóa về tổ chức*”. Đây là phương thức, thủ đoạn thâm độc và nguy hiểm vì nó diễn ra hòa bình, làm mất cảnh giác trong nhân dân, dễ bề lôi kéo, tập hợp quần chúng tham gia.

Cũng từ lợi dụng vấn đề “*tự do*”, “*dân chủ*”, “*nhân quyền*”, các thế lực thù địch sẽ tiếp tục tấn công sâu rộng vào các lĩnh vực chính trị, tôn giáo, dân tộc, văn hóa, khoa học - kỹ thuật, tự do ngôn luận, tự do sáng tác. Chúng tiếp tục đòi Đảng và Nhà nước ta phải mở rộng tự do, dân chủ, không được can thiệp vào các hoạt động tôn giáo, lập hội, bày tỏ chính kiến ... Sự cấu kết giữa các phần tử chống đối trong nước và các tổ chức phản động, tôn giáo lưu vong sẽ ngày càng chặt chẽ để đấu tranh với Nhà nước Việt Nam về các vấn đề này.

Bọn phản động lưu vong người Việt được sự chỉ đạo và giúp sức của các thế lực thù địch sẽ tăng cường liên kết lực lượng chống đối ở nước ngoài, hợp nhất các tổ chức, lợi dụng các vấn đề “*dân chủ*”, “*nhân quyền*”, “*chống*

tham nhũng” để triển khai nhiều kế hoạch, chiến dịch chống phá cách mạng nước ta. Chúng sẽ lợi dụng mọi điều kiện để chuyển lực lượng và các hoạt động phá hoại từ bên ngoài vào nội địa ta; lợi dụng các phương tiện kỹ thuật thông tin quốc tế để liên hệ, móc nối với các thế lực phản động, chống đối ở trong nước, nhen nhóm tổ chức, tạo dựng “ngọn cờ”, kết hợp đấu tranh bí mật bất hợp pháp với công khai hợp pháp nhằm xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản và chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Các đối tượng chống Đảng, cơ hội chính trị, bất mãn với chế độ xã hội chủ nghĩa từ chỗ hoạt động ngầm ngấm mang tính cá nhân sẽ gia tăng liên hệ, kích lệ, lôi kéo lẫn nhau, tạo dựng “ngọn cờ”, hình thành tổ chức chính trị đối lập với Đảng Cộng sản, từng bước hợp thức hóa, quốc tế hóa, công khai bộc lộ hoạt động đòi tự do ngôn luận, tự do báo chí, đa nguyên, đa Đảng; tăng cường tuyên truyền, phát tán tài liệu, vu cáo, chia rẽ, gây nghi ngờ trong nội bộ, kích động chống Đảng Cộng sản và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Các tài liệu này được chúng phát tán trong nước hoặc gửi ra nước ngoài in ấn, xuất bản, tuyên truyền hòng gây áp lực, mong chờ chỗ dựa chính trị lâu dài.

+ *Hoạt động chống đối công khai mang tính cực đoan của bọn phản động vẫn tiếp tục xảy ra, nhất là ở các địa bàn trọng điểm Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ:*

Các đối tượng phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia không bao giờ từ bỏ mục tiêu lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam khi có điều kiện, kể cả bằng vũ lực. Do đó, bên cạnh những phương thức, thủ đoạn hoạt động nêu trên, vẫn có thể còn những tổ chức phản động có xu hướng chống phá một cách “ngông cuồng” như: Tiếp tục thiết lập các khung tổ chức vũ trang; tiến hành hoạt động biểu tình, bạo loạn, lật đổ; tiến hành “cách mạng màu” ở Việt Nam ...

Ở các tỉnh Tây Nguyên, do dân tộc và tôn giáo là những lĩnh vực nhạy cảm nên các thế lực thù địch sẽ tiếp tục nuôi dưỡng lực lượng FULRO lưu vong, móc nối với bọn phản động người Thượng ở các tỉnh Tây Nguyên thành lập tổ chức phản động “Nhà nước Đê Ga” và “Tin lành Đê Ga” để chống phá cách mạng Việt Nam; tiếp tục kích động đồng bào các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên trốn đi nước ngoài, lợi dụng địa bàn Campuchia để tập hợp, huấn luyện lực lượng chống đối, tìm thời cơ can thiệp vào Tây Nguyên.

Ngoài địa bàn Tây Nguyên, các thế lực thù địch sẽ tiếp tục lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Tây Bắc, Tây Nam Bộ và Trung Trung Bộ để chống phá cách mạng Việt Nam; tiếp tục phát triển đạo Tin lành vào các địa bàn nói trên, kích động đồng bào Mông ở Tây Bắc, Khơ Me ở Tây Nam Bộ, Chăm ở Trung Trung Bộ đòi “tự trị” ...

Từ âm mưu, phương thức, thủ đoạn, hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia của các thế lực thù địch; căn cứ vào tình hình thực tế xảy ra các loại tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia thời gian qua, có thể dự báo thời gian tới ở Việt Nam sẽ tiếp tục xảy ra một số loại tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia sau: Tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân (*Điều 79 Bộ luật Hình sự*); Tội gián điệp (*Điều 80 Bộ luật Hình sự*); Tội Khủng bố (*Điều 84 Bộ luật hình sự*); Tội phá hoại cơ sở vật chất, kỹ thuật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (*Điều 85 Bộ luật Hình sự*); Tội phá hoại chính sách đoàn kết (*Điều 87 Bộ luật Hình sự*); Tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (*Điều 88 Bộ luật Hình sự*) và Tội phá rối an ninh (*Điều 89 Bộ luật Hình sự*).

3.1.2. Yêu cầu nội dung cải cách tư pháp trong hoạt động điều tra, thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra có ảnh hưởng đến mối quan hệ phối hợp

Công tác tư pháp là một lĩnh vực quan trọng, luôn được Đảng và Nhà nước ta quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Đặc biệt, những năm gần đây, cùng với quá trình đổi mới cơ chế quản lý kinh tế và cải cách hành chính, Ban chấp

hành Trung ương Đảng và Bộ Chính trị đã có nhiều Nghị quyết về xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, trong đó có một số nội dung về đổi mới tổ chức và hoạt động các cơ quan tư pháp - lĩnh vực có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức. Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức thực hiện, mặc dù đã đạt được một số kết quả nhất định, song vẫn chưa thực sự đáp ứng được những đòi hỏi bức xúc của công tác tư pháp. Trong bối cảnh đó, Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 là Nghị quyết đầu tiên của Bộ Chính trị về lĩnh vực tư pháp, chỉ rõ ưu, khuyết điểm; đề ra những định hướng, quan điểm chỉ đạo cũng như những nhiệm vụ cụ thể của công tác tư pháp nói chung và công tác điều tra, thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra nói riêng.

Qua gần 10 năm thực hiện Nghị quyết, theo đánh giá của Ban chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương, chúng ta đã tạo được sự chuyển biến tích cực không chỉ trong nhận thức của cán bộ các cơ quan tư pháp mà còn đối với cả các cấp, các ngành và toàn thể xã hội; từng bước đề cao trách nhiệm và sự chuyển biến đồng bộ của cả hệ thống chính trị, của các ngành, các cấp ủy đảng, chính quyền đối với công tác tư pháp. Tầm quan trọng của công tác tư pháp đã dần được xác định, đặt đúng vị trí của nó trong mối quan hệ với công tác hành pháp và lập pháp. Việc thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 đồng thời đã tạo ra bước đột phá trong việc đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp, bước đầu tạo nền móng cho việc cải cách mang tính chiến lược ở giai đoạn sau; chất lượng công tác tư pháp ở các khâu từ điều tra, truy tố, xét xử đến thi hành án đều được nâng lên một bước; việc chỉ đạo thống nhất, kiên quyết trong việc giải quyết các vụ án điểm và đấu tranh chống tội phạm đã được thực hiện nghiêm túc; tổ chức bộ máy và công tác cán bộ trong các cơ quan tư pháp đã từng bước được củng cố, kiện toàn. Tuy nhiên, cũng theo đánh giá của Ban chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương thì mới chỉ giải quyết được những công việc mang tính bức xúc, tình thế;

chưa đủ thời gian để tiến hành những đổi mới mang tính chiến lược. Vì vậy, vấn đề đặt ra là cần phải thực hiện cải cách tư pháp một cách đầy đủ và toàn diện nhằm đáp ứng yêu cầu của quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Trên tinh thần đó, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã khẳng định rõ sự cần thiết phải xây dựng chiến lược cải cách tư pháp, xác định mục tiêu, quan điểm, phương hướng, nhiệm vụ và lộ trình thực hiện chiến lược này.

Để thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị, Bộ Công an đã ban hành nhiều kế hoạch về Chương trình trọng tâm công tác tư pháp trong năm 2006. Tuy nhiên, cải cách tư pháp là một quá trình cần có những bước đi thích hợp cho từng giai đoạn, như Nghị quyết số 49-NQ/TW đã nêu: Trước mắt, tổ chức và hoạt động của Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân như quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 và Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự năm 2004, nhưng cần phải phân định rõ thẩm quyền quản lý hành chính với trách nhiệm, quyền hạn trong hoạt động tố tụng theo hướng tăng thẩm quyền cho Điều tra viên và Kiểm sát viên để họ thực sự chủ động trong thực thi nhiệm vụ, nâng cao tính độc lập và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi và quyết định tố tụng của mình. Với quan điểm xây dựng các cơ quan tư pháp theo hướng làm rõ hơn vai trò trung tâm của Tòa án, tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân, phải quy định rõ vai trò, nhiệm vụ và quyền hạn trong việc kiểm tra, đôn đốc, yêu cầu Cơ quan An ninh điều tra và Điều tra viên đề cao trách nhiệm trong việc khởi tố, bắt, giam, giữ, điều tra, chứng minh hành vi phạm tội theo đúng các quy định của pháp luật, bảo đảm không để lọt tội phạm và không có oan sai.

Đối với Cơ quan điều tra nói chung và Cơ quan An ninh điều tra nói riêng phải phân biệt rõ các hoạt động hỗ trợ điều tra với tư cách là cơ quan hành pháp thực hiện quyền lực hành chính và hoạt động điều tra của Cơ quan

điều tra chuyên trách thực hiện quyền lực tố tụng. Theo đó, tiếp tục nghiên cứu xác định lại nhiệm vụ của Cơ quan An ninh điều tra theo hướng Cơ quan điều tra chuyên trách điều tra tất cả các vụ án hình sự, các cơ quan khác chỉ tiến hành một số hoạt động điều tra sơ bộ và tiến hành một số biện pháp điều tra theo yêu cầu của Cơ quan điều tra chuyên trách ...; nghiên cứu và chuẩn bị mọi điều kiện để tiến tới tổ chức lại các Cơ quan điều tra theo hướng thu gọn đầu mối; kết hợp chặt chẽ giữa công tác trinh sát và hoạt động điều tra tố tụng hình sự.

Với phương hướng, nhiệm vụ về đổi mới tổ chức và hoạt động của Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong Chiến lược cải cách tư pháp đã nêu trên, việc nâng cao hiệu quả quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân phải gắn liền với việc tăng quyền hạn và trách nhiệm của Điều tra viên và Kiểm sát viên, trên cơ sở tăng cường trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân trong thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra để Viện kiểm sát nhân dân thực sự giữ vai trò quyết định trong kết quả hoạt động điều tra và truy tố người phạm tội trước Tòa án. Đồng thời, để Điều tra viên và Kiểm sát viên có thể chủ động, độc lập chịu trách nhiệm trong hoạt động của mình, cần có giải pháp đồng bộ trong việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ để đáp ứng yêu cầu của cải cách tư pháp, đi đôi với hoàn thiện các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong giai đoạn điều tra, xử lý vụ án xâm phạm an ninh quốc gia. Phương hướng thu gọn đầu mối Cơ quan điều tra, dần hình thành Cơ quan điều tra chuyên trách và Viện kiểm sát nhân dân chuyển thành Viện Công tố không làm giảm hiệu quả quan hệ phối hợp giữa hai cơ quan này trong giai đoạn điều tra mà ngược lại, nó đòi hỏi tăng cường về chất quan hệ trên cơ sở nâng cao chất lượng điều tra, khám phá tội phạm và vai trò thực thụ của Viện kiểm sát nhân dân trong thực hành quyền công tố. Vấn đề quan trọng là hai ngành Công an và Kiểm sát cần xây

dụng Quy chế thực hiện quan hệ phối hợp theo các quy định của pháp luật tố tụng hình sự trong khởi tố, điều tra và kết thúc điều tra, truy tố nhằm đáp ứng yêu cầu của cải cách tư pháp hiện nay.

Như vậy, chiến lược cải cách tư pháp đã đặt ra yêu cầu phải tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong khởi tố, điều tra vụ án xâm phạm an ninh quốc gia do Cơ quan An ninh điều tra thụ lý. Đây thực sự là một trong những vấn đề không chỉ được quán triệt trong nhận thức của mỗi Điều tra viên, Kiểm sát viên mà còn phải được thể hiện trong việc giải quyết và xử lý quan hệ giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân khi tiến hành điều tra các vụ án cụ thể.

3.1.3. Dự báo về những thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia

3.1.3.1. Dự báo về những thuận lợi

- Yêu cầu cải cách tư pháp đặt ra đòi hỏi phải hoàn thiện hệ thống pháp luật, cần có quy định một cách chuyên sâu, cụ thể, chặt chẽ về tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Cơ quan điều tra nói chung, Cơ quan An ninh điều tra nói riêng và Viện kiểm sát nhân dân. Đây cũng chính là một trong những điểm mấu chốt để Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân có cơ sở pháp lý thuận lợi hơn cho việc thực hiện quan hệ phối hợp.

Hoạt động điều tra, truy tố có vị trí rất quan trọng trong quá trình giải quyết vụ án xâm phạm an ninh quốc gia; việc giải quyết mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân có tác động đến chất lượng công tác điều tra, truy tố người phạm tội và nó không thể tách

rời những vấn đề được nêu trong Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị có liên quan đến việc xác định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Cơ quan điều tra nói chung, Cơ quan An ninh điều tra nói riêng và Viện kiểm sát nhân dân. Trên quan điểm đó, Nghị quyết về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 của Bộ Chính trị đặt ra những yêu cầu mới trong tổ chức và hoạt động của Cơ quan An ninh điều tra và đặc biệt là của Viện kiểm sát nhân dân, dần hướng tới một cơ quan công tố thực thụ, có nhiệm vụ chỉ đạo hoạt động điều tra.

- Sự phát triển của khoa học công nghệ tạo điều kiện ứng dụng nhiều hơn trong thực tiễn điều tra, xử lý các vụ án hình sự nói chung và các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia nói riêng, đây cũng là một trong những vấn đề tạo thuận lợi hơn trong thống kê hình sự, nêu ra và xuất trình các chứng cứ, trao đổi thông tin, kết nối giữa các đơn vị để Viện kiểm sát nhân dân thực hiện các quyền công tố.

- Đội ngũ cán bộ, Điều tra viên, Kiểm sát viên làm công tác đấu tranh chống tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia ngày càng trưởng thành, có bản lĩnh chính trị vững vàng, luôn đề cao ý thức trách nhiệm trong quá trình thực thi nhiệm vụ được giao. Quá trình điều tra, xử lý vụ án vừa thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật hình sự, vừa tuân thủ triệt để sự lãnh đạo, chỉ đạo của cơ quan và người có thẩm quyền, phúc đáp yêu cầu đấu tranh chống tội phạm và thực hiện nhiệm vụ chính trị.

- Trong thế giới hiện đại, hội nhập quốc tế là thực tế khách quan, là nhu cầu tất yếu của sự phát triển ở mỗi quốc gia cũng như phạm vi toàn cầu. Tình hình tội phạm nói chung và tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia nói riêng diễn biến rất phức tạp và nghiêm trọng ... Vấn đề hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự ngày càng được nước ta quan tâm và phát triển. Điều đó cũng tạo nên những thuận lợi rất lớn trong quan hệ phối hợp để điều tra, xử lý các vụ

án xâm phạm an ninh quốc gia, nhất là hợp tác tư pháp trong các nội dung như: Tiến hành truy cứu trách nhiệm hình sự; Ủy thác hoặc phối hợp thực hiện các hoạt động tố tụng (*khám xét, lấy lời khai, tiến hành giám định ...*); tiến hành dẫn độ tội phạm; triệu tập người tham gia tố tụng; chuyển giao hồ sơ, vật chứng vụ án hình sự, giao nhận, chuyển giao tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ án; tổng đạt giấy tờ, thông báo kết quả tiến hành tố tụng và thông báo các thông tin khác có liên quan.

3.1.3.2. Dự báo về những khó khăn

- Thời gian tới, sự can thiệp của các thế lực thù địch bên ngoài đối với hoạt động điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia sẽ diễn ra dưới nhiều hình thức phức tạp, cụ thể là:

+ Sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng như đài phát thanh, vô tuyến truyền hình; các báo, tạp chí; các tổ chức quốc tế; tổ chức phi chính phủ, Quốc hội các nước; các chính khách, nhà hoạt động khoa học và kể cả nguyên thủ quốc gia; bằng các hội nghị, hội thảo quốc tế ... để can thiệp vào quá trình điều tra, xử lý các vụ án của Cơ quan An ninh điều tra các cấp.

+ Tiếp tục lợi dụng một số điểm được quy định trong Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền (*Điều 19, Điều 20*) và một số điều khác trong Công ước quốc tế để đấu tranh với Việt Nam, vu cáo ta “*đàn áp tôn giáo*”, “*không có tự do dân chủ*” hoặc “*tù nhân lương tâm*”. Không chỉ dừng ở khuôn khổ một vụ án mà chúng có thể còn đấu tranh đòi bỏ một số điều quy định trong Tuyên ngôn và Công ước quốc tế về nhân quyền.

Như vậy, thời gian tới, công tác điều tra, xử lý các vụ án của Cơ quan An ninh điều tra các cấp sẽ gặp nhiều khó khăn, phức tạp vì phải đối phó sự can thiệp của các thế lực thù địch vào quá trình điều tra với cường độ mạnh hơn; phương thức, thủ đoạn tinh vi hơn, đòi hỏi Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân phải nâng cao cảnh giác, chủ động đưa ra các phương án phòng ngừa, đối phó với sự can thiệp của chúng.

- Việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức toàn diện cả về lý luận chính trị, pháp lý, nghiệp vụ chuyên môn và ngoại ngữ cho đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên và cán bộ quản lý khác, nhất là đội ngũ ở cơ sở, cán bộ công tác ở vùng dân tộc, vùng sâu, vùng biên giới, hải đảo ... không phải một sớm, một chiều có thể giải quyết được, thực tế còn nhiều khó khăn trong việc giải quyết mâu thuẫn giữa đòi hỏi số lượng và thực trạng đã có. Điều kiện về con người và phương tiện chưa đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn. Số lượng Điều tra viên và Kiểm sát viên (*nhất là số có trình độ, khả năng làm việc tốt*) ở các Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân nhìn chung còn thiếu nhiều, cơ sở vật chất, kỹ thuật còn thiếu thốn chưa thể cải thiện ngay một lúc được cũng làm hạn chế nhiều đến hiệu quả các mặt công tác điều tra, xử lý tội phạm và điều này cũng gây khó khăn nhất định cho quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong quá trình điều tra, xử lý các vụ án an ninh quốc gia trong thời gian sắp tới.

- Phương thức, thủ đoạn hoạt động phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia ngày càng trở nên tinh vi, xảo quyệt, tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia ngày càng diễn biến phức tạp cả về số lượng, tính chất và đối tượng phạm tội, nhiều vụ có sự móc nối chỉ đạo của các tổ chức phản động người Việt lưu vong và các thế lực thù địch, chúng vừa tuyên truyền, xuyên tạc, vu khống, bôi nhọ lãnh đạo Đảng, kích động biểu tình, bạo loạn chính trị, đòi ly khai, chống phá việc thực hiện các chính sách kinh tế, xã hội của Đảng, Nhà nước ... gây khó khăn cho việc phát hiện, thu thập, củng cố, kiểm tra, đánh giá tài liệu, chứng cứ, do đó trong quan hệ phối hợp cũng có những vấn đề phức tạp đặt ra phải giải quyết.

- Một số quy định của pháp luật, nghiệp vụ chưa được các cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn thi hành, dẫn tới việc nhận thức và áp dụng không thống nhất, làm ảnh hưởng đến hoạt động điều tra, xử lý như: Hướng dẫn điều

tra, xử lý tội “Phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh điều tra”; hướng dẫn việc thực hiện các quy định về người bào chữa, hoạt động của người bào chữa, hoạt động của người bào chữa trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử; hướng dẫn thực hiện quy chế công tác truy nã trong lực lượng An ninh ... điều này cũng tạo ra những khó khăn nhất định cho việc vận dụng các quy định của pháp luật.

3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia

3.2.1. Nâng cao nhận thức và trách nhiệm cho các chủ thể (đặc biệt là đội ngũ Điều tra viên và Kiểm sát viên) về mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia

Đây là vấn đề có ý nghĩa quan trọng. Nếu nhận thức được một cách đầy đủ, sâu sắc về tầm quan trọng, nội dung mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia sẽ giúp cho các Điều tra viên và Kiểm sát viên nâng cao ý thức trách nhiệm của mình trong quan hệ, nghiêm chỉnh và triệt để chấp hành quy định của pháp luật trong quá trình điều tra vụ án, đảm bảo cho hoạt động điều tra được khách quan, toàn diện và đúng pháp luật; ngược lại sẽ gây khó khăn, bất lợi cho quá trình giải quyết vụ án.

Mỗi Điều tra viên và Kiểm sát viên thuộc hai cơ quan phải nhận thức rõ về quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân là cần thiết và là tất yếu khách quan, nhất là trước yêu cầu cải cách tư pháp trong tình hình hiện nay. Đối với mỗi Điều tra viên, phải thấy trong kết quả hoạt động điều tra của mình tất yếu có vai trò chủ động của Viện kiểm sát nhân dân, hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân không phải nằm “bên

ngoài”, “*bên cạnh*” quá trình điều tra mà giữ vị trí quyết định cuối cùng kết quả hoạt động điều tra. Đối với mỗi Kiểm sát viên, việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra là trực tiếp tham gia vào toàn bộ quá trình điều tra, đặc biệt là việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm; quyết định khởi tố; quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn và kết thúc điều tra vụ án. Cần khắc phục tư tưởng nghiệp vụ, pháp luật đơn thuần, coi nhẹ quan hệ cũng như lạm dụng quan hệ mà không thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn và tính độc lập của mỗi cơ quan theo quy định của pháp luật. Sự phối hợp của Viện kiểm sát nhân dân sẽ góp phần đảm bảo cho các hoạt động điều tra có những định hướng đúng đắn trong quá trình giải quyết vụ án. Cơ quan An ninh điều tra chủ động trong thực hiện quan hệ sẽ giúp cho các hoạt động điều tra cụ thể được tiến hành thuận lợi.

Quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân phải chặt chẽ trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mỗi ngành do pháp luật quy định, không được mang tính hình thức. Điều tra viên và Kiểm sát viên cần phải nâng cao trình độ nghiệp vụ, nắm vững pháp luật tố tụng hình sự nói chung, quy định của pháp luật tố tụng hình sự về quan hệ nói riêng; nắm vững chức năng, nhiệm vụ của mỗi ngành, đảm bảo cho sự phối hợp giữa hai ngành được nhịp nhàng, thống nhất.

Lãnh đạo Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân phải thường xuyên làm tốt công tác giáo dục chính trị, nâng cao nhận thức về quan hệ phối hợp giữa hai cơ quan cho cán bộ của mình. Cần thiết, hai ngành có thể tổ chức những cuộc giao lưu, trao đổi, tổng kết, đánh giá về các mặt hoạt động của hai ngành, trong đó có nội dung đánh giá về mối quan hệ phối hợp để từ đó rút ra những ưu điểm đã đạt được; tìm ra những thiếu sót, tồn tại, nguyên nhân của những ưu điểm, nhược điểm đó để đúc rút những bài học kinh nghiệm chung cho cả hai ngành.

Hiện nay, còn tồn tại một số quan điểm khác nhau về quan hệ tố tụng hình sự giữa Cơ quan An ninh điều tra với Viện kiểm sát nhân dân. Tôi đồng tình với ý kiến của nhiều Điều tra viên và Kiểm sát viên khi họ cho rằng: Điều tra và truy tố là hai nhiệm vụ gắn với hai giai đoạn khác nhau của tố tụng hình sự, có chung mục đích nhưng khác nhau về mục tiêu. Vì vậy, cần phải cải cách cả Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân, bám vào mục tiêu để làm cho hoạt động điều tra, truy tố gắn kết chặt chẽ với nhau, điều tra là tiền đề của truy tố.

Cùng với việc nâng cao nhận thức, điều rất quan trọng là phải giáo dục cho mỗi Điều tra viên, Kiểm sát viên nâng cao ý thức trách nhiệm trong công tác. Trước hết là trách nhiệm của mỗi cán bộ tư pháp trong thực hiện đầy đủ quyền hạn mà pháp luật tố tụng hình sự đã quy định; là trách nhiệm trước việc đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân; là trách nhiệm trong quan hệ nhằm tạo nên sức mạnh tổng hợp nâng cao hiệu quả điều tra, truy tố người phạm tội đúng theo các quy định của pháp luật.

Trong điều kiện các quy định cụ thể hướng dẫn thi hành Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 chưa được ban hành đầy đủ, thì việc nâng cao ý thức trách nhiệm trong việc tạo điều kiện cho nhau giải quyết đúng đắn vụ án hình sự trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan càng có ý nghĩa quan trọng.

Để có cơ sở thực hiện tốt giải pháp trên, Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân cần thống nhất kế hoạch, nội dung tập huấn cho Điều tra viên, Kiểm sát viên các quy định trong pháp luật tố tụng hình sự về điều tra vụ án hình sự nói chung và vụ án xâm phạm an ninh quốc gia nói riêng; về quan hệ giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án đó. Thống nhất nhận thức một số vấn đề sau:

- Tiếp tục thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật trong công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia trong tình hình mới.

- Tổ chức rà soát, đánh giá các vụ khiếu kiện đông người, khiếu kiện kéo dài, các vụ khiếu kiện liên quan đến việc giải tỏa đền bù, tranh chấp đất đai liên quan đến tôn giáo, dân tộc. Những cá nhân lợi dụng việc tranh chấp đất đai và những vấn đề nhạy cảm khác để kích động chống đối gây mất an ninh trật tự thì phải kiên quyết xử lý công khai theo quy định của pháp luật.

- Tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phối hợp liên ngành Công an và Kiểm sát trong việc giải quyết án. Thực tiễn cho thấy, muốn giải quyết tốt các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia thì phải có sự phối hợp ngay từ đầu, nhất là giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân. Điều tra viên và Kiểm sát viên cần có sự phối hợp chặt chẽ để nghiên cứu kỹ hồ sơ, bàn bạc thống nhất các chủ trương và biện pháp tổ chức điều tra, xác định tội danh (*kể cả những trường hợp phải nghiên cứu thay đổi tội danh phù hợp*), diện đối tượng cần khởi tố điều tra, áp dụng các biện pháp ngăn chặn để xử lý, đề xuất tổ chức cuộc họp liên ngành để thảo luận thống nhất những nội dung đưa vào kết luận điều tra và cáo trạng truy tố. Cần hết sức lưu ý là: Khi xây dựng các văn bản, soạn thảo tài liệu về vụ án phải rất chặt chẽ, thận trọng. Liên ngành cần có sự phối hợp lựa chọn thời điểm truy tố, chuẩn bị chu đáo việc thực hành quyền công tố khi vụ án được xét xử. Đối với những vụ án có tính thời sự, dư luận xã hội quan tâm, hoặc gây bức xúc trong nhân dân thì Cơ quan An ninh điều tra đề xuất với Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án để có thể tổ chức phiên tòa lưu động để xét xử ngay tại nơi xảy ra tội phạm để tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức pháp luật cho nhân dân.

Sau khi kết thúc việc xử lý mỗi vụ án lớn, án trọng điểm về an ninh quốc gia ba ngành cần tiến hành tổng kết, rút kinh nghiệm chung, điều này thật sự rất cần thiết.

- Trong quá trình điều tra, xử lý các vụ phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia phải chú trọng tới công tác phòng ngừa tội phạm, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên và hết sức quan trọng, các cơ quan cần có sự phối hợp thực hiện nhiều biện pháp phòng ngừa với các hình thức khác nhau, chẳng hạn: Phối hợp với Mặt trận tổ quốc, với các cơ quan chức năng và các đoàn thể quần chúng tổ chức tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho nhân dân, đặc biệt là ở các xã, huyện vùng biên giới, hải đảo, thông qua đó để góp phần xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở, tranh thủ sự ủng hộ của những người có chức sắc, uy tín trong các tôn giáo, vùng dân tộc thiểu số để họ tuyên truyền, cảm hóa các đối tượng có hành vi vi phạm pháp luật trên địa bàn, làm cho quần chúng nhân dân, đặc biệt là đối với đồng bào dân tộc, tín đồ tôn giáo hiểu rõ về chính sách đại đoàn kết dân tộc của Đảng và Nhà nước ta từ đó phản bác lại luận điệu xuyên tạc của bọn phản động và các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam. Ngành kiểm sát nhân dân trong những năm qua cũng đã triển khai thực hiện Chỉ thị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về công tác kiểm sát phục vụ nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị vùng Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và Tây Bắc.

- Về công tác phối hợp giải quyết án của các cơ quan tiến hành tố tụng Trung ương trước hết là cần phải chú trọng phối hợp để nắm được đầy đủ và kịp thời thông tin về tình hình an ninh chính trị chung trong toàn quốc, trên cơ sở đó có sự thống nhất về quan điểm nhận thức, đánh giá tình hình và rà soát, phân loại xử lý.

- Về vấn đề cán bộ, cần chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức toàn diện cho đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên và cán bộ quản lý trong các cơ quan tiến hành tố tụng cả về lý luận chính trị, pháp lý, nghiệp vụ chuyên môn và ngoại ngữ. Trong đó, đặc biệt quan tâm đến việc tổ chức tập huấn nghiệp vụ, hội thảo chuyên đề để tổng kết, rút kinh nghiệm công tác,

quan tâm các đối tượng cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ công tác ở các vùng dân tộc, vùng sâu, vùng biên giới hải đảo, quan tâm hơn nữa việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về tư pháp quốc tế để giải quyết các vấn đề về tương trợ tư pháp, đấu tranh phòng chống tội phạm có yếu tố nước ngoài. Đồng thời với công tác đào tạo, bồi dưỡng cần quan tâm việc lựa chọn sắp xếp cán bộ, bố trí công tác, phân công nhiệm vụ phù hợp cũng như quan tâm giải quyết các chế độ chính sách, động viên khen thưởng kịp thời đội ngũ cán bộ làm công tác này.

Đối với các văn bản hướng dẫn thực hiện, hai cơ quan cần kiến nghị với lãnh đạo hai ngành cần sớm thống nhất ban hành Thông tư liên tịch, trong đó quy định cụ thể về nội dung, hình thức quan hệ. Đối với các văn bản chỉ đạo nghiệp vụ trong từng ngành, khi có những nội dung liên quan đến quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân thì hai ngành cần phải trao đổi thống nhất trước khi ban hành. Bên cạnh đó, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan An ninh điều tra và Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân các cấp trong quá trình chỉ đạo nghiệp vụ luôn phải chú ý giải quyết, xử lý đúng đắn những vấn đề phát sinh trong quan hệ; giáo dục Điều tra viên, Kiểm sát viên thuộc quyền nâng cao ý thức trách nhiệm; thường xuyên kiểm tra, phát hiện và ngăn ngừa những sai phạm có thể xảy ra. Phải chú trọng công tác tổng kết và rút kinh nghiệm sau từng vụ án để xây dựng quy trình phối hợp một cách hợp lý, phù hợp với đặc điểm từng đơn vị.

Từ những giải pháp trên, luận văn kiến nghị việc hoàn thiện tổ chức bộ máy của Cơ quan An ninh điều tra và nâng cao chất lượng đội ngũ Điều tra viên:

Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự năm 2004 đã có những quy định mới về tổ chức, hoạt động của Cơ quan điều tra và các cơ quan được giao

nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Tiếp đó, Thông tư số 12/2004/TT-BCA (V19) ngày 23/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Công an đã quy định tổ chức Cơ quan điều tra các cấp và các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành điều tra trong Công an nhân dân. Theo đó, Pháp lệnh đã thể hiện quan điểm đổi mới được nêu trong Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị, trong đó nhấn mạnh:

“Xây dựng đề án về tổ chức và sắp xếp, củng cố lại các Cơ quan điều tra theo hướng Bộ Công an cần thống nhất chỉ huy các Cơ quan điều tra thuộc Bộ; mỗi đơn vị, bộ phận thuộc Cơ quan điều tra cần được tổ chức phân công chuyên sâu về từng lĩnh vực và quy định rõ quyền hạn, nhiệm vụ, đặc biệt là quyền hạn, trách nhiệm của từng chức danh trong Cơ quan điều tra; kết hợp chặt chẽ giữa hoạt động điều tra và trinh sát; nghiên cứu sáp nhập các Cơ quan điều tra thuộc Công an các địa phương” [9].

Mô hình tổ chức Cơ quan điều tra mới đã khắc phục những khiếm khuyết trong việc tách rời hoạt động điều tra với hoạt động trinh sát, bảo đảm cho hoạt động điều tra, khám phá tội phạm được chủ động, kịp thời; việc chỉ đạo hoạt động điều tra được tập trung thống nhất.

Tuy nhiên, thực tiễn hoạt động điều tra hiện nay đang đặt ra những vấn đề cần phải tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức Cơ quan An ninh điều tra, trong đó một vấn đề nổi lên là cần quy định rõ chức năng, nhiệm vụ cụ thể của các đơn vị trong Cơ quan An ninh điều tra các cấp trong điều tra các loại tội phạm theo quy định của Bộ luật Hình sự, tránh sự chồng chéo. Đồng thời, quy định Quy chế phối hợp trong hoạt động điều tra, nhất là đối với một số loại tội phạm có liên quan đến thẩm quyền điều tra của nhiều đơn vị; vấn đề tiếp nhận và xử lý tin báo, tố giác về tội phạm; vấn đề khám nghiệm hiện trường đối với những vụ án chưa rõ thủ phạm; vấn đề ra quyết định truy nã tội phạm ...

Điều tra viên là những người có chức danh tư pháp, là chủ thể chủ yếu, trực tiếp trong việc phát hiện, điều tra, khám phá tội phạm; chất lượng hoạt động của Điều tra viên có vai trò quyết định đến chất lượng điều tra, khám phá tội phạm. Vì vậy, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 bên cạnh quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra đã quy định rõ hơn về nhiệm vụ, quyền hạn của Điều tra viên; Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự năm 2004 đã quy định tiêu chuẩn Điều tra viên, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Điều tra viên. Những quy định trong các văn bản pháp hình sự có liên quan đến Điều tra viên là sự thể hiện tinh thần đổi mới được nêu trong Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị.

Những quy định của pháp luật tố tụng hình sự về nhiệm vụ, quyền hạn và tiêu chuẩn của Điều tra viên là cơ sở pháp lý để xây dựng đội ngũ Điều tra viên trong lực lượng An ninh nhân dân theo yêu cầu của cải cách tư pháp. Song, yêu cầu xây dựng đội ngũ Điều tra viên có chất lượng cao còn xuất phát từ thực trạng đội ngũ Điều tra viên trong lực lượng An ninh nhân dân hiện nay. Với lực lượng Điều tra viên như đã nêu trên, Cơ quan An ninh điều tra các cấp đã điều tra khám phá nhiều vụ án, góp phần tích cực vào công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Qua thực tiễn công tác có thể khẳng định: Đa số Điều tra viên của Cơ quan An ninh điều tra có bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thành với Đảng, với chế độ xã hội chủ nghĩa; có phẩm chất đạo đức và ý thức kỷ luật, ý thức phục vụ nhân dân, sẵn sàng chấp nhận gian khổ, kiên quyết tấn công tội phạm. Chất lượng Điều tra viên các cấp đã được nâng lên cả về trình độ nghiệp vụ, năng lực làm việc, kiến thức thực tiễn và pháp luật, từng bước thích ứng với yêu cầu, nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, trước đòi hỏi của thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm và yêu cầu về trình độ Điều tra viên

trong Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự, đội ngũ Điều tra viên của các Cơ quan An ninh điều tra còn nhiều bất cập, thể hiện trên các điểm sau:

Về năng lực nghiệp vụ, do trình độ của một số Điều tra viên còn có mặt hạn chế nên đã ảnh hưởng đến năng lực điều tra, khám phá tội phạm. Năng lực điều tra của Điều tra viên thể hiện ở khả năng vận dụng các quy định của Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự và các quy định trong các văn bản pháp luật khác vào hoạt động điều tra; là khả năng giải quyết tốt các tình huống điều tra, nhạy bén, chủ động, biết phối hợp với các lực lượng khác trong quá trình điều tra để làm rõ tội phạm và hành vi phạm tội. Trong thực tiễn hoạt động điều tra, bên cạnh những mặt tích cực; một số Điều tra viên chưa nắm vững những quy định của pháp luật hình sự, pháp luật tố tụng hình sự và các kiến thức có liên quan; phương pháp điều tra còn hạn chế, thụ động, nặng về hành chính, khả năng mở rộng và khám phá còn yếu ... Những khuyết điểm trên là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc điều tra vụ án dễ kéo dài, vi phạm các nguyên tắc của tố tụng hình sự, thậm chí dẫn đến oan, sai trong công tác bắt, giam giữ, điều tra, xử lý tội phạm.

Về phẩm chất đạo đức, bên cạnh đa số Điều tra viên có phẩm chất, tư cách tốt, vẫn còn một bộ phận Điều tra viên chưa đề cao hết tinh thần trách nhiệm, chấp hành kỷ luật không nghiêm, vi phạm chế độ công tác, làm sai lệch hồ sơ vụ án ...

Vì vậy, cần thiết phải nâng cao chất lượng đội ngũ Điều tra viên trong lực lượng An ninh nhân dân nhằm quán triệt quan điểm “*xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp trong sạch, vững mạnh*” được nêu trong Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 và Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Theo đó, để Điều tra viên có thể thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của mình được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, đáp ứng tiêu chuẩn Điều tra viên

trong Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự năm 2004, cần thực hiện một số vấn đề sau:

Một là, trên cơ sở những quy định chung về tiêu chuẩn Điều tra viên trong Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự, phải xây dựng tiêu chuẩn nghiệp vụ cho từng chức danh Điều tra viên cao cấp, Điều tra viên trung cấp, Điều tra viên sơ cấp phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ điều tra của các lực lượng An ninh điều tra. Đây là cơ sở để xây dựng nội dung đào tạo, bồi dưỡng Điều tra viên theo tiêu chuẩn chức danh trong các học viện, các trường Đại học ngành Công an, Kiểm sát.

Hai là, trên cơ sở quy định của Bộ Công an “*về bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức và cấp, thu hồi Giấy chứng nhận Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra và Điều tra viên trong Công an nhân dân*” (ban hành kèm theo Quyết định số 1252/2004/QĐ-BCA ngày 05/11/2004 của Bộ trưởng Bộ Công an); Kế hoạch số 48/2004/KH-BCA ngày 10/11/2004 về đào tạo, bồi dưỡng, cấp chứng chỉ nghiệp vụ điều tra cho cán bộ làm công tác điều tra, lực lượng An ninh điều tra cần thực hiện nghiêm túc kế hoạch này, đảm bảo các Điều tra viên phải có đủ trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức pháp luật, năng lực thực hành, phẩm chất đạo đức khi thực thi nhiệm vụ điều tra. Thực hiện nghiêm túc quy định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, kiểm tra, sát hạch trước khi bổ nhiệm các chức danh Điều tra viên. Phấn đấu trong thời gian ngắn nhất có đủ Điều tra viên; thực hiện ngay việc tuyển dụng cán bộ có trình độ chuyên môn về khoa học, công nghệ, kinh tế, ngoại ngữ, tin học có khả năng làm công tác điều tra đưa đi đào tạo, bồi dưỡng để bố trí vào những đơn vị thích hợp. Trong việc bố trí, sắp xếp và phân công Điều tra viên thực hiện nhiệm vụ điều tra phải chú ý đến phẩm chất và năng lực, sở trường của từng Điều tra viên để phát huy được thế mạnh của từng Điều tra viên.

Ba là, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động điều tra của Điều tra viên; gắn công tác này với công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao bản lĩnh chính trị, tinh thần tấn công tội phạm, dũng cảm đấu tranh vì công lý, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa; có đạo đức trong sạch, tăng cường rèn luyện phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp cho Điều tra viên. Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan An ninh điều tra các cấp cần thực hiện nghiêm túc Kế hoạch số 48/2004/KH-BCA của Bộ Công an, tăng cường quản lý Điều tra viên thông qua việc xây dựng và thực hiện quy chế công tác điều tra và các quy định về quản lý cán bộ của Ngành; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nghiệp vụ của Cơ quan điều tra cấp trên với Cơ quan điều tra cấp dưới để phát huy kịp thời những sơ hở, thiếu sót trong công tác và phòng ngừa những sai phạm của Điều tra viên.

Để tạo điều kiện cho Điều tra viên có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ, Bộ Công an cần có kế hoạch đầu tư các trang thiết bị và phương tiện làm việc cần thiết phục vụ công tác điều tra, đồng thời có chính sách phù hợp khuyến khích, khen thưởng xứng đáng những cán bộ có thành tích trong công tác điều tra, khám phá tội phạm.

Bốn là, để tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân, Cơ quan An ninh điều tra cấp trên một mặt thường xuyên kiểm tra công việc của Cơ quan An ninh điều tra cấp dưới, mặt khác phải định kỳ hoặc đột xuất tổ chức các cuộc họp với Viện kiểm sát nhân dân, rút kinh nghiệm về công tác điều tra, kiểm sát và xây dựng mối quan hệ ngày càng chặt chẽ giữa hai ngành, nhất là khi xảy ra những xung đột liên quan đến việc định tội danh, áp dụng các biện pháp ngăn chặn, thực hiện yêu cầu điều tra, phê chuẩn hoặc không phê chuẩn các quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra, xử lý tội phạm ...

3.2.2. Tăng cường chỉ đạo quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia

Thời gian qua, quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia đã đạt được những kết quả tương đối tốt. Một trong những nguyên nhân quan trọng tạo nên thành công đó không thể không kể đến sự lãnh đạo, chỉ đạo quan hệ tổ tụng hình sự giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân. Trong thời gian tới, để đảm bảo sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, thống nhất quan hệ tổ tụng hình sự giữa hai cơ quan này, cần chú ý một số vấn đề như sau:

+ Quan hệ tổ tụng hình sự giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân phải chịu sự chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, của Thủ trưởng Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân theo ngành dọc.

+ Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân cần kịp thời xin ý kiến của các cấp ủy Đảng, báo cáo lãnh đạo Bộ Công an và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân để ngay từ đầu có sự thống nhất chỉ đạo giữa hai ngành. Tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, lãnh đạo cơ quan chuyên môn theo ngành dọc để thực hiện tốt quan hệ tổ tụng hình sự giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân; cân nhắc, tính toán, dự kiến được những hậu quả xấu có thể xảy ra, tạo điều kiện thuận lợi cho Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân thực hiện tốt nhiệm vụ của mỗi ngành.

+ Quá trình lãnh đạo, chỉ đạo quan hệ tổ tụng hình sự giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân cần phải lấy quan điểm, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và bối cảnh chung về chính trị, quan hệ quốc tế với các nước làm cơ sở để vận dụng đối sách thích hợp. Cụ thể là:

Thứ nhất, quá trình lãnh đạo, chỉ đạo quan hệ tổ tụng hình sự giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân phải quán triệt quan điểm của Đảng và Nhà nước đối với công tác điều tra các vụ án hình sự. Quan điểm này được phản ánh trong các văn kiện của Đảng ở các kỳ Đại hội Đảng; các Chỉ thị, Nghị quyết của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng ủy Công an Trung ương, Ban cán sự Đảng Viện kiểm sát nhân dân; trong sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư với Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân ... trong đó có một số điểm như:

- Mọi hành vi phạm tội phải được phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh, nhanh chóng theo đúng pháp luật; đồng thời phải đảm bảo giữ vững an ninh quốc gia, sự ổn định chính trị, góp phần phục vụ đắc lực công cuộc đổi mới đất nước.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, của cả hệ thống chính trị.

- Kết hợp chặt chẽ phòng ngừa với tấn công tội phạm, thực hiện hai mặt phòng ngừa tội phạm và tấn công trừng trị tội phạm, trong đó lấy phòng ngừa giáo dục cải tạo là biện pháp cơ bản.

- Quán triệt quan điểm: Nghiêm trị kết hợp với khoan hồng; triệt để cô lập, trừng trị bọn chủ mưu, cầm đầu, bọn ngoan cố chống đối, tái phạm nguy hiểm; đồng thời khoan hồng đối với những người lầm đường, bị ép buộc, bị lừa phỉnh, những người thực sự ăn năn, hối cải; giảm hoặc miễn hình phạt cho người lập công chuộc tội.

- Cân nhắc, tính toán đường lối, chính sách đối ngoại, dân tộc, tôn giáo và các chính sách khác của Đảng và Nhà nước có liên quan.

- Giải quyết mối quan hệ giữa nhân quyền và chủ quyền, giữa dân chủ, tự do và tập trung thống nhất.

Quán triệt quan điểm của Đảng và Nhà nước trong điều tra các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia trước những biến động của tình hình chính trị

trong nước và quốc tế; trước sự thay đổi về âm mưu, phương thức, thủ đoạn của kẻ địch, đòi hỏi Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân phải nhận thức một cách đầy đủ, sâu sắc và cập nhật những tình hình mới để tư duy một cách toàn diện trên nhiều lĩnh vực ở tầm quốc gia và quốc tế.

Trước hết, trong chỉ đạo quan hệ, Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân cần có tư duy mới về mục tiêu, yêu cầu và nhiệm vụ của mình. Trong tình hình mới, mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ của Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân là không chỉ làm đúng pháp luật, mà còn phải góp phần làm thất bại âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch, chủ động tấn công địch trên các mặt tư tưởng, chính trị, tổ chức; phân hóa hàng ngũ kẻ thù, biết cô lập các đối tượng chống đối cực đoan, lôi kéo, tranh thủ, vô hiệu hóa các hoạt động chống đối, làm chuyển hóa thái độ chính trị của từng đối tượng cụ thể nhằm góp phần ổn định chính trị, thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ, toàn diện của đất nước.

Thủ trưởng Cơ quan An ninh điều tra và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cần có tư duy mới trong hợp tác quốc tế về phòng chống tội phạm. Trong xu thế thời đại, cần tận dụng tối đa việc hợp tác quốc tế về phòng chống tội phạm, không nên lơ là mất cảnh giác, nhưng cũng không định kiến, làm hạn chế quan hệ với các nước trong đấu tranh với các loại tội phạm.

Thứ hai, quá trình lãnh đạo, chỉ đạo quan hệ tổ tụng hình sự giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân, các cấp ủy Đảng, lãnh đạo Bộ Công an và Viện kiểm sát nhân dân phải quán triệt mục tiêu, quan điểm, phương hướng cải cách tư pháp được thể hiện trong Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 có liên quan đến quan hệ giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân.

+ *Về mục tiêu:* Xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Hoạt động tư pháp mà trọng tâm là hoạt động xét xử được tiến hành đạt hiệu quả cao.

+ *Về quan điểm:* Cải cách tư pháp phải đặt dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng, bảo đảm ổn định chính trị, bản chất Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; quyền lực Nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Cải cách tư pháp phải xuất phát từ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ vững chắc Tổ quốc, gắn với đổi mới công tác lập pháp, cải cách hành chính.

Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội trong quá trình cải cách tư pháp. Các cơ quan tư pháp, cơ quan hỗ trợ tư pháp phải đặt dưới sự giám sát của các cơ quan dân cử và nhân dân.

Cải cách tư pháp phải kế thừa truyền thống pháp lý dân tộc, những thành tựu đã đạt được của nền tư pháp xã hội chủ nghĩa; tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm của nước ngoài phù hợp với hoàn cảnh nước ta và yêu cầu chủ động hội nhập quốc tế, đáp ứng được xu thế phát triển của xã hội trong tương lai.

Cải cách tư pháp phải được tiến hành khẩn trương, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm và với những bước đi vững chắc.

+ *Về phương hướng:* Tổ chức các cơ quan tư pháp và các chế định hỗ trợ tư pháp hợp lý, khoa học và hiện đại về cơ cấu tổ chức và điều kiện, phương tiện làm việc, trong đó xác định Tòa án có một vị trí trung tâm và xét xử là hoạt động trọng tâm; xã hội hóa mạnh mẽ hoạt động hỗ trợ tư pháp.

Xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp, bổ trợ tư pháp, nhất là cán bộ có chức danh tư pháp theo hướng đề cao quyền hạn, trách nhiệm pháp lý, nâng cao và cụ thể hóa tiêu chuẩn về chính trị, phẩm chất đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ và kinh nghiệm, kiến thức xã hội đối với từng loại cán bộ, tiến đến thực hiện chế độ tinh giản đối với một số chức danh.

Đổi mới, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò giám sát của các cơ quan dân cử, của công luận và của nhân dân đối với hoạt động tư pháp.

Thứ ba, quá trình lãnh đạo, chỉ đạo quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân, các cấp ủy Đảng phải quán triệt tốt các quan điểm của Đảng đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác điều tra, xử lý các vụ án.

Các cấp ủy, tổ chức Đảng có trách nhiệm lãnh đạo tập trung, thống nhất, chặt chẽ, toàn diện theo đúng quy định của pháp luật và các quy định của Đảng, tạo điều kiện để các cơ quan bảo vệ pháp luật tiến hành việc điều tra, xử lý tội phạm, bảo đảm nguyên tắc mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, mọi hành vi vi phạm pháp luật phải được phát hiện, xử lý kịp thời, chính xác, nghiêm minh, theo đúng quy định của pháp luật, không để lọt tội phạm, không để xảy ra oan, sai.

Các cơ quan bảo vệ pháp luật phải chấp hành nghiêm túc sự lãnh đạo của Đảng; báo cáo kịp thời, đầy đủ và chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, khách quan của nội dung báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của các cấp ủy và tổ chức Đảng.

- Trong quá trình chỉ đạo, cần tổ chức tốt chế độ thông tin báo cáo, thỉnh thị ý kiến trong phạm vi chức năng của mỗi ngành và giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong hoạt động tố tụng hình sự để kịp thời chỉ đạo xử lý những vướng mắc, khó khăn trong quá trình điều tra,

truy tố. Cần tổ chức định kỳ các cuộc giao ban giữa lãnh đạo Bộ Công an và Viện kiểm sát nhân dân để đánh giá kết quả phối hợp nhằm định hướng công tác tiếp theo.

Thực tế, trong công tác phối hợp chỉ đạo, Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân đã chủ động nắm tình hình ở địa phương, kịp thời hướng dẫn đối với các vụ án phức tạp, nhạy cảm, tập trung giải quyết những vấn đề chưa thống nhất giữa hai cơ quan về định tội danh, đánh giá chứng cứ hoặc về thẩm quyền điều tra ... giúp các cơ quan tố tụng ở địa phương tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; có định hướng chỉ đạo để việc xử lý vụ án đúng pháp luật, phục vụ tốt yêu cầu nhiệm vụ chính trị.

3.2.3. Nâng cao hiệu quả quan hệ phối hợp trong tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác tội phạm và thống nhất quan điểm, chủ trương trong khởi tố vụ án, khởi tố bị can

+ *Trong tiếp nhận tin báo, tố giác về tội phạm:* Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân cần tăng cường trao đổi, giải quyết các thông tin ban đầu. Việc trao đổi thông tin phải được thực hiện bằng văn bản kèm theo hồ sơ, tài liệu có liên quan đến sự việc đã được báo, tố giác để bàn bạc thống nhất quan điểm, chủ trương giải quyết.

Trong trường hợp Viện kiểm sát nhân dân nhận được tin báo, tố giác về tội phạm với nội dung có nhiều tình tiết phức tạp mà Viện kiểm sát nhân dân không thể tự mình xác minh được thì Viện kiểm sát nhân dân phải chuyển ngay thông tin vụ việc đến Cơ quan An ninh điều tra. Sau khi nhận được hồ sơ, tài liệu có liên quan đến vụ việc do Viện kiểm sát nhân dân chuyển giao, Cơ quan An ninh điều tra cần nhanh chóng tổ chức công tác xác minh tin báo, tố giác đó. Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân cần chấp hành nghiêm chỉnh các quy định tại Thông tư liên ngành số 03-TT/LN giữa

Viện kiểm sát nhân dân và Bộ Nội vụ (*nay là Bộ Công an*) về việc giải quyết tin báo, tố giác tội phạm.

+ *Trong việc khởi tố vụ án hình sự*: Sau khi thu thập, cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ liên quan đến hành vi phạm tội, Cơ quan An ninh điều tra cần chủ động trao đổi, bàn bạc, thống nhất với Viện kiểm sát nhân dân về việc có khởi tố hay không khởi tố vụ án xâm phạm an ninh quốc gia. Sau khi nghiên cứu, đánh giá hồ sơ, tài liệu về vụ việc do Cơ quan An ninh điều tra gửi sang, nếu xác định có dấu hiệu tội phạm thì Viện kiểm sát nhân dân cần thống nhất với Cơ quan An ninh điều tra để ra quyết định khởi tố vụ án hình sự. Trong thời gian 24 giờ kể từ khi ra quyết định, Cơ quan An ninh điều tra phải gửi quyết định khởi tố vụ án hoặc quyết định không khởi tố vụ án đến Viện kiểm sát nhân dân để Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát việc khởi tố. Trong trường hợp xét thấy quyết định khởi tố vụ án hình sự của Cơ quan An ninh điều tra là không có căn cứ thì Viện kiểm sát nhân dân phải ra quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố đó. Trường hợp giữa hai cơ quan chưa có sự nhất trí thì Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân phải có trách nhiệm báo cáo lên cấp trên của mình để chỉ đạo giải quyết.

+ *Trong việc khởi tố bị can*: Sau khi có quyết định khởi tố vụ án hình sự, nếu Cơ quan An ninh điều tra thấy có đủ tài liệu, chứng cứ để xác định một người đã thực hiện hành vi phạm tội thì ra quyết định khởi tố bị can đối với người đó. Cơ quan An ninh điều tra phải gửi ngay quyết định này cho Viện kiểm sát nhân dân trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định.

- Trong việc khởi tố bị can: Viện kiểm sát nhân dân các cấp phối hợp chặt chẽ với Cơ quan An ninh điều tra thực hiện tốt việc khởi tố và phê chuẩn khởi tố bị can. Cơ quan An ninh điều tra các cấp cung cấp đầy đủ các tài liệu để Viện kiểm sát nhân dân có căn cứ phê chuẩn. Viện kiểm sát nhân dân cần nghiên cứu kỹ tài liệu để thực hiện phê chuẩn được khách quan, thận trọng và

kip thời. Theo quy định của pháp luật, khi cần thiết, Kiểm sát viên có thể áp dụng các biện pháp theo quy định của pháp luật như gặp, hỏi người bị tạm giữ, người bị tình nghi phạm tội ... để quyết định việc phê chuẩn hoặc không phê chuẩn quyết định khởi tố bị can. Việc quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can phải xuất phát từ yêu cầu của nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia trong những thời điểm cụ thể. Kiên quyết xử lý đối với đối tượng chủ mưu, cầm đầu, đối tượng chống đối có hệ thống. Có chính sách phân hóa, thu phục số đối tượng do nhận thức hạn chế nên bị mua chuộc lôi kéo vào con đường phạm tội. Việc quyết định truy tố cần thận trọng, linh hoạt, lựa chọn tội danh truy tố phù hợp với tính chất tội phạm và nhân thân kẻ phạm tội, gắn yêu cầu xử lý tội phạm với yêu cầu nhiệm vụ đối ngoại, cố gắng không tạo sơ hở để các thế lực thù địch lợi dụng tuyên truyền, xuyên tạc làm giảm hiệu quả của công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân phải có kế hoạch phối hợp với nhau ngay từ khi vụ án bắt đầu được khởi tố, phải thường xuyên trao đổi thông tin cho nhau trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình.

Việc khởi tố trong các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia thường phức tạp và có nét đặc thù riêng là các vụ án loại này thường liên quan đến chủ quyền an ninh quốc gia, đến công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ đổi mới, hội nhập; một số vụ án có đối tượng thuộc loại có “*nhân thân đặc biệt*” mà các thế lực thù địch có thể lợi dụng vấn đề “*tự do*”, “*dân chủ*”, “*nhân quyền*” ... để can thiệp, chống phá nên Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân phải tính toán ngay từ đầu cần khởi tố vụ án, khởi tố bị can, thay đổi quyết định khởi tố như thế nào. Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân cần vận dụng chính sách hình sự của Nhà nước Việt Nam để khởi tố vụ án, khởi tố bị can sao cho có lợi nhất. Đảm bảo các yêu cầu pháp luật, chính trị, vừa trấn áp được bọn phạm tội, vừa phục vụ được yêu cầu chính trị, không được phức tạp thêm những vấn đề chính trị.

Thực tiễn điều tra và kiểm sát điều tra các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia đã thể hiện tính sáng tạo của cả Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong việc vận dụng chính sách hình sự của Nhà nước ta về việc lựa chọn tội danh đảm bảo một mặt vừa trấn áp, trừng trị bọn tội phạm, mặt khác không làm phức tạp thêm những vấn đề chính trị. Cụ thể là có những vụ án đối tượng phạm phải nhiều tội nhưng trong quá trình khởi tố, điều tra Cơ quan An ninh điều tra đã phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân cân nhắc, tính toán kỹ trên các mặt pháp luật, chính trị để khởi tố vụ án, khởi tố bị can theo một tội danh, tránh kéo dài quá trình giam giữ, điều tra. Việc khởi tố, điều tra, xử lý trên đã được dư luận quốc tế và trong nước ủng hộ, vô hiệu hóa các thế lực thù địch trong mưu toan lợi dụng vụ án để can thiệp chống phá ta.

Tuy nhiên, xung quanh việc chuyển tội danh khởi tố của Cơ quan An ninh điều tra xét trên phương diện pháp lý cũng còn có những vướng mắc, bất cập, bởi lẽ khi Cơ quan An ninh điều tra khởi tố vụ án, khởi tố bị can theo tội danh khác không phải tội xâm phạm an ninh quốc gia thì không đúng với quy định của Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự về thẩm quyền điều tra, phần lớn các trường hợp Viện kiểm sát nhân dân không đồng ý với việc làm trên của Cơ quan An ninh điều tra. Còn nếu để Cơ quan An ninh điều tra khởi tố và thụ lý chính thì rất khó cho việc chỉ huy, chỉ đạo, chưa kể đến tâm lý sợ oan, sai và trách nhiệm bồi thường theo quy định của Nghị quyết 388-NQ/UBTVQH11 ngày 17/3/2003 về *“Bồi thường thiệt hại cho người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra”* của Ủy ban thường vụ Quốc hội và mới đây là Luật Trách nhiệm bồi thường nhà nước thay thế cho Nghị quyết 388, có hiệu lực từ ngày 01/01/2010.

Tôi kiến nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội nghiên cứu sửa đổi Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự theo hướng quy định Bộ trưởng Bộ Công an, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thể giao thẩm

quyền điều tra trong những trường hợp đặc biệt cần thiết, vì đây là vấn đề nảy sinh nhiều vướng mắc trong quan hệ giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia.

3.2.4. Phân định rõ trách nhiệm giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong quá trình tiến hành các hoạt động thu thập chứng cứ

Các biện pháp thu thập chứng cứ được áp dụng trong quá trình điều tra vụ án đóng vai trò quan trọng trong việc điều tra, làm rõ vụ án và bị can, cũng như để phục vụ việc mở rộng công tác điều tra. Vì vậy, quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân phải hết sức chặt chẽ.

Viện kiểm sát nhân dân phải tiến hành giám sát điều tra đối với các hoạt động thu thập chứng cứ của Cơ quan An ninh điều tra về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, quá trình áp dụng. Đối với những hoạt động thu thập chứng cứ quan trọng, Viện kiểm sát nhân dân cần cử cán bộ của mình cùng tham gia để vừa phối hợp vừa kiểm sát điều tra.

Theo luật định, trong một số trường hợp, Viện kiểm sát nhân dân có thể tiến hành các hoạt động điều tra để phục vụ cho hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra. Tuy nhiên trước đó, Viện kiểm sát nhân dân cần thông báo cho Cơ quan An ninh điều tra về thời gian, địa điểm tiến hành để Cơ quan An ninh điều tra có thể chủ động phối hợp. Biên bản các hoạt động điều tra của Kiểm sát viên cần được đưa vào hồ sơ vụ án. Trong những trường hợp này, Cơ quan An ninh điều tra cần tạo điều kiện thuận lợi để Kiểm sát viên thực hiện tốt nhiệm vụ của mình. Đồng thời, do đặc thù của các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia, Kiểm sát viên nên tiến hành các hoạt động điều tra ở cuối giai đoạn điều tra để không làm ảnh hưởng đến yêu cầu điều tra.

Tóm lại, trong quá trình điều tra vụ án xâm phạm an ninh quốc gia thì Cơ quan An ninh điều tra thực hiện nhiều biện pháp khác nhau để thu thập

chứng cứ như: Khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, trưng cầu giám định, khám xét, nhận dạng, lấy lời khai, hỏi cung bị can ... Do vậy, trách nhiệm của Cơ quan an ninh điều tra trong việc thu thập các chứng cứ, tài liệu trên là chủ yếu và trong một số trường hợp cũng có trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân, vì vậy cũng cần phải được phân định rõ.

Căn cứ nguyên tắc xác định trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng thì Cơ quan An ninh điều tra là có trách nhiệm độc lập khi thu thập chứng cứ, tài liệu trong quá trình điều tra vụ án xâm phạm an ninh quốc gia. Ví dụ: Điều tra viên hỏi cung bị can nhưng không ghi rõ giờ, ngày hỏi cung hoặc khi khám nghiệm hiện trường không lưu giữ dấu vết máu có liên quan đến vụ án ... thì Cơ quan An ninh điều tra phải chịu trách nhiệm độc lập về chứng cứ, tài liệu thu thập không hợp pháp hoặc không đầy đủ.

Đối với Viện kiểm sát nhân dân có trách nhiệm liên quan nếu Kiểm sát viên đã tiến hành kiểm sát trực tiếp hoặc gián tiếp các hoạt động điều tra, thu thập chứng cứ đó của Cơ quan An ninh điều tra. Ví dụ: Khi Kiểm sát viên kiểm sát trực tiếp việc khám nghiệm hiện trường hoặc kiểm sát gián tiếp khi nghiên cứu, thẩm định các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan An ninh điều tra thu thập mà không phát hiện những thiếu sót, vi phạm của Điều tra viên để yêu cầu khắc phục thì Kiểm sát viên có trách nhiệm liên đới về việc không kịp thời phát hiện ra những thiếu sót, vi phạm của Cơ quan An ninh điều tra; nếu Kiểm sát viên đã phát hiện và yêu cầu Cơ quan An ninh điều tra khắc phục nhưng không thể khắc phục được thì trách nhiệm thuộc về Cơ quan An ninh điều tra.

3.2.5. Chủ động thực hiện quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong quá trình lựa chọn hình thức xử lý vụ án xâm phạm an ninh quốc gia

- Việc xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia thời gian qua đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, việc xử lý tội phạm thực hiện tốt nguyên

tắc trùng trị đối tượng chủ mưu, cầm đầu; phân hóa giáo dục đối với những người do nhận thức hạn chế nên bị lôi kéo, dụ dỗ vào con đường phạm tội. Việc xử lý còn quán triệt nguyên tắc phúc đáp yêu cầu đấu tranh, phòng ngừa tội phạm theo quy định của pháp luật về hình sự đồng thời phục vụ tốt yêu cầu đối ngoại và hội nhập quốc tế, không để các đối tượng thù địch lợi dụng chống phá làm phức tạp thêm tình hình. Khi có vụ án xảy ra, lãnh đạo Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân đã kịp thời nghe báo cáo về thông tin tội phạm, tranh thủ ý kiến chỉ đạo của các cơ quan có thẩm quyền đảm bảo việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, rút ngắn thời gian điều tra. Số lượng vụ án thời gian qua không nhiều, nhưng tính chất rất phức tạp, đa dạng, đối tượng xử lý gồm nhiều thành phần, có đối tượng nhạy cảm (*chức sắc tôn giáo, dân tộc, phóng viên báo chí, trí thức, luật sư, cán bộ đảng viên ...*); nếu xử lý không chặt chẽ, không đảm bảo đúng quy định của pháp luật thì sẽ tạo sơ hở cho kẻ định lợi dụng kích động chống đối, xuyên tạc ta vi phạm “*dân chủ, nhân quyền*”. Sự phối hợp chặt chẽ giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân đảm bảo đúng thủ tục, kịp thời trấn áp tội phạm, phục vụ yêu cầu chính trị, đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

- Các cơ quan bảo vệ pháp luật ở Trung ương và địa phương đã tranh thủ sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, phối hợp các ngành chức năng giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia ngay từ giai đoạn phân loại thông tin, khởi tố điều tra vụ án cho đến khi kết thúc việc xử lý vụ án. Trong mỗi giai đoạn tố tụng đều có việc sơ kết, rút kinh nghiệm để nâng cao chất lượng hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các vụ án. Đối với các vụ án phức tạp, các vụ án điểm, các vụ án liên quan đến yếu tố nước ngoài ... đều có sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan tiến hành tố tụng ở cả hai cấp từ giai đoạn khởi tố điều tra, tạo điều kiện cho cơ quan công tố nắm chắc nội dung vụ án, nhân thân đối tượng phạm tội, tư tưởng chỉ đạo xử lý vụ án để

vận dụng vào quá trình xét xử đảm bảo xử lý vụ án kịp thời, đúng pháp luật; phục vụ yêu cầu đấu tranh trấn áp tội phạm, giáo dục ý thức cảnh giác trong các tầng lớp quần chúng nhân dân và phục vụ tốt yêu cầu nhiệm vụ đối ngoại.

- Trong quá trình giải quyết các vụ án đã có chính sách xử lý đối tượng vi phạm pháp luật linh hoạt bằng hình thức giáo dục cảm hóa, đưa ra kiểm điểm trước quần chúng nhân dân, triệu tập đấu tranh trực diện để giáo dục răn đe đối với những người có dấu hiệu vi phạm, những người nhất thời phạm tội, kiên quyết xử lý theo pháp luật đối với số chống đối cực đoan, thách thức pháp luật. Công tác tuyên truyền về hoạt động phạm tội của các đối tượng trước và sau khi xét xử, có sự phối hợp chặt chẽ, kịp thời giữa các cơ quan bảo vệ pháp luật với cơ quan truyền thông, vạch trần được tính chất tội phạm, âm mưu của các tổ chức phản động và của các thế lực thù địch được dư luận đồng tình ủng hộ; có tác dụng răn đe, vô hiệu hóa các hoạt động chống đối của các tổ chức phạm tội khi còn mạnh nha, không để chúng thành lập các tổ chức chính trị độc lập ở trong nước và hoạt động bạo loạn, lật đổ chính quyền nhân dân, góp phần quan trọng vào việc giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, pháp chế xã hội chủ nghĩa, phục vụ tích cực cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng hệ thống chính trị và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân.

- Đối với các vụ án nghiêm trọng, phức tạp, nhạy cảm về chính trị, được dư luận xã hội quan tâm; các vụ án có đối tượng phạm tội thuộc thành phần nhạy cảm ... Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân luôn có sự trao đổi thông tin kịp thời về kế hoạch và tiến độ điều tra vụ án để Viện kiểm sát nhân dân chủ động thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, chủ động đề xuất các cuộc họp liên ngành hoặc thành lập Ban Chỉ đạo liên ngành giải quyết vụ án để bàn bạc thống nhất quan điểm về khởi tố vụ án, bị can, định tội danh cho phù hợp, tránh để các thế lực thù địch lợi dụng sơ hở, sai sót

để xuyên tạc. Đồng thời, kịp thời báo cáo cấp ủy Đảng, báo cáo Cơ quan An ninh điều tra - Bộ Công an và Vụ 2 - Viện kiểm sát nhân dân tối cao để có sự hướng dẫn, chỉ đạo kịp thời.

- Chú trọng cử các Điều tra viên, Kiểm sát viên có năng lực, bản lĩnh và trách nhiệm thụ lý những vụ án phức tạp, nhạy cảm, các vụ án được dư luận trong nước và ngoài nước quan tâm.

- Viện kiểm sát nhân dân và Cơ quan An ninh điều tra ở địa phương nên xây dựng Quy chế phối hợp công tác, tổ chức giao ban, trao đổi thông tin về tình hình vi phạm, tội phạm về an ninh quốc gia xảy ra trên địa bàn để cùng nhau phối hợp xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- Đối với trường hợp có tranh chấp về thẩm quyền điều tra, các Viện kiểm sát nhân dân địa phương đã báo cáo và được Vụ 2 - Viện kiểm sát nhân dân tối cao chỉ đạo giải quyết kịp thời, đúng pháp luật.

- Trên cơ sở kết quả công tác điều tra, kiểm sát điều tra các vụ án, Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân các địa phương đã chú trọng phát hiện những sơ hở trong công tác quản lý Nhà nước ở địa phương mình để kịp thời ban hành kiến nghị phòng ngừa tội phạm.

3.2.6. Hoàn thiện các quy định của pháp luật có liên quan đến mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia

Pháp luật là phương tiện đặc biệt quan trọng trong tổ chức và thực hiện các chức năng của Nhà nước. Từ thực tiễn của mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong quá trình điều tra các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia thời gian qua; xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ của giai đoạn cách mạng mới, để tiếp tục nâng cao hiệu quả quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân, cần phải thể

ché hóa hoặc bổ sung, sửa đổi một số văn bản pháp luật có liên quan. Cụ thể là:

- Cần xây dựng và hoàn thiện Quy chế phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia:

Một số quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 đã đề cập đến quan hệ giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia, nhưng chưa có những quy định cụ thể, mà chỉ quy định thẩm quyền một cách chung chung (*là các Cơ quan An ninh điều tra, Viện kiểm sát nhân dân*), không quy định rõ ai là người trong các cơ quan này được quyền thực hiện những hành vi tố tụng. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến trách nhiệm của những người tiến hành tố tụng, mà còn ảnh hưởng đến mối quan hệ phối hợp và chế ước lẫn nhau giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân. Thực tế, hai cơ quan này đôi khi cũng có những quan điểm khác nhau khi giải quyết vụ án hình sự, nhất là các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia có liên quan đến nhiều yêu cầu chính trị. Vì vậy, cần ban hành một văn bản pháp luật quy định về cơ chế thực hiện quan hệ giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân (*thậm chí cả Tòa án nhân dân*). Nội dung văn bản cần nêu rõ những vấn đề về nội dung mối quan hệ, cách thức quan hệ, quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia, trách nhiệm cá nhân khi có hành vi sai phạm

- Tiếp tục hoàn thiện và thể chế hóa bằng văn bản pháp luật về quan hệ giữa Cơ quan An ninh điều tra với các cơ quan, tổ chức trong điều tra các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia:

Hiện tại, đã có một số văn bản quy định về quan hệ giữa các cơ quan, tổ chức trong điều tra các vụ án hình sự, như: Chỉ thị số 11-CT/BNV ngày 09/5/1989 của Bộ Nội vụ (*nay là Bộ Công an*); Thông tư số 01/TTLN hướng

dẫn việc giải quyết các vụ án trọng điểm của Bộ Nội vụ - Viện kiểm sát nhân dân - Tòa án nhân dân; Thông tư liên tịch số 05/2005/TTLT-VKSTC-BCA-BQP ngày 07/9/2005 về quan hệ phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; Thông tư liên tịch số 01/2008/TTLT-VKSTC-TANDTC-BQP-BCA ngày 20 tháng 11 năm 2008 về quan hệ phối hợp trong một số hoạt động điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong Quân đội và ngoài Quân đội ...

Tuy nhiên, nội dung các văn bản trên chưa quy định đầy đủ về quan hệ giữa Cơ quan An ninh điều tra với các cơ quan khác như Bộ Ngoại giao, Ban Tuyên giáo Trung ương, các cơ quan ngôn luận Mặt khác, chưa có quy định cụ thể về cơ chế thực hiện mối quan hệ giữa Cơ quan An ninh điều tra với các cơ quan, tổ chức, nhất là quy định về quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả thực hiện quan hệ giữa Cơ quan An ninh điều tra với các cơ quan, tổ chức trong quá trình điều tra các vụ án hình sự nói chung, các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia nói riêng trong tình hình hiện nay, thì cùng với việc ban hành một số văn bản pháp luật quy định về cơ chế thực hiện quan hệ giữa Cơ quan An ninh điều tra với Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân, cần phải ban hành văn bản pháp luật quy định về cơ chế thực hiện mối quan hệ giữa các cơ quan bảo vệ pháp luật với Bộ Ngoại giao, Ban Tuyên giáo, các cơ quan ngôn luận ... Nội dung văn bản tương tự như văn bản quy định về cơ chế thực hiện quan hệ giữa Cơ quan An ninh điều tra với Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân.

- Pháp điển hóa đối với những hành vi lợi dụng vấn đề “tự do”, “dân chủ”, “nhân quyền” ... gây nguy hại cho đất nước:

Hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam xét cho cùng là nhằm mở rộng và nâng cao quyền tự do, dân chủ của nhân dân trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Tuy nhiên, dân chủ phải đi đôi với kỷ cương và

đề cao trách nhiệm của công dân. Muốn có dân chủ phải thực thi dân chủ, nhưng muốn bảo vệ dân chủ thì phải có chuyên chính.

Các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được ghi nhận trong Hiến pháp và các văn bản pháp luật khác. Có thể coi việc “*lợi dụng quyền dân chủ*” hoặc “*dân chủ quá giới hạn*” để thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội là tội phạm và phải bị xử lý theo pháp luật. Vì vậy, cần pháp điển hóa đối với hành vi “*lợi dụng quyền dân chủ*”, hoặc “*dân chủ vượt giới hạn pháp luật cho phép*”, khi mà hành vi ấy có mức nguy hiểm cao cho xã hội. Còn nếu ở mức độ thấp hơn thì xử lý bằng các biện pháp khác không phải là biện pháp hình sự.

Cần nghiên cứu, ban hành các văn bản pháp luật về lập hội, biểu tình, bãi công ... cho phù hợp với tình hình mới thay thế cho các văn bản cũ đã được ban hành trước đây không còn phù hợp, như Sắc lệnh số 175/SL ngày 18/8/1953 về quản chế; Sắc luật số 101/SL, 102/SL, 103/SL ban hành năm 1957 về tự do báo chí, lập hội; Sắc lệnh số 234/SL về chính sách tôn giáo ... Đồng thời, ra các văn bản hướng dẫn thi hành làm căn cứ cho việc chỉ đạo, điều tra, xử lý các vụ án hình sự.

- *Xây dựng và ban hành Quy chế về quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân:*

Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 và một số văn bản hướng dẫn thi hành đã có những quy định chung về quan hệ giữa Cơ quan điều tra nói chung và Cơ quan An ninh điều tra nói riêng với Viện kiểm sát nhân dân. Tuy nhiên, trong thực tế, việc vận dụng và thực hiện mối quan hệ này lại khác nhau giữa các địa phương, thậm chí khác nhau trong cùng một địa phương. Vì vậy, việc xây dựng và ban hành quy chế về quan hệ tố tụng hình sự giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân là cần thiết, có ảnh hưởng rất lớn đến quá trình điều tra, khám phá tội phạm.

Quy chế này nên được xây dựng theo từng nội dung tương ứng với các công việc cụ thể mà Cơ quan An ninh điều tra cần tiến hành như:

+ Quan hệ giữa Cơ quan An ninh điều tra với Viện kiểm sát nhân dân trong việc phát hiện, xử lý tin báo, tố giác về tội phạm và khởi tố vụ án, khởi tố bị can.

+ Quan hệ giữa Cơ quan An ninh điều tra với Viện kiểm sát nhân dân trong việc áp dụng, thay đổi hay hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn.

+ Quan hệ giữa Cơ quan An ninh điều tra với Viện kiểm sát nhân dân trong việc áp dụng các biện pháp thu thập chứng cứ.

+ Quan hệ giữa Cơ quan An ninh điều tra với Viện kiểm sát nhân dân trong hoạt động kết thúc điều tra.

Trong mỗi phần của quy chế trên cần quy định cụ thể về quyền và trách nhiệm của mỗi cơ quan, của những chủ thể tiến hành tố tụng cũng như những điều kiện đảm bảo cho quy chế được thực hiện nghiêm túc.

Kết luận Chương 3

Luận văn đưa ra dự báo và nêu lên các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia trong thời gian tới.

Trước hết, luận văn dự báo về tình hình tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia, tiếp đó luận văn trình bày về yêu cầu nội dung cải cách tư pháp trong hoạt động điều tra, thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia có ảnh hưởng đến mối quan hệ phối hợp. Sau cùng, luận văn dự báo về những thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia.

Các giải pháp nâng cao hiệu quả mối quan hệ phối hợp giữa hai hệ

thống cơ quan đề cập đến các vấn đề về nâng cao nhận thức và trách nhiệm cho các chủ thể (*đặc biệt là đội ngũ Điều tra viên và Kiểm sát viên*) về mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia; việc tăng cường chỉ đạo quan hệ phối hợp trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia; việc nâng cao hiệu quả quan hệ phối hợp trong tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác tội phạm và chủ trương trong khởi tố vụ án, khởi tố bị can; phân định rõ trách nhiệm giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong quá trình tiến hành các hoạt động thu thập chứng cứ; việc chủ động thực hiện quan hệ phối hợp trong quá trình lựa chọn hình thức xử lý vụ án xâm phạm an ninh quốc gia và giải pháp về việc hoàn thiện các quy định của pháp luật có liên quan đến mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia.

KẾT LUẬN

Chọn nghiên cứu đề tài “*Mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia*” với tư cách là một đề tài luận văn Thạc sĩ, tác giả nhận thức đây là một đề tài cần thiết cả về phương diện lý luận và thực tiễn, song là một đề tài khó; từ trước tới nay, chưa có đề tài nào nghiên cứu một cách toàn diện, sâu sắc về vấn đề này.

Quá trình nghiên cứu, tác giả đã tuân thủ đúng quy trình và phương pháp nghiên cứu khoa học; bám sát mục đích, nhiệm vụ và phạm vi nghiên cứu; tích cực sưu tầm tài liệu; tranh thủ ý kiến của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng, các Điều tra viên của Cơ quan An ninh điều tra, của Viện trưởng, Phó Viện trưởng, các Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân các cấp và các đơn vị có liên quan, nhờ đó luận văn đã giải quyết được mục đích, nhiệm vụ đặt ra. Cụ thể là:

1. Luận văn xây dựng khái niệm về mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong quá trình điều tra vụ án xâm phạm an ninh quốc gia. Trên cơ sở phân tích tính tất yếu, sự cần thiết, bản chất, nội dung, phạm vi của mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý vụ án xâm phạm an ninh quốc gia, luận văn đã đi đến kết luận: “*Mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia là quan hệ xã hội có ý nghĩa pháp lý nảy sinh khi xảy ra vụ án xâm phạm an ninh quốc gia thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan An ninh điều tra, được các quy phạm pháp luật tổ tụng hình sự điều chỉnh; những người tham gia quan hệ này bao gồm Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan An ninh điều tra và Điều tra viên (thuộc Cơ quan An ninh*

điều tra); Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên (thuộc Viện kiểm sát nhân dân) mang quyền và nghĩa vụ theo luật định trong suốt quá trình giải quyết vụ án xâm phạm an ninh quốc gia”.

2. Luận văn cũng đã chỉ ra các đặc điểm cơ bản mang tính đặc trưng của mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý vụ án xâm phạm an ninh quốc gia bao gồm phạm vi, tính chất, trách nhiệm, tính chế ước và cơ chế thực hiện quan hệ chế ước giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý vụ án xâm phạm an ninh quốc gia. Đồng thời, luận văn cũng chỉ ra các đặc điểm về hoạt động phạm tội, đối tượng phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia chi phối, ảnh hưởng đến mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý vụ án xâm phạm an ninh quốc gia.

3. Luận văn phân tích, luận giải những vấn đề cơ bản về tổ chức bộ máy, nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan An ninh điều tra trong Công an nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân có ảnh hưởng đến quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý vụ án xâm phạm an ninh quốc gia. Khảo sát, đánh giá và phân tích các ưu, nhược điểm của việc thực hiện quan hệ phối hợp trong quá trình khởi tố vụ án, khởi tố bị can; áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn; áp dụng các biện pháp thu thập chứng cứ; thụ lý kiểm sát điều tra và thực hiện các yêu cầu khi trả hồ sơ điều tra bổ sung và phối hợp trong xử lý vụ án.

4. Luận văn đưa ra các dự báo về tình hình, âm mưu, phương thức, thủ đoạn hoạt động phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia và sự can thiệp của các thế lực thù địch đối với quá trình điều tra vụ án xâm phạm an ninh quốc gia.

5. Đặc biệt, luận văn đã nêu lên cơ sở lý luận, thực tiễn và đưa đến kết luận trong thời gian tới các thế lực thù địch sẽ tiếp tục lợi dụng vấn đề tự do, dân chủ, nhân quyền để tập hợp lực lượng, tiến hành các hoạt động xâm hại đến sự tồn tại và sự vững mạnh của chế độ Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ

nghĩa Việt Nam, thành phần đối tượng ngày càng trở nên đa dạng và phức tạp hơn, hành động với nhiều thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt. Đồng thời, luận văn cũng đưa ra một số nội dung yêu cầu cải cách tư pháp trong thời gian tới có ảnh hưởng đến hoạt động điều tra, thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động điều tra; những thuận lợi và khó khăn trong quá trình thực hiện quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân.

6. Nhằm góp phần nâng cao hiệu quả mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong thời gian tới, luận văn đưa ra các giải pháp về các vấn đề nâng cao nhận thức và trách nhiệm cho các chủ thể điều tra; tăng cường ý thức chỉ đạo quan hệ phối hợp, thực hiện có hiệu quả việc tiếp nhận, xử lý tin báo tố giác tội phạm và thống nhất quan điểm, chủ trương trong khởi tố vụ án, khởi tố bị can, phân tích rõ trách nhiệm trong quá trình tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ, chủ động, linh hoạt trong lựa chọn hình thức xử lý. Ngoài ra, luận văn còn đưa ra các giải pháp về việc xây dựng cơ chế phối hợp và hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự, pháp luật tố tụng hình sự có liên quan đến việc thực hiện quan hệ phối hợp giữa Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, xử lý vụ án xâm phạm an ninh quốc gia.

Để giải quyết những nội dung khoa học đã được đặt ra, ngoài sự nỗ lực cố gắng của tác giả, còn có sự giúp đỡ nhiệt tình và có hiệu quả của thầy giáo hướng dẫn - Tiến sĩ Phạm Việt Trường, một số thầy, cô giáo hiện đang giảng dạy, làm việc tại các trường Đại học Luật Hà Nội, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, Học viện An ninh nhân dân, Cục An ninh điều tra - Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, các nhà khoa học, cán bộ thực tiễn và đặc biệt là sự quan tâm, tạo điều kiện giúp đỡ của gia đình, người thân ... Tác giả xin gửi tới các thầy giáo, cô giáo, các đồng chí, đồng nghiệp và toàn thể gia đình lời cảm ơn sâu sắc. Với những thành công ban đầu, tác giả rất mong nhận được sự đóng góp của các thầy giáo, cô giáo và bạn đọc quan tâm để hoàn thiện hơn nữa đề tài khoa học này.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng khoá IV (1979), *Chỉ thị số 68-CT/TW* ngày 07/3/1979 về việc phân rõ phạm vi trách nhiệm, quyền hạn giữa ngành Công an và các tổ chức Đảng về công tác bảo vệ Đảng.
2. Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (1992), *Chỉ thị số 12* ngày 12/7/1992.
3. Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khoá VII (1993), *Kết luận 112-BB/BBT* ngày 25/5/1993.
4. Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khoá VII (1993), *Chỉ thị số 29-CT/TW* ngày 08/11/1993 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với cơ quan bảo vệ pháp luật.
5. Ban Chấp hành Trung ương khoá VII (1995), *Nghị quyết số 07/NQ-HNTW* ngày 23/01/1995.
6. Ban Chấp hành Trung ương khoá VII (1995), *Nghị quyết số 08/NQ-HNTW* ngày 23/01/1995 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật.
7. Bộ Chính trị (2000), *Chỉ thị số 52/CT-TW* ngày 16/3/2000 về phạm vi trách nhiệm, quyền hạn giữa các cấp uỷ Đảng với Đảng uỷ Công an, Ban Cán sự Đảng Viện kiểm sát nhân dân, Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân trong công tác bảo vệ Đảng và xử lý tội phạm liên quan đến cán bộ, đảng viên.
8. Bộ Chính trị (2000), *Chỉ thị số 53-CT/TW* ngày 21/3/2000.
9. Bộ Chính trị (2000), *Nghị quyết số 08/NQ-TW* ngày 02/01/2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới.
10. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 49/NQ-TW* ngày 02/6/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

11. Bộ Chính trị (2007), *Chỉ thị số 15/CT-TW ngày 07/7/2007 về sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác điều tra, xử lý các vụ án và công tác bảo vệ Đảng.*

12. Bộ Công an (1989), *Chỉ thị số 11-CT/BNV ngày 19/5/1989 của Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an).*

13. Bộ Công an (1990), *Quy định số 03-QĐ/BNV ngày 16/01/1990 của Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an).*

14. Bộ Công an (1997), *Thông tư số 01/TTLN hướng dẫn việc giải quyết các vụ án trọng điểm của Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an) - Viện kiểm sát nhân dân - Tòa án nhân dân.*

15. Bộ Công an (1997), *Thông tư liên ngành số 03/TT-LN giữa Viện kiểm sát nhân dân và Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an) về giải quyết tin báo, tố giác.*

16. Bộ Công an (2004), *Thông tư số 12/2004/TT-BCA của Bộ trưởng Bộ Công an.*

17. Bộ Công an (2004), *Công văn hướng dẫn số 728 của Tổng cục An ninh, Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Quy định về thẩm quyền điều tra trong lực lượng An ninh nhân dân.*

18. Bộ Công an (2004), *Công văn số 318/CV-BNV ngày 29/3/1992 của Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an).*

19. Bộ Công an (2010), *Quyết định số 140/QĐ-BCA ngày 11/01/2010 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Cục an ninh điều tra.*

20. Lê Văn Cẩm (2005), *Sách chuyên khảo Sau Đại học: Những vấn đề cơ bản trong khoa học Luật Hình sự (Phần chung)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

21. Lê Văn Cẩm (2009), *Sách chuyên khảo: Hệ thống tư pháp hình sự trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

22. Nguyễn Ngọc Chí (Chủ biên) (2001), *Giáo trình Luật Tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

23. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2009), *Nghị định số 77/2009/NĐ-CP ngày 15/9/2009 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an*.

24. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2003), *Nghị định số 136/2003/NĐ-CP ngày 14/11/2003 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an*.

25. Đào Hữu Dân (2006), *Mối quan hệ giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra với Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra vụ án hình sự*, Luận án Tiến sĩ luật học, Học viện Cảnh sát nhân dân, Hà Nội.

26. Hoàng Phê (Chủ biên) (2002), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Hà Nội - Đà Nẵng.

27. Đỗ Ngọc Quang (2004), *Sách chuyên khảo: Mối quan hệ giữa Cơ quan điều tra với các cơ quan tham gia tố tụng hình sự*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

28. Đinh Văn Quế (2000), *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự (Phần chung)*, Nxb thành phố Hồ Chí Minh.

29. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1992), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa VN*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

30. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2004), *Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

31. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2004), *Bộ luật Tố tụng hình sự nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Lao động xã hội, Hà Nội.

32. Nguyễn Tiến Sơn (2006), *Mối quan hệ giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong tố tụng hình sự Việt Nam*, luận văn Thạc sĩ luật học, Học viện Cảnh sát nhân dân, Hà Nội.

33. Tài liệu Tập huấn chuyên đề (2009), *Công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ án do Cơ quan an ninh điều tra thụ lý*.

34. Lê Hữu Thế (2003), *Những giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp*, Đề tài cấp Bộ.

35. Lê Hữu Thế (2004), *Vai trò của Viện kiểm sát trong việc thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự theo tinh thần Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị*, Đề tài cấp Bộ.

36. Trường Đại học Luật Hà Nội (2005), *Giáo trình Luật Tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

37. Đào Trí Úc (2000), *Luật Hình sự Việt Nam (Quyển I - Những vấn đề chung)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

38. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2003), *Nghị quyết 388-NQ/UBTVQH11 ngày 17/3/2003 về bồi thường thiệt hại cho người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra*.

39. Ủy ban thường vụ Quốc hội (2004), *Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự năm 2004*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

40. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2004-2010), *Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát hàng năm của ngành Kiểm sát*, Hà Nội.

41. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2008), *Quyết định số 07/2008/QĐ-VKSTC ngày 02/01/2008 ban hành Quy chế công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra các vụ án hình sự*.

PHỤ LỤC:

CÁC TỘI DANH THUỘC THẨM QUYỀN CỦA CƠ QUAN AN NINH ĐIỀU TRA

I. Các tội xâm phạm an ninh quốc gia

1. Điều 78: Tội phản bội tổ quốc
2. Điều 79: Tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân
3. Điều 80: Tội gián điệp
4. Điều 81: Tội xâm phạm an ninh lãnh thổ
5. Điều 82: Tội bạo loạn
6. Điều 83: Tội hoạt động phi
7. Điều 84: Tội khủng bố
8. Điều 85: Tội phá hoại cơ sở vật chất kỹ thuật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
9. Điều 86: Tội phá hoại việc thực hiện chính sách kinh tế - xã hội
10. Điều 87: Tội phá hoại chính sách đoàn kết
11. Điều 88: Tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
12. Điều 89: Tội phá rối an ninh
13. Điều 90: Tội chống phá trại giam
14. Điều 91: Tội trốn đi nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân.

II. Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh

1. Điều 341: Tội phá hoại hòa bình, gây chiến tranh xâm lược
2. Điều 342: Tội chống loài người
3. Điều 343: Tội phạm chiến tranh
4. Điều 344: Tội tuyển mộ lính đánh thuê, làm lính đánh thuê.

III. Các tội khác

1. Điều 180: Tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả
2. Điều 181: Tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành séc giả, các giấy tờ có giá giả khác
3. Điều 221: Tội chiếm đoạt tàu bay, tàu thủy
4. Điều 222: Tội điều khiển tàu bay vi phạm các quy định về hàng không của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
5. Điều 223: Tội điều khiển phương tiện hàng hải vi phạm các quy định về hàng hải của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
6. Điều 230: Tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự (Điều 230 a: Tội khủng bố và Điều 230 b: Tội tài trợ khủng bố)
7. Điều 231: Tội phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia
8. Điều 232: Tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vật liệu nổ
9. Điều 236: Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất phóng xạ
10. Điều 263: Tội cố ý làm lộ bí mật nhà nước; tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu bí mật nhà nước
11. Điều 264: Tội vô ý làm lộ bí mật nhà nước, tội làm mất tài liệu bí mật nhà nước
12. Điều 274: Tội xuất cảnh, nhập cảnh trái phép; tội ở lại Việt Nam trái phép
13. Điều 275: Tội Tổ chức, cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép.